

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PGS. TS. PHAN VĂN  
THS. NGUYỄN HUY CHƯƠNG

# NHẬP MÔN **KHOA HỌC THƯ VIỆN** THÔNG TIN

*Introduction to Library and Information Science*  
(Giáo trình dành cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng)

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
Hà Nội - 2001

# Lời nói đầu

*Giáo trình nhập môn khoa học thư viện và thông tin (Introduction to Library and Information Science) được biên soạn theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có bổ sung và sửa đổi một số đề mục) nhằm mục đích trang bị những kiến thức đại cương về thư viện học và thông tin học cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng sư phạm.*

*Giáo trình này giới thiệu cho sinh viên một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản của lí luận và thực tiễn hoạt động thư viện và thông tin tư liệu. Sinh viên nắm được đặc điểm của sách và các vật mang tin, nhận thức sâu sắc sách - là tri thức, là công cụ lao động, là phương tiện giáo dục chính trị tư tưởng, hiểu rõ vai trò tác dụng của sách trong đời sống xã hội. Cung cấp cho sinh viên phương pháp mang tính kế thừa truyền thống và tiếp cận với công nghệ thông tin mới để thu thập các nguồn tin, xử lí phân tích tin, sắp xếp, tra tìm, khai thác, sử dụng tài liệu để nâng cao hiệu quả, chất lượng học tập và nghiên cứu khoa học.*

*Học xong chương trình nhập môn khoa học thư viện và thông tin sinh viên biết xây dựng mục lục tài liệu tham khảo trong khoá luận, đồ án hoặc luận văn tốt nghiệp và các công trình nghiên cứu. Đồng thời biết sử dụng phương pháp học tập mới - tự học, tự nghiên cứu gắn liền với sách với thư viện và tư liệu thông tin trong quá trình được đào tạo và tự đào tạo.*



## PHÂN CÔNG BIÊN SOẠN



*PGS. TS. Phan Văn*



*THS. Nguyễn Huy Chương*

## PHÂN CÔNG BIÊN SOẠN

Chương I: Sách và các vật liệu mang tin

PGS, TS PHAN VĂN

Chương II: Cơ sở thư viện học và Thông tin học

PGS, TS PHAN VĂN

Chương III: Bộ máy tra cứu

THS. NGUYỄN HUY CHƯƠNG



# Mục lục

Lời nói đầu.....	2
Phân công biên soạn.....	3
Mục lục chương I.....	5
Chương I: Sách và vật liệu mang tin.....	7
I.1. Khái niệm về sách.....	7
I.2. Vai trò tác dụng của sách trong đời sống xã hội.....	10
I.3. Các vật liệu mang tin.....	31
Câu hỏi ôn tập chương I.....	40
Mục lục chương II.....	41
Chương II: Cơ sở thư viện học và thông tin học.....	43
II.1. Cơ sở thư viện học.....	43
II.2. Thông tin học.....	90
Câu hỏi ôn tập chương II.....	125
Mục lục chương III.....	126
Chương III: Bộ máy tra cứu.....	128
III.1. Bộ máy tra cứu truyền thống.....	128
III.2. Bộ máy tra cứu hiện đại.....	153
Câu hỏi ôn tập chương III.....	164
Tài liệu tham khảo.....	165

# Chương I Mục lục

<b>CHƯƠNG I: SÁCH VÀ CÁC VẬT LIỆU MANG TIN.....</b>	<b>7</b>
<b>I.1 KHÁI NIỆM VỀ SÁCH.....</b>	<b>7</b>
<b>I.1.1</b> Khái niệm về sách trên cơ sở vật liệu ghi chép.....	<b>7</b>
<b>I.1.2</b> Khái niệm sách dựa vào văn tự, chữ viết.....	<b>8</b>
<b>I.1.3</b> Theo quan điểm của Lưu Quốc Quân Trung Quốc.....	<b>8</b>
<b>I.1.4</b> Quá trình nghiên cứu phân tích và tổng hợp .....	<b>8</b>
<b>I.1.5</b> Các loại hình sách.....	<b>10</b>
<b>I.2 VAI TRÒ TÁC DỤNG CỦA SÁCH TRONG ĐỜI SỐNG</b>	
<b>XÃ HỘI.....</b>	<b>10</b>
<b>I.2.1</b> Các chức năng của sách.....	<b>12</b>
<b>I.2.1.1</b> Chức năng thông tin.....	<b>12</b>
<b>I.2.1.2</b> Chức năng hướng dẫn học tập.....	<b>12</b>
<b>I.2.1.3</b> Chức năng kích thích hứng thú đọc sách.....	<b>12</b>
<b>I.2.1.4</b> Chức năng kinh doanh của sách.....	<b>13</b>
<b>I.2.2</b> Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh bàn về vai trò và tác dụng của sách báo.....	<b>14</b>
<b>I.2.2.1</b> Các Mác với sách báo.....	<b>14</b>
<b>I.2.2.2</b> V.I. Lê nin với sách báo.....	<b>16</b>
<b>I.2.2.3</b> Hồ Chí Minh với sách báo.....	<b>17</b>



<b>1.2.3</b>	Các nhà hoạt động chính trị, khoa học, văn học nghệ thuật bàn về tác dụng của sách báo.....	22
<b>1.2.4</b>	Đảng cộng sản Việt Nam bàn về tác dụng của sách báo.....	24
<b>1.2.5</b>	Vai trò tác dụng của sách báo đối với thanh niên.....	26
<b>1.2.6</b>	Sách là công cụ lao động và là vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén.....	27
<b>1.2.6.1</b>	Sách là công cụ lao động.....	27
<b>1.2.6.2</b>	Sách là vũ khí đấu tranh giai cấp.....	29
<b>1.3</b>	CÁC VẬT LIỆU MANG TIN.....	31
<b>1.3.1</b>	Các vật liệu mang tin thô sơ từ thời cổ đại, trung đại.....	31
<b>1.3.1.1</b>	Đất sét nung.....	31
<b>1.3.1.2</b>	Papirut.....	32
<b>1.3.1.3</b>	Sách bằng da.....	32
<b>1.3.1.4</b>	Sách bằng xương thú mai rùa.....	32
<b>1.3.1.5</b>	Sách bằng đồng.....	33
<b>1.3.1.6</b>	Sách bằng đá.....	33
<b>1.3.1.7</b>	Sách bằng tre.....	34
<b>1.3.1.8</b>	Sách bằng gỗ.....	35
<b>1.3.1.9</b>	Sách bằng lụa.....	35
<b>1.3.1.10</b>	Giấy.....	36
<b>1.3.2</b>	Các vật tin từ khi phát minh ra máy in cho đến nay.....	36
<b>1.3.2.1</b>	In ấn (Print) sách, báo, tạp chí.....	36
<b>1.3.2.2</b>	Không in ấn (Non -print).....	38
	<b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG I.....</b>	<b>40</b>

## CHƯƠNG I

### SÁCH VÀ CÁC VẬT LIỆU MANG TIN

Sách - là một trong những nguồn lực công nghệ thông tin cực kỳ quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần học tập kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến mà nhân loại đã sáng tạo ra, phải tiếp thu “Tổng số tri thức” mà loài người đã tích lũy được từ cổ đại cho đến hiện đại. Sách là trí tuệ, là kinh tế, là chính trị, là khoa học, là sức mạnh giáo dục con người nắm vững quá khứ, hiểu biết hiện tại, dự báo tương lai. Chúng ta cần vũ trang cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng phương pháp học tập mới gắn liền với sách, với thư viện, phương pháp khai thác sử dụng sách để nghiên cứu, nâng cao hiệu quả, chất lượng học tập trong quá trình đào tạo. Trong chương thứ nhất này chúng tôi sẽ trình bày ba ý: Khái niệm về sách, vai trò, tác dụng sách trong đời sống xã hội, các vật liệu mang tin để chuyển tải thông tin đến với bạn đọc, với người dùng tin.

### I.1 KHÁI NIỆM VỀ SÁCH

*Trong quá trình nghiên cứu lý luận sách, nhiều nhà khoa học đã nêu lên các khái niệm khác nhau về sách, chúng tôi xin khái quát mấy khái niệm sau:*

#### I.1.1 Khái niệm về sách trên cơ sở vật liệu ghi chép

Tiếng La Tinh sách là “Liber” xuất phát từ “Thổ vỏ cây”. Người Anh gọi sách là “Book” trên cơ sở từ gỗ dùng để chế ra giấy. Người Đức dùng từ gỗ “Buk” để gọi sách. Người Pháp dùng từ “Livre” trên cơ sở từ thổ vỏ cây trong gốc La tinh “Liber”. Người Nga gọi sách là “Kniga” nghĩa là rễ cây. Người Trung Quốc gọi sách là “Kinh” có nghĩa là “Sợi chỉ

vải” là nguyên liệu chế ra giấy. Từ đó dẫn đến khái niệm: Sách là những trang giấy ghi lại những tri thức của nhân loại,... giấy được coi là đặc trưng cơ bản của sách.

---

### **I.1.2 Khái niệm sách dựa vào văn tự, chữ viết**

Sách - là văn tự (Xuất phát từ chữ cổ Hy Lạp có nghĩa là chữ viết, văn tự, thư tín...) do ấn loát hoặc chép tay với số lượng trang nhất định hợp thành. Thư tịch là biểu hiện nền văn minh tiến bộ và vĩ đại nhất của loài người, là vũ khí đấu tranh chính trị mạnh mẽ, là nhân tố có hiệu quả để nắm chắc toàn bộ tri thức của nhân loại đã tích lũy được. (Trích Đại bách khoa toàn thư Liên Xô).

---

### **I.1.3 Theo quan điểm của Lưu Quốc Quân Trung Quốc**

Khái niệm về sách: “Sách là những tri thức được ghi lại nhờ có văn tự và hình vẽ”...Kết hợp nội dung và hình thức sách nhằm mục đích truyền bá tri thức từ thế hệ này qua thế hệ khác trong các thời kỳ lịch sử của mỗi dân tộc<sup>1</sup>

---

### **I.1.4 Quá trình nghiên cứu phân tích và tổng hợp chúng ta có thể rút ra kết luận đầy đủ hơn, khoa học hơn Khái niệm về sách:**

Sách \_ đây là sản phẩm đặc biệt phản ánh văn hóa vật chất và đời sống tinh thần của xã hội.

Như thế nào là sản phẩm văn hóa vật chất? Sách biểu hiện ở bản thân nó là những bản chép tay (Bản thảo) hoặc sách in, được trình bày dưới hình thức nhiều tờ rời đóng lại thành quyển (tập), trong đó được ghi chép bằng chính văn hoặc minh họa bằng đồ hình. Sản phẩm văn hóa vật chất để cấu thành sách bao gồm: văn tự, chữ viết, vật liệu ghi chép từ thô sơ đến hiện đại như: đất sét nung, xương thú, mai rùa, da, tre, gỗ lũa, giấy, băng từ, đĩa từ, đĩa quang học..., những phương tiện ấn loát như: mực in, chữ in, máy in, chế bản điện

---

<sup>1</sup> Trích: Sơ giản lịch sử sách Trung quốc của Lưu Quốc Quân. Bắc kinh, 1958



tử, hình vẽ, đóng sách, bìa sách, khổ sách, khối lượng trang...

Như thế nào là đời sống tinh thần của xã hội? Trong sách trình bày các tác phẩm có nội dung về chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tư duy, khoa học kỹ thuật và công nghệ, văn hóa, nghệ thuật... từ thực tế sinh động đúc kết thành lý luận, thành những quy luật phát triển tự nhiên và xã hội. Sách là vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén, là công cụ giáo dục tư tưởng, tình cảm, lao động và phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, là phương tiện thúc đẩy sự tiến bộ cuộc sống tinh thần của loài người. Không có sách nhân loại không thể phát triển từ thời đại đồ đá cho đến nền văn minh công nghệ thông tin toàn cầu, thời đại hạt nhân nguyên tử. Gôrki M. nhà văn hào vô sản Nga đã viết: “Sách là một kỳ công phức tạp và vĩ đại nhất trong tất cả các kỳ công tuyệt diệu mà loài người sáng tạo ra trên con đường tiến tới hạnh phúc và tương lai tươi sáng”<sup>2</sup>

Nội dung và hình thức của sách: Sách đã trải qua con đường dài phát triển. Hình thức của sách đã làm thay đổi nội dung và mục đích của nó. Sách là loại sản phẩm công nghiệp có tính chất nghệ thuật, hình thức trình bày trang trí mỹ thuật do con người tạo ra. Xét về hình thức trình bày của sách ta có thể hiểu được trình độ văn minh của loài người qua các thời đại. Mặt khác, nội dung của sách diễn đạt trí tuệ, tư tưởng, tình cảm, nhận thức của con người đối với thế giới xung quanh, phản ánh quy luật tự nhiên và xã hội có tác dụng thúc đẩy quá trình phát triển lịch sử xã hội loài người.

Do đó, sách có hai phương diện: hình thức và nội dung. Nội dung của sách có tác dụng to lớn đối với con người, nhưng nội dung đó phải dựa vào hình thức vật chất mới thể hiện được. Vì vậy nội dung và hình thức của sách là một thể thống nhất luôn luôn gắn liền với sự phát triển kinh tế, chính trị, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, xã hội qua các thời đại của các dân tộc trên thế giới.

2 Trích: Lời giới thiệu mục lục của nhà xuất bản Văn học thế giới.- Petecbua, 1959.- tr.5



### I.1.5 Các loại hình sách

Sách có nhiều loại hình khác nhau. Khi phân loại sách, người ta thường dựa theo các yêu cầu và mục đích khác nhau để xác định.

Khi xét về phương diện chất liệu và kỹ thuật để làm ra sách, người ta chia sách thành các loại: Sách làm bằng đất nung, sách chép tay, sách in trên giấy (In khắc gỗ, in Litô, in ốp xết, in tipô, và in bằng chế bản điện tử...)

Khi xét về phương diện nội dung, người ta chia sách theo các lĩnh vực tri thức khoa học khác nhau: Sách chính trị, sách kinh tế, sách khoa học, sách văn học, sách kỹ thuật, sách nghệ thuật....

Khi xét về phương diện tác dụng và giá trị sử dụng, người ta chia sách theo các loại: sách giáo khoa, sách hướng dẫn, từ điển, sách sổ tay nghề nghiệp....

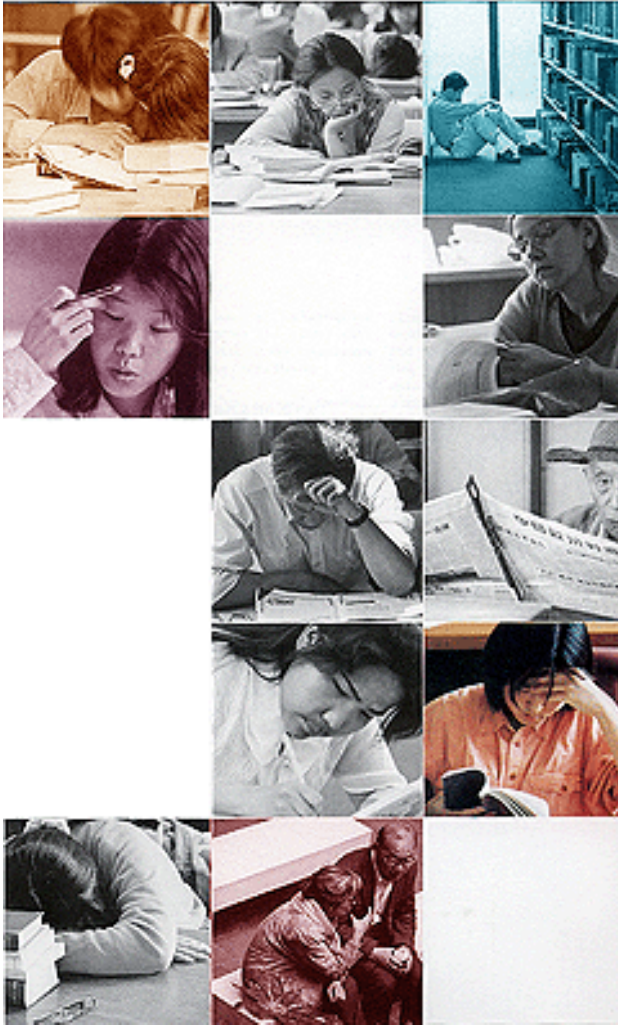
Khi xét về phương diện phục vụ cho các đối tượng trong xã hội, người ta chia sách theo các loại: sách thiếu nhi, sách mẫu giáo, sách phổ thông, sách khảo cứu...

Khi xét về cấu trúc của sách, người ta chia sách theo các loại: sách bìa cứng, sách bìa mềm, sách đóng chỉ, sách đóng kẹp, sách gấp nếp....

Hiện nay, nhiều nước tiến bộ trên thế giới đã lập “Viện sách” để nghiên cứu sự phát sinh và phát triển sách. Trong thực tiễn đã hình thành ngành nghiên cứu lý luận về sách trong xã hội.

## I.2 VAI TRÒ TÁC DỤNG CỦA SÁCH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

*Sách là nguồn tri thức phong phú nhất của loài người, là công cụ mạnh mẽ thúc đẩy sự tiến bộ về văn hóa, khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Những phát minh vĩ đại, những tư tưởng khoa học thiên tài, những thành tựu công nghệ tin học nổi*



*tiếng tìm ra được là nhờ có sách. Sách có tác dụng giúp cho loài người ghi lại những tri thức, những kinh nghiệm đã tích lũy được qua hàng trăm thế kỷ trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nó.*

*Sách là sản phẩm đặc biệt trong xã hội có chức năng giáo dục con người phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, tâm hồn, tình cảm, lối sống cao đẹp, có bản lĩnh ngang tầm với thời đại, với sự nghiệp đổi mới của đất nước hiện nay.*



## 1.2.1 Các chức năng của sách

Mỗi loại sách đều có những đặc thù. Tuy nhiên, đã là sách thì dù loại nào, đều có những điểm chung nhất về chức năng. Đó là những chức năng chủ yếu sau đây:

### 1.2.1.1 Chức năng thông tin:

Đây là chức năng thông báo nội dung tri thức, giá trị tư tưởng, khoa học và nghệ thuật của sách. Trong thời đại ngày nay có những nguồn thông tin vô cùng phong phú, đa dạng, nhưng sách là một trong những nguồn thông tin cơ bản nhất, thực hiện bằng hai phương pháp chủ yếu: chữ viết (Kênh chữ) và hình ảnh, sơ đồ, đồ hình, đồ thị, bản vẽ...(Kênh hình).

### 1.2.1.2 Chức năng hướng dẫn học tập:

Chức năng này đòi hỏi sách phải góp phần phát triển tư duy, nâng cao tính độc lập, sáng tạo, bồi dưỡng kỹ năng và năng khiếu tự học, tự rèn luyện, phương pháp đọc sách trong quá trình được đào tạo và tự đào tạo.

### 1.2.1.3 Chức năng kích thích hứng thú đọc sách:

Ngoài hai chức năng thông tin và hướng dẫn học tập, sách còn có chức năng kích thích lòng say mê đọc sách, yêu thích sách và tạo niềm vui, niềm hạnh phúc trong lao động học tập, khám phá và sáng tạo trong quá trình đọc sách, khắc phục tình trạng lười học, lười đọc. Thực hiện chức năng này bằng phương pháp sách phải trình bày hết sức khoa học, bằng hình ảnh hấp dẫn, màu sắc hài hòa, ngôn ngữ gợi cảm, trong sáng, dễ hiểu...

Ba chức năng trên của sách không phải là ba vấn đề tách biệt, mà có mối quan hệ tác động lẫn nhau. Nếu lượng thông tin phong phú, chính xác đồng thời lại có phương pháp hướng dẫn tự học tốt, thì niềm say mê đọc, học tập càng được kích thích thêm. Mặt khác, niềm say mê học tập được hướng dẫn



bằng một phương pháp tốt là tiền đề để phát huy khả năng tiếp thu và vận dụng sáng tạo lượng thông tin trong sách vào thực tiễn đời sống xã hội có hiệu quả cao nhất

#### **1.2.1.4 Chức năng kinh doanh của sách:**

Ngoài ba chức năng trên đây sách còn là sản phẩm hàng hóa, vì vậy nó còn có chức năng kinh doanh.

Trong điều kiện cơ chế thị trường, sách còn là một loại hàng hóa đặc biệt bởi vì nó chứa đựng giá trị tinh thần và hàm lượng trí tuệ cao.

Trong quá trình làm phong phú về hình thức và thống nhất về nội dung của việc tái sản xuất mở rộng, sách giữ vai trò quan trọng. Các Mác đã viết: “Sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng tự chúng tạo thành những bộ phận nguyên vẹn nhưng khác nhau trong sự thống nhất”<sup>3</sup>. Lưu thông là sự liên kết giữa sản xuất và tiêu dùng, nó trực tiếp thực hiện việc trao đổi sách thành tiền, đảm bảo khả năng vật chất cho tái sản xuất mở rộng sách, nâng cao chất lượng sách. Điều quan trọng đặc biệt là có sự khác nhau về nguyên tắc lưu thông sách và các nghề buôn bán khác. Cũng có sự khác nhau giữa



sản xuất sách với tất cả các kiểu sản xuất khác. Sự khác nhau đó là ở đối tượng hoạt động của chúng.

Sách là một loại hàng hóa đặc biệt bởi vì giá trị và giá trị sử dụng của sách thường không thống nhất. Giá trị của sách chủ yếu do nội dung của sách quyết định. Trong chức năng kinh doanh sách phải thực hiện hai yếu tố cơ bản: kinh tế và xã hội trong đó cần coi trọng yếu tố xã hội hơn. Một quyển sách in ra là một phương tiện để phổ biến thông tin khoa học, một công cụ đấu tranh chính trị và phát triển văn hóa vật chất tinh thần... Tính lợi ích xã hội của sách được xác định như vậy, nên ý nghĩa của sách trước tiên là ở nội dung tư tưởng của nó. Lưu thông sách chính là đáp ứng các yêu cầu của xã hội, của cuộc đấu tranh cách mạng thông qua nội dung của sách. Khi bàn đến chức năng kinh doanh của sách có

nghĩa là nói đến giá trị sử dụng, tính lợi ích xã hội của sách trong phạm vi trao đổi và lưu thông hàng hóa.

## 1.2.2 Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh bàn về vai trò và tác dụng của sách báo

### 1.2.2.1 Các Mác với sách báo:

Các Mác con người vĩ đại, có bộ óc tiên tiến nhất của loài người đã nói một cách tự hào về vai trò của sách trong cuộc sống: C. Mác đã trả lời câu hỏi: Công việc yêu thích và say mê nhất của người là gì? - Đọc sách, tìm tòi tri thức trong

nhiều quyển sách... Từ năm 1847, C. Mác đã thu thập, ghi chép, tóm tắt các tác phẩm của 17 tác giả, gồm 24 quyển vở, tổng cộng hơn 440 tờ, mỗi tờ bằng 32 trang để viết bộ “Tư bản”. Bộ “Tư bản” gồm 4 tập

*Tập I: Quá trình sản xuất tư bản.*

*Tập II: Quá trình lưu thông tư bản.*

*Tập III: Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa*

*Tập IV: Các học thuyết về giá trị thặng dư.*

Sau này trong lời tựa F. Anghen có viết: Chuẩn bị tài liệu để viết bộ tư bản là vô số ghi chép của Mác với những trích lục thuộc về thời bấy giờ. Bộ “Tư bản” được đánh giá cao - Là đài kỷ niệm hùng vĩ, thiên tài, sáng tạo của Mác.

Các Mác đã gắn liền sách với lao động sáng tạo của mình, sách là một phương tiện trong cuộc đấu tranh giải phóng người lao động khỏi ách tư bản, đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng. Các Mác nói: “Sách là nô lệ của tôi, nó phải phục vụ tôi theo ý muốn”<sup>4</sup>

Suốt đời hoạt động của Các Mác và F. Anghen gắn bó chặt chẽ với thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản thế giới, đồng thời cũng gắn bó chặt chẽ với sách báo. Chính trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp vô sản quốc tế, kết hợp với tính kế thừa có phê phán chọn lọc, thu nhận tinh hoa tri thức của nhân loại đã tích lũy được qua các thời đại: Triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh, chủ nghĩa xã hội Pháp mà Các Mác và Anghen đã sáng lập ra chủ nghĩa Mác - Vũ khí lý luận khoa học nhất, cách mạng nhất của giai cấp vô sản thế giới. Vào năm 1948 đã cho xuất bản quyển “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” tác phẩm đầu tiên của chủ nghĩa Cộng sản khoa học, trong tác phẩm này Các Mác và Anghen đã phân tích, chứng minh về mọi mặt học thuyết cách mạng, thế giới quan duy vật biện chứng. Mở đầu của quyển sách là lời kêu gọi “Vô sản toàn thế giới hãy liên hiệp lại” - Đây là tiếng kèn xung trận, đang động viên hàng triệu nhân dân lao động trên toàn thế giới phất cao

ngọn cờ đấu tranh chống giai cấp tư sản bóc lột trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa, vì giải phóng dân tộc.

V.I. Lê nin đánh giá cao tác phẩm “Tuyên ngôn Đảng cộng sản”. Người nói đây là tập sách mỏng nhưng có giá trị như bộ bách khoa toàn thư hoàn chỉnh gồm nhiều tập.

#### 1.2.2.2 V.I. Lê nin với sách báo:

V.I. Lê nin đã kế thừa và phát triển một cách xuất sắc tư tưởng cách mạng của Mác và Enghen trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản phát triển đến tột cùng thành chủ nghĩa đế quốc. Đối với Lê nin sách báo thực sự là những phương tiện quan trọng giúp người hoàn thiện học thuyết của Mác, hướng dẫn, giáo dục, chỉ đạo giai cấp vô sản Nga và giai cấp vô sản thế giới thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình là tấn công quyết liệt vào giai cấp tư sản và những kẻ chống lại hoặc phản bội chủ nghĩa Mác.



Ngay từ thời kỳ thơ ấu, V.I. Lê nin đã say mê đọc sách báo, gắn với thư viện, trong suốt những năm tháng hoạt động cách mạng gian khổ, lúc ở trong nước, lúc ở nước ngoài, khi bị tù đày... ở đâu người cũng giành thời gian tối đa để nghiên cứu sách báo. V.I. Lê nin viết tác phẩm “Sự phát triển chủ nghĩa tư bản Nga”<sup>5</sup>, người đã sử dụng 583 cuốn sách bằng các thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức. Năm 1908 V.I. Lê nin quyết định hoàn thành cuốn “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm”, người đã đọc hơn 200 tài liệu gốc



bằng tiếng Anh, Pháp, Đức... Ngoài ra, người còn nghiên cứu một số công trình của các nhà vật lý và triết học Anh thế kỷ 19, V.I. Lê nin phải đi từ Geneve đến Luân đôn, viện bảo tàng Anh để tham khảo tài liệu. V.I. Lê nin viết tác phẩm “Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản” đã tham khảo 603 cuốn sách và 253 bài báo. Trong công cuộc xây dựng CNXH V.I. Lê nin luôn luôn nhấn mạnh vai trò cực kỳ quan trọng của sách báo. Người nói: “Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức thì không có chủ nghĩa xã hội”.

Trong thời đại ngày nay, Lê nin toàn tập, gồm 55 tập, xuất bản lần thứ năm có sức hấp dẫn phi thường, đã vạch ra con đường đưa nhân dân lao động toàn thế giới tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hàng trăm triệu người trên hành tinh của chúng ta đặc biệt chú ý đến tuyển tập và toàn tập của V.I. Lê nin, những lời tuyên bố, những học thuyết của người là nguồn sức mạnh vô tận trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình của các dân tộc trên toàn thế giới. Theo thống kê của Viện sách Nga đã có 48 nước trên thế giới xuất bản các tác phẩm của Lê nin gồm 4070 lần, trên 51 thứ tiếng, gồm có 408,8 triệu bản<sup>6</sup>. Những tác phẩm của V.I. Lê nin là những tư tưởng bất diệt và sự nghiệp vĩ đại của người để lại cho nhân dân lao động trên toàn thế giới, nguồn cổ vũ, động viên, vận dụng sáng tạo học thuyết của người vào hoàn cảnh cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### 1.2.2.3 Hồ Chí Minh với sách báo:

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi sách báo là phương tiện quan trọng trong quá trình tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người đã thực hiện phương châm: học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau, học ở dân.

Thời thơ ấu với cái tên Nguyễn Sinh Cung người đã ham mê đọc sách báo và đọc những sách như: Tứ thư, Ngũ kinh, ấu học ngữ ngôn thư, Sơ học văn tân...

Sách báo là công cụ học tập của Nguyễn Tất Thành ở trường quốc học Huế. Nguyễn Tất Thành đã thực hiện đúng lời dạy của cha Nguyễn Sinh Huy: “Các con phải coi việc đọc sách là đáng quý, mỗi ngày phải đọc được 10 trang sách, phải coi sách là nguồn báu vô tận của mắt”. Người đã đọc nhiều sách lịch sử cổ Trung Quốc, sách Tam Quốc Chí, Tây du ký..., đọc sách tiếng Pháp: “Những người cùng khổ” của nhà văn hào Pháp Vichto Huy gô, các tác phẩm của triết gia Pháp như: Rutzô (Rousseau), Môngtetkiơ (Montesquieu), Vonte (Voltaire) và Côngđoácxe (Condorcet)... nhằm làm quen với nền văn minh Pháp, tìm hiểu thực chất cái gọi là: tự do, bình đẳng, bác ái, đấu tranh cho quyền cơ bản của con người - Là nhân quyền.



Năm 1908, Thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã tổ chức tủ sách dùng chung cho học sinh ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) - Một trường tư thục tiến bộ lúc bấy giờ ở miền Trung. ở đây, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã rèn luyện cho học sinh tinh thần ham mê đọc sách, mở mang trí tuệ và chính người đã nêu tấm gương sáng về tinh thần ham học, ham hiểu biết, đọc nhiều thơ văn yêu nước của cụ Phan Bội

Châu, Đông kinh nghĩa thực và quyết định sang Phương Tây tìm đường cứu nước.

Năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã từ bến nhà Rồng (Sài gòn) sang Pháp và lấy tên là Ba. Cuộc hành trình của anh Ba đầy sóng gió khắp năm châu bốn bể, lặn lội trong phong trào công nhân nhiều nước như: Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, An giê ri, Công gô... Năm 1917, trở lại Pari với cái tên Nguyễn Ái Quốc. Người thường xuyên đọc sách ở thư viện Quốc gia Pháp. Sách báo thư viện đã cung cấp cho Nguyễn Ái Quốc những hiểu biết phong phú, đa dạng, sâu sắc về những tinh hoa của nền văn minh nhân loại.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã đọc luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin đăng trên báo L'Humanite, từ sự kiện quan trọng này, người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng rõ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi trong phòng một mình mà tôi nói to lên như đang nói trước đông đảo quần chúng: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta !”<sup>7</sup>

Nguyễn Ái Quốc có tài năng đặc biệt sử dụng sách báo trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, đã nhận thức sâu sắc nguyên lý không có lý luận cách mạng, không có phong trào cách mạng, năm 1922, Nguyễn Ái Quốc cho xuất bản tờ Le Paria (Người cùng khổ), mục đích giải phóng các dân tộc bị áp bức.<sup>8</sup> Xuất bản mỗi kỳ 500 bản, người giành 200 bản gửi về nước. Việc xuất bản tờ báo Người cùng khổ là nhát búa giáng vào đầu bọn thực dân... Đó là luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức<sup>9</sup>

Khi viết quyển “Đường cách mệnh” Bác đã xác định rõ mục đích là: “Chỉ mong đồng bào xem rồi nghĩ lại, nghĩ rồi tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên, đoàn kết nhau mà làm cách mạng”<sup>10</sup>

Viết tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” (1925), Người đã nghiên cứu sử dụng 256 cuốn sách tham khảo khác nhau<sup>11</sup>. Giá trị của bản án... về lập trường, quan điểm, tư tưởng cách mạng giải phóng, vẫn ngời sáng như ánh mặt trời. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bản án chế độ thực dân Pháp và cũng chính Người lãnh đạo dân tộc ta thi hành bản án chế độ thực dân.


7 Trích trong bài «Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê nin» trong quyển Hồ Chí Minh những sự kiện.-H.: TTLL, 1990.- 266 tr.

8 Lời chào mừng báo người cùng khổ ra số 1 ngày 1-4-1922. Trích: Báo Nhân dân, 1973, tháng 5 ngày 18

9 Trần Dân Tiên.- Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.- H.: ST, 1975, tr.45

10 Nguyễn Ái Quốc.- Đường cách mệnh.- H.: Sự thật, 1982, tr.26

11 Lê Khánh Soa.- Tạp chí thanh niên, 1976, tháng 3, tr.30



Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình lịch sử. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Chính Phủ lâm thời cách mạng Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký sắc lệnh 13/CP tập trung hóa sự nghiệp thư viện và sách báo ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của nhà nước. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên chuyển toàn bộ thư viện, tủ sách của thực dân Pháp thành tài sản chung của nhân dân lao động cả nước. Người đã vận dụng một cách sáng tạo quan điểm của Lênin: Muốn xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa xã hội trong một nước thì nhân dân nước đó phải biết đọc, biết viết và biết sử dụng sách. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu luận điểm đặc biệt quan trọng trong lời kêu gọi chống nạn thất học: “Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập, một trong những nhiệm vụ... là nâng cao dân trí. Nhân dân Việt Nam muốn giữ vững nền độc lập. Muốn cho dân giàu nước mạnh. Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”<sup>12</sup>

Trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có con người mới xã hội chủ nghĩa”<sup>13</sup>. Đó là con người cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Việc gì cũng phải công minh chính trực, không vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Mình có quyền dùng người, thì phải dùng người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con, họ hàng, bầu bạn, mà kéo vào chức nọ chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị, mà tìm người có tài năng hơn mình. Phải biết đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, phải thấm nhuần tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình.

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, được tin đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam 7.000 tấn sách báo, Bác nói: “Ngoài kinh tế, quân sự, chính trị, đế quốc Mỹ đang âm mưu xâm lược miền Nam bằng văn hóa. Bảy nghìn tấn sách, báo Mỹ sẽ có

12 Hồ Chí Minh.- Lời kêu gọi chống nạn thất học.- Văn kiện Đảng 1945-1954, H.: NXB Sự thật, 1978, tr.14

13 Hồ Chí Minh.- Con người xã hội chủ nghĩa.-H.: NXB Sự thật, 1961, tr.6

tác hại như 7.000 tấn thuốc độc. Nó có thể làm hư hỏng cả một thế hệ thanh niên và nhi đồng ở miền Nam”<sup>14</sup>

Bọn xâm lược Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, đưa cuộc chiến tranh lan rộng ra cả nước, Bác Hồ đã viết lời kêu gọi: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Thực hiện lời dạy của Bác, nhân dân hai miền Nam, Bắc đã phát huy cao độ quyền làm chủ tập thể về chính trị, không tiếc xương máu bảo vệ đất nước thân yêu của mình. Đó là lối sống của hàng chục triệu người xẻ dọc Trường Sơn đi đánh Mỹ, nhằm thẳng quân thù mà bắn, còn cái lai quần cũng đánh. Đó là lối sống tiếng hát át tiếng bom, tay búa tay súng, tay cày tay súng, tay bút tay súng. Cả một dân tộc quyết tâm đứng lên làm chủ đời mình, đất nước mình, đã đánh bại đế quốc Mỹ và giành thắng lợi vẻ vang có tính chất lịch sử và thời đại.

Nói tóm lại, từ thời niên thiếu, cũng như quá trình hoạt động cách mạng gian khổ, khi ở trong nước, lúc ở ngoài, khi tự do, lúc bị tù đày ở bất đâu, trong hoàn cảnh nào Hồ Chí Minh vẫn giành thời gian đọc sách báo, tiếp xúc với thư viện, nắm vững tri thức của nhân loại, hiểu biết sâu tư tưởng phương Đông, phương Tây, đã kết hợp vận dụng một cách nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn. Người đã thành lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, của nhân dân bị áp bức và yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới. Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người chiến sĩ kiên cường trong phong trào cộng sản quốc tế, danh nhân văn hóa thế giới<sup>15</sup>. Như nhà thơ Xuân Thủy đã viết:

*“Một con người gồm: kim, cổ, tây, đông,*

*Giàu quốc tế, đậm Việt Nam từng nét.*

*Yêu dân tộc, yêu loài người tha thiết...”<sup>16</sup>*

14 Nói chuyện Mỹ.-H.: NXB QĐND, 1972, tr.176

15 Cơ quan văn hóa, khoa học, giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận Hồ Chí Minh danh nhân văn hoá thế giới nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người (1890-1990).

16 Xuân Thủy.- Tập thơ Bác ơi.-H.: NXB Văn hoá, 1964, tr.5

### 1.2.3 Các nhà hoạt động chính trị, khoa học, văn học nghệ thuật bàn về tác dụng của sách báo.

*Nhiều nhà hoạt động chính trị, khoa học, văn học, nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới đã đánh giá cao vai trò văn hóa, giáo dục của sách là món ăn tinh thần, sách là sách giáo khoa của cuộc đời, sách là người bạn, người thầy, người mẹ, họ đã so sánh sách là ánh sáng mặt trời, vì sách đã gắn liền cuộc đời hoạt động của họ, dẫn dắt họ đến tương lai tốt đẹp.*

Nhà bác học Xưôncôpxki đã nói: sự mơ ước của ông thời thơ ấu về sự giao lưu giữa các hành tinh, khi ông ta đọc tác phẩm của Rulia Vêna về chuyến bay đến chị Hằng Nga. Quả nhiên về sau ông đã trở thành nhà thiên văn học Nga nổi tiếng, nhà bác học thiên tài trong lĩnh vực nghiên cứu không gian vũ trụ.

Páp lớp viện sĩ Viện Hàm lâm y học Liên Xô, đồng thời là nhà bác học vĩ đại của thế giới đã cống hiến trọn đời mình cho khoa học, khi mới lên 16 tuổi Páp lớp đã đọc nhiều quyển sách về sinh lý học.

Rô manh Rô lanh - nhà văn, nhà cách mạng Pháp đã viết: Với quyển sách là vũ khí vật chất và tinh thần sáng ngời trong tay, chúng ta chiến đấu cho tự do, hạnh phúc của loài người.

M.I. Calinin nhà giáo dục Nga đã khẳng định: “Sách báo tác dụng nâng cao trình độ văn hóa \_ Khái niệm văn hóa rất rộng từ công việc rửa mặt cho đến đỉnh cao tốt bậc của tư tưởng loài người”<sup>17</sup>. Văn hóa rất đa dạng, muôn màu muôn vẻ \_ Lao động có văn hóa ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa của hành vi, của sinh hoạt. Văn hóa ngôn ngữ phụ thuộc rất nhiều về văn hóa trí nhớ và tư duy \_ Đọc sách có ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa ngôn ngữ.<sup>18</sup>

Sách giúp cho con người hình thành thế giới quan khoa học, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nhất định, phát triển năng lực làm việc, tiếp thu những kinh nghiệm và phương pháp tiên tiến tổ chức lao động khoa học , rèn luyện bản thân, xây

17 M.I. Calinin .- Giáo dục cộng sản.- M.: NXB Thanh niên, 1947, tr.43

18 I.B. Tumakin. Những vĩa đất có vàng.- Odecxa: 1965, tr.22

dựng tính cách, tăng cường ý chí bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tinh thần yêu lao động, phát huy tư duy độc lập. Đánh giá sâu sắc và quán triệt ý nghĩa to lớn của sách báo trong lịch sử nền văn hóa nhân loại. M. Gooki đã viết: “Hai sức mạnh giúp đỡ có hiệu quả nhất trong việc giáo dục con người có văn hóa, đó là nghệ thuật và khoa học, và kết luận: cả hai sức mạnh này kết hợp với nhau đã thể hiện trong sách”<sup>19</sup>

N.A. Ma rô dôp đã viết: “Sách thật kỳ diệu, sách đã biến đổi thế giới, sách chứa đựng tri thức nhân loại, sách là cái loa truyền đi tư tưởng của loài người. Thế giới mà không có sách, thì đó là thế giới của những người đã khuất”<sup>20</sup>

A.I. Ghec xen, nhà văn, nhà cách mạng dân chủ Nga nổi tiếng đã nhận xét một cách sâu sắc về vai trò tác dụng của sách báo trong đời sống xã hội: “Sách - Đây là di sản tinh thần của thế hệ này truyền lại cho thế hệ khác, là lời khuyên của những người sắp qua đời cho thế hệ thanh niên sắp bước vào cuộc sống. tất cả cuộc sống loài người liên tục được phản ánh trong sách: Bộ lạc, con người, quốc gia, đều có thể mất đi, nhưng sách vẫn tồn tại mãi mãi. Sách đã phát triển cùng với xã hội loài người. Sách đã ghi lại toàn bộ các học thuyết, trí tuệ, tình cảm của nhân loại. Sách đã giúp chúng ta nắm vững kinh nghiệm lao động và chân lý mà loài người đã trải qua muôn vàn đau khổ, lắm khi phải đổ máu mới giành được. Sách là cương lĩnh của tương lai. Vì thế, chúng ta cần phải yêu quý sách”<sup>21</sup>

*Qua một vài ví dụ trên đây để chứng minh rằng phần lớn các nhà văn học nghệ thuật, các nhà khoa học nổi tiếng thế giới đã chịu ảnh hưởng và tác dụng của sách báo từ thời niên thiếu, cho đến cả cuộc đời, sự nghiệp hoạt động của họ, đã giúp họ tạo nên những tác phẩm, những công trình, những phát minh mới vĩ đại hơn.*

19 M.Gooki.- Tuyển tập gồm 30 tập. T.25. M.: NXB Văn học, 1953, tr.42

20 N.A. Morodop.- Những mẫu chuyện đời tôi. T.2. M.: Viện hàn lâm khoa học, 1967, tr.51

21 A.I. Ghecxen.- Toàn tập gồm 30 tập. T.1.- M.: 1954, tr.367-368

#### 1.2.4 Đảng cộng sản Việt Nam bàn về tác dụng của sách báo

Sách báo cách mạng là vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén, là phương tiện truyền bá chủ nghĩa Mác Lê nin và đường lối chính sách của Đảng. Trong nghị quyết hội nghị Trung ương Đảng tháng 10 năm 1930 bàn về tình hình hiện tại ở Đông dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng, trong đó nhấn mạnh vai trò, mục đích của công tác tuyên truyền cổ động, ra sách báo, truyền đơn, diễn thuyết...<sup>22</sup>. Nghị quyết này chứng tỏ ngay từ khi ra đời đã nhận thức đầy đủ vai trò của sách báo cách mạng trong toàn bộ sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Năm 1936 - 1939, ở khắp các địa phương trong toàn quốc, các tổ chức Đảng đã phát hành nhiều sách báo công khai, tổ chức các hiệu sách tiến bộ, các phòng đọc sách, các “bình dân thư xã”... đây là sách báo cách mạng trong cao trào vận động dân chủ, là thành công to lớn trên mặt trận tư tưởng và văn hóa.

Công tác tuyên truyền sách báo cách mạng của Đảng đã góp phần xứng đáng trong việc động viên cổ vũ toàn Đảng, toàn dân anh dũng tiến lên trong cao trào kháng Nhật, cứu nước và tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trong cả nước. 19-8-1945, cách mạng tháng 8 thành công đã mở ra cho dân tộc Việt Nam - Kỷ nguyên độc lập - tự do - chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi Điện Biên Phủ vĩ đại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (1954), bắt đầu thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam tiến tới thống nhất nước nhà. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sách báo phải góp phần xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sách là nguồn sống, sách là một trường Đảng”... các Đảng bộ đã trực tiếp nắm công tác cung cấp sách phục vụ đời sống tinh thần cho quần chúng. Mỗi hình thức sinh động cần được tạo ra để gây một nguồn hứng thú đọc sách báo của Đảng. Với ý thức và sức mạnh của đông đảo đảng viên, chúng ta nhất định sẽ thắng được tư tưởng coi thường đọc sách báo và ngại đọc sách, nhất định làm cho cán bộ Đảng



viên và nhân dân ta càng thấy rõ tầm quan trọng của sách báo, coi sách là nguồn sống, là một trường Đảng”<sup>23</sup>

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III (1960) đã nêu rõ: “Ra sức cải tiến việc phát hành và tổ chức đọc sách báo,... làm cho sách báo được thực sự trở thành món ăn tinh thần của đông đảo quần chúng”<sup>24</sup> “ Cần xuất bản nhiều sách giáo khoa, sách phổ thông, đồng thời tăng cường xuất bản những sách kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin, mở rộng và phát triển phong trào quần chúng đọc sách báo.”

Trong báo cáo chính trị của ban chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng lần thứ IV (1976) đã nêu rõ:” Xây dựng thói quen đọc sách báo, làm cho việc đọc sách báo trở thành nhu cầu không thể thiếu được của mỗi người dưới chế độ mới”<sup>25</sup>

*Nghị quyết hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ngày 14-1-1993 đã nêu rõ nhiệm vụ của văn hóa nói chung và công tác sách báo nói riêng là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, đóng góp tích cực sự nghiệp đổi mới, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Chính đốn công tác xuất bản, in và phát hành. Phổ biến rộng rãi những tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật. Cấm sản xuất, xuất bản và phổ biến những tác phẩm, phim ảnh, băng hình độc hại và đồi trụy. Tăng cường công tác phát hành sách báo để chuyển tải được tốt và nhanh các giá trị văn hóa, văn nghệ. Khắc phục và phát triển hệ thống thư viện từ trung ương đến cơ sở. Đáp ứng được yêu cầu phát triển trí tuệ của nhân dân, yêu cầu nghiên cứu khoa học và văn hóa, nghệ thuật.*<sup>26</sup>

23 Trích: Xã luận báo nhân dân, số 2097, ngày 13-12-1959

24 Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III. Tập 3.-H.: ST, 1961, tr.76, 106

25 Trích: Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ IV.-H.: ST, 1977, tr.125

26 Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ IV khoá VII.-H.: ST, 1993. tr.51-57

### 1.2.5 Vai trò tác dụng của sách báo đối với thanh niên

Đường lối đổi mới của Đảng với những thành tựu đã đạt được đang tạo ra môi trường mới để thanh niên phát triển tài năng, cống hiến cho xã hội từng bước cải thiện đời sống, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Như Bác Hồ đã dạy: “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”, do đó vấn đề thanh niên phải được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Nhiều sách khoa học, kỹ thuật và công nghệ tổ chức quản lý đã giúp thanh niên phát huy tài năng trẻ, nhiều tấm gương tiêu biểu trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, trong các mũi nhọn của công nghệ hiện đại: công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, vật liệu mới....

*Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật đã có tác dụng trong công tác giáo dục tư tưởng, giáo dục tình cảm, thẩm mỹ cho thế hệ trẻ, động viên họ vươn lên hàng đầu trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ chủ quyền và an ninh đất nước, trong công tác nghiên cứu khoa học, học tập và rèn luyện tu dưỡng, trong hoạt động văn hóa nghệ thuật và thể thao. Vì các tác phẩm văn học nghệ thuật đã kết hợp được tính tư tưởng, tính chiến đấu sâu sắc, với những hình ảnh nghệ thuật cao, hấp dẫn như: “Người mẹ cầm súng”, “Hòn đất”, “Bất khuất”, “Sống như anh”, ... nội dung các tác phẩm này đã nêu lên được tư tưởng, tình cảm, quyết tâm, ý chí sắt đá của dân tộc ta trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, sự hy sinh cao cả vì lợi ích của tổ quốc. Tác phẩm “Thép đã tôi thế đấy” của Octorópki nói về chiến công vĩ đại của chiến sĩ trẻ vì cuộc sống mới. Tác phẩm có sức hấp dẫn và truyền cảm, có tác dụng giáo dục thế hệ của chúng ta trong công cuộc đổi mới hiện nay. Sách văn học nghệ thuật đã làm phong phú thế giới tinh thần của thanh niên, sách đã dạy cho họ tính kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc và những thành quả của Cách mạng, có tầm nhìn rộng, nhạy cảm với thời cuộc, giàu lòng yêu nước, toàn tâm toàn ý đem hết tài*

*năng sức lực đưa đất nước vượt qua nghèo nàn lạc hậu. Đặc biệt sách đã chỉ cho họ sống, lao động, học tập, làm việc theo chủ nghĩa xã hội, theo gương Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của dân tộc ta.*

## **1.2.6 Sách là công cụ lao động và là vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén**

### **1.2.6.1 Sách là công cụ lao động:**


Ở nước ta, sách đã trở thành công cụ lao động, có tác dụng đi vào cuộc sống, sinh hoạt, công tác của cán bộ khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, cán bộ giảng dạy, sinh viên, học sinh, bộ đội, công nhân, nông dân... nhằm trang bị cho họ những tri thức, những thành tựu mới trong khoa học và công nghệ, những kinh nghiệm tiên tiến trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, trên các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng và năng suất lao động.

Sách là công cụ lao động để cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội và giáo dục con người phát triển toàn diện, đồng thời sách chính là sản phẩm là thành quả lao động của con người sáng tạo ra, là tri thức mà nhân loại đã tích lũy được.

Một xã hội muốn tồn tại thì xã hội đó phải có một nền sản xuất lớn hơn trước về quy mô và trình độ sản xuất. Bởi vậy, không thể nào không tiếp thu những thành quả và kinh nghiệm của hình thái xã hội trước, từ đó sáng tạo hơn lên. Sách báo ra đời chính là vì mục đích sản xuất đó.

Bà N. Crupxkai đã viết: Sách là công cụ mạnh mẽ dùng để giao lưu, đấu tranh. Sách võ trang kinh nghiệm sống và kinh nghiệm đấu tranh của nhân loại cho con người, mở rộng tầm hiểu biết của con người, giúp con người thu nhận kiến thức để bắt các thế lực thiên nhiên phục vụ mình.

Muốn tái sản xuất mở rộng, muốn tăng năng suất lao động thì không có cách nào khác là phải dùng sách báo đưa




khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, không ngừng đổi mới công nghệ máy móc. Sách thực sự trở thành công cụ lao động. Nhờ sử dụng sách báo, con người có thể thay đổi quy trình lao động, phương pháp lao động, quy mô sản xuất, bắt thiên nhiên phục vụ con người. Nhờ có sách con người nắm được phương pháp mới, công nghệ mới với cốt lõi là vi điện tử, quang học, sinh học, vật liệu cao cấp, thể hiện trong những thiết bị nhỏ, nhẹ, tác động nhanh, tiêu tốn rất ít năng lượng. Ở đây nguồn lực chủ yếu là tri thức; kể cả khả năng sáng tạo chứa đựng trong sách. Sách là công cụ lao động mạnh mẽ nhất, hiệu quả nhất. Trước đây, gắn liền với nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phương thức lao động là thủ công, công cụ lao động thường là các vật cụ thể, đơn giản. tiến lên sản xuất lớn, trong đó khoa học, kỹ thuật, công nghệ tham gia trực tiếp để tạo ra của cải vật chất, thì khái niệm “Công cụ lao động” cần phải được đổi mới.

Để thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước phải sử dụng tối đa sách báo - là nguồn lực thông tin quan trọng, mà thông tin là tiềm lực của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Phải coi sách báo là công cụ lao động quan trọng, chúng ta phải thực hiện lời dạy của Bác Hồ cần nắm vững tri thức trong sách và ứng dụng vào thực tiễn: “Vấn đề có ý nghĩa quyết định là cán bộ, đảng viên phải hiểu rõ yêu cầu mới của cách mạng, là phát triển sản xuất, hiểu rõ nâng cao năng suất lao động là nguồn của cải to lớn nhất. Do đó cần phải tổ chức bộ máy sản xuất mới, tích cực học tập quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật. Ngày nay Đảng yêu cầu cán bộ và Đảng viên chẳng những thạo về chính trị mà còn giỏi về chuyên môn...”, “Muốn xây dựng thì phải tăng gia sản xuất - Muốn tăng gia sản xuất thì phải cải tiến kỹ thuật. Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hóa. Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải học tập, tích cực đọc sách báo, làm theo sách người tốt việc tốt”<sup>27</sup>

### 1.2.6.2 Sách là vũ khí đấu tranh giai cấp:

Trong lịch sử xã hội loài người, sự phát minh ra sách là một thành tựu kỳ diệu. Sách trình bày tất cả tri thức về cuộc sống, toàn bộ quá trình phát triển tư duy của loài người. Khi sách ra đời thì xã hội đã phân chia giai cấp. Từ đó đến nay, loài người đã trải qua nhiều chế độ xã hội khác nhau, thì sách báo phản ánh trung thành và bảo vệ quyền lợi của giai cấp mình. Trải qua nhiều thế kỷ sách đã là công cụ của giai cấp bóc lột, giai cấp phong kiến, tư sản, đã dùng sách báo về tôn giáo, sách mê tín dị đoan, sách kiếm hiệp, giật gân để dễ bề cai trị, mặt khác ngăn ngừa ảnh hưởng của sách báo tiến bộ, sách báo cách mạng.

Đối với đế quốc thì bóc lột nhân dân trong cả nước của chúng chưa đủ. Mở rộng thuộc địa là lẽ sống của họ. Trong nhiều nước tư bản, giai cấp thống trị sử dụng sách báo để tăng cường đàn áp tinh thần của quần chúng lao động ra sức tuyên truyền cho tư tưởng tư sản. Ví dụ: ở các nước tư bản phương Tây đã xuất bản sách khoa học, kỹ thuật, công nghệ cần thiết và có ích, nhưng đồng thời đã xuất bản nhiều sách với quan điểm sở hữu cá nhân, hàng hóa, đồng tiền, quyền lực, bạo lực...đặc biệt, thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, càng ngày giai cấp tư sản càng sử dụng sách báo một cách trắng trợn, triệt để, có thể nói chúng đã dùng sách báo như những tên đao phủ, dùng cái dao để giết người, như tên kẻ cướp dùng bó thuốc để đốt nhà người. Chúng cho xuất bản những cuốn sách dạy ăn cướp, giết người, dạy cách tự tử, dạy cách tống tiền, hãm hại người khác.<sup>28</sup> Chúng dùng sách báo để tuyên truyền cho chiến tranh lạnh, chia rẽ, gây hấn thù dân tộc, phân biệt chủng tộc, màu da, tuyên truyền chống cộng. Chúng cho lưu hành những quyển sách không có giá trị nghệ thuật, như tiểu thuyết phạm tội, khiêu dâm, trụy lạc, trinh thám...để đánh lạc hướng những người dân lao động về cuộc sống căng thẳng của họ, làm cho họ không nghĩ gì đến quyền lợi, đến lợi ích tương lai của mình, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Với những mục đích này sách được bổ sung vào các thư viện các nước tư bản được chọn lọc, kiểm



duyet tỉ mỉ để phục vụ cho độc giả những tài liệu sách báo có lợi cho giai cấp tư sản. Trong khi đó các nhà học giả tư sản không ngừng tuyên truyền cho tính “Khách quan”, tính “Phi giai cấp”, tính “Vô tư”, tính “Ngoài chính trị” của sách báo... Ngược lại, giai cấp vô sản luôn luôn công khai thừa nhận sách báo là vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén phục vụ cho lợi ích của giai cấp mình, là tiếng nói của những người lao động, vạch trần thủ đoạn áp bức, bóc lột của giai cấp phong kiến, tư sản.

Trong bài báo nổi tiếng “Tổ chức Đảng và văn học Đảng” V.I. Lênin đã khẳng định: “Các nhà xuất bản, các kho sách, các hiệu sách, các phòng đọc sách, các thư viện và các nơi bán sách báo - Tất cả đều phải trở thành của Đảng, phải chịu trách nhiệm trước Đảng”<sup>29</sup>

Tính giai cấp của sách báo vô sản không những chỉ là vấn đề lý trí, mà còn là vấn đề tính cảm, không chỉ là lập trường chính trị, mà còn là quan điểm khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật của cả tác giả lẫn cán bộ biên tập. Một số xuất bản phẩm có giá trị chẳng những truyền bá đúng đường lối chính sách của Đảng, mà còn phản ánh cuộc sống một cách chân thật, sinh động, hấp dẫn; chẳng những nhằm mục đích củng cố lập trường chính trị mà còn có tác dụng nâng cao tình cảm, nhiệt tình cách mạng của người đọc.

Tính giai cấp gắn bó chặt chẽ với tính dân tộc, tính quần chúng, tính khoa học - Đó là mối tổng hòa các quan hệ thuộc về bản chất của sách báo vô sản.

Tính giai cấp của sách báo cách mạng phải làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thành hệ tư tưởng của toàn dân, chỉ đạo mọi mặt hoạt động của xã hội, đồng thời phải đấu tranh xóa bỏ mọi hệ tư tưởng thù địch của giai cấp bóc lột và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc. Đi đôi với việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chống lại các tư tưởng phi vô sản và các phong tục tập quán lạc hậu. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa sách báo

là vũ khí đấu tranh tư tưởng, là công cụ giáo dục đạo đức, nâng cao trình độ khoa học, văn hóa cho nên mang tính chiến đấu cao. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III đã chỉ rõ: “Báo chí, thông tin, truyền thanh điện ảnh và các công tác văn hóa khác phải thực sự trở thành vũ khí ngày càng sắc bén của giai cấp công nhân trên mặt trận tư tưởng và chính trị...”<sup>30</sup>. Sách báo dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng cộng sản đã mang tính chất chính trị rõ ràng, đã thực sự trở thành vũ khí đấu tranh giai cấp.

## I.3 . CÁC VẬT LIỆU MANG TIN

### I.3.1 Các vật liệu mang tin thô sơ từ thời cổ đại, trung đại

Vật liệu tạo nên sách là phương tiện vật chất để cuốn sách hình thành. Tùy hoàn cảnh lịch sử xã hội khác nhau, xuất hiện những loại vật liệu khác nhau, từ đấy dẫn đến việc sách có thể phát triển nhiều hay ít, tốt hay xấu. Với vật liệu tự nhiên như đất sét, lá cây, vỏ cây, da thú, đá, đồng, gỗ.... thì sách không thể có nhiều được. Chỉ đến khi con người phát minh ra vật liệu mang tin sản xuất theo phương pháp công nghiệp thì sách mới có điều kiện tăng nhanh về số lượng.

#### I.3.1.1 Đất sét nung:

Đất sét nung là loại nguyên liệu có ở hầu hết các nơi trên trái đất. Cùng với kỹ thuật làm đồ gốm có vẽ hoa văn, người ta đã nghĩ đến việc viết chữ trên đất sét đem nung. Tại các quốc gia cổ đại vùng Lưỡng Hà người ta đã tìm thấy 20.000 cuốn sách bằng đất sét nung hình vuông hoặc hình tam giác của thư viện nhà vua Atxuabanipan (668 - 633 trước công nguyên.) Những tấm đất sét nung có chiều cao 0,125 cm viết bằng chữ nét móc, đánh số thứ tự trên mỗi trang. Ở đầu mỗi tấm thường ghi câu cuối của tấm trước đó cho dễ tìm. Những tấm đất sét nung được xếp vào các hộp bằng gỗ để tránh vỡ, gãy...<sup>31</sup>

30 Văn kiện đại hội Đảng lần thứ III.- H.: “Sự thật”, 1960, tr.187

31 E.I. Kasopozak . Lịch sử sách.-M.: 1964, tr.23

### 1.3.1.2 Papirút:

Ở bên bờ sông Nin có những cây giống cây sậy, gọi là Papirút. Khoảng 2000 năm trước công nguyên, người dân ở vùng này đã lấy vỏ cây phơi khô, bào nhẵn... sản xuất thành giấy viết gọi là giấy Papirút. Người ta cuộn thành cuộn dài gọi (Có cuộn dài tới 20m) chiều rộng thường là 15-30 cm. Những cuộn Papirút hai đầu gắn vào hai trục (Gọi là Volumen). Mỗi cuộn là một tập sách (Culmen). Nhiều tập sách hợp lại thành quyển (Liber)... Chính xuất phát từ chữ này mà sau này một số nước châu Âu dùng chữ “Livre” để chỉ khái niệm sách. Người Ai Cập thường dùng loại Papirút để ghi các tri thức toán học (Hình học, đại số), ghi chép sinh hoạt xã hội, các cuộc khởi nghĩa và cả những bói toán, thần chú. Trong các mộ cổ, người ta tìm thấy những cuộn Papirút ghi những “Điều vong nhân”, hướng người chết đi vào thế giới khác, hoặc ghi lai lịch người chết. Hiện nay còn lưu giữ được một cuộn viết từ 2000 năm trước công nguyên bằng chữ tượng hình Ai Cập.

### 1.3.1.3 Sách bằng da:

Cùng với nền văn minh Ai Cập, tại thành phố Aten (Hy Lạp) theo chế độ dân chủ chủ nô, có nền khoa học kỹ thuật phát triển cao. Ở đó tập trung nhiều nhà bác học, triết học, nhà văn... sợ bị nền văn minh ở đây lấn áp vua Ai Cập ra lệnh cấm chớ Papirút sang Aten. Để khắc phục tình trạng thiếu giấy viết, người Hy Lạp đã dùng da thay thế Papirút. Họ lấy da bò, da cừu bào nhẵn để viết chữ lên đó. Cuốn sách chế từ da có tên là “Parchemin” xuất phát từ tên thành phố đầu tiên đã nghĩ ra cách làm giấy bằng da. Hiện nay, tại thư viện Hoàng Gia Anh còn bảo quản tập sách Iliat Ôđixê viết trên da rắn.

### 1.3.1.4 Sách bằng xương thú mai rùa:

Tại một số nơi người ta dùng xương thú, mai rùa (Giáp, cốt) để làm nguyên vật liệu viết sách. Dân vùng lưu vực sông



Hoàng cuối đời Thương (Thế kỷ XVII - XI trước công nguyên) đã dùng loại vật liệu này. Họ đem những mảnh xương thường và xương ống chân súc vật và mai rùa gia công theo ý định, rồi dùng dao nhọn khắc chữ lõm vào. Trên các loại vật liệu này, người ta thường chỉ ghi những điều bói toán, mê tín, các điều lành, điều dữ, hoặc luật lệ... Do bề mặt của ống xương, mai rùa nhỏ nên số chữ ghi trên đó chỉ có hạn.

#### 1.3.1.5 Sách bằng đồng:

Trong thời chiếm hữu nô lệ, khái niệm tư “của anh”, “của tôi” ra đời. Từ đó đã thấy xuất hiện những tấm đồng ghi



chia tài sản cho người nào đó. Trong những công trình kiến trúc lớn, các chùa chiền người ta cũng khắc những bài văn, bia, hoặc khắc trên khánh, trên chuông, khánh đồng tên những người xây dựng, công đức...

#### 1.3.1.6 Sách bằng đá:

Đó là một nguyên liệu có nhiều nơi trên trái đất. Đá có ưu điểm dễ bề khắc hơn so với kim loại cứng. Chữ khắc trên đá có khả năng bảo quản lâu dài.

Người Ấn Độ cổ đại, người Ai Cập cổ đại đã có văn tự ghi trên đá. Tại nhà thờ Phíp (Hy Lạp) vùng Trung Cận Đông người ta đã khắc cuốn sử biên niên từ thời cổ đại trên những phiến đá, mỗi phiến 40 m<sup>2</sup>. Tại nhà thờ Măng đa lay (Miến Điện) đã đặt 728 phiến đá, mỗi phiến nặng 1 tấn, trên đó khắc nội dung bộ kinh Phật...



Ở Việt Nam, năm Quý dậu 973, Đinh Liễn con trai của Đinh Bộ Lĩnh đã cho khắc bộ kinh Đại Tạng trên 100 cột đá tại kinh thành Hoa Lư. Bộ bia đá trong Quốc Tử Giám là những trang sách ghi lại lịch sử khoa cử của dân tộc từ 1442 - 1779. Chúng ta có thể lấy nhiều ví dụ sách bằng đá thời Xuân Thu (770 -475 trước Công nguyên) ở Trung quốc...

### 1.3.1.7 Sách bằng tre:

Tre là một loài cây mọc nhiều ở vùng Đông Nam Á, tre có đặc tính dẻo, dai, nhẹ, nếu bảo quản tốt có thể giữ được



lâu...Nhân dân vùng lưu vực sông Hoàng đã sớm dùng vật liệu này để làm sách. Từ đời Thương đã thấy xuất hiện loại sách này. Đời Chu sách bằng tre được dùng tương đối phổ biến<sup>32</sup>. Từ thời chiến quốc (475 - 221 trước CN) đến đời

Đông Hán (Thế kỷ III) nhân dân sử dụng vật liệu tre để ghi chép là chính. Người ta gọi nó là giản sách. Giản đó là những thanh tre dài 3,40 cm. Mỗi giản viết một hàng chữ, mỗi hàng có 8 chữ. Cũng có giản viết đến 22, 25 chữ. Những giản sách được đánh số thứ tự, dùng dây xuyên lại thành bó, thành quyển sách.

#### 1.3.1.8 Sách bằng gỗ:

Gỗ là loại vật liệu dùng để khắc chữ, gỗ lại nhẹ, tương đối bền. Các vua chúa xưa kia thường dùng gỗ để khắc sắc chỉ. Những sắc chỉ này được buộc lại, gắn xi đánh dấu. Lúc bấy giờ gọi là Bản độc. Sách bằng gỗ còn gọi là phương sách. Trong nhân dân chúng ta thấy xuất hiện nhiều hình thức ghi chép trên gỗ. Đó là hoành phi câu đối, ghi chép những lý tưởng sống, những ước nguyện mong mỗi đạt được. Đó là các biểu trên các kiến trúc đình, chùa... Ngoài văn tự có một số bản khắc gỗ bằng hình ảnh miêu tả cuộc sống, sinh hoạt xã hội, sinh hoạt văn hóa, lễ hội của nhân dân, có giá trị lịch sử và nghệ thuật cao.

#### 1.3.1.9 Sách bằng lụa:



Lụa là một loại vật liệu quý hiếm, đẹp, bền, dễ viết, dễ vẽ. Lụa có thể cuộn lại thành cuộn để bảo quản. Vì vậy người ta đã dùng lụa để làm sách. Ở Việt Nam, lụa còn dùng để làm nền vẽ tranh, người ta gọi là tranh lụa.

### 1.3.1.10 Giấy:

Đây là loại vật mang tin có nhiều ưu điểm hơn các loại vật liệu trình bày trên đây. Từ khi xuất hiện giấy, sách phát triển nhanh hơn, nhiều hơn về số lượng và chất lượng. Người đầu tiên tìm ra giấy là Thái Luân vào thế kỷ thứ II. Sách Hậu Hán thư của Phạm Viện đã viết: Thái Luân đã dùng vỏ cây, dẻ rách, lưới đánh cá cũ nghiền nát và tráng thành giấy. Đầu tiên người ta sản xuất giấy bằng phương pháp thủ công. Đến thế kỷ thứ XII, ở châu Âu người ta sản xuất giấy bằng phương pháp công nghiệp sử dụng phương tiện máy móc. Năm 1150 Tây Ban Nha mở nhà máy giấy đầu tiên. Tiếp theo nhà máy giấy được mở ở Pháp (1189), ở Ý (1276), ở Đức (1391), ở Anh (1494), ở Nga (1564), ở Mỹ (1690)....



## 1.3.2 Các vật tin từ khi phát minh ra máy in cho đến nay

### 1.3.2.1 In ấn (Print) sách, báo, tạp chí, bản đồ, bản vẽ...

Sáng chế ra nghề in ở châu Âu gắn liền với tên tuổi của Guytenbec (Đức). Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần hình thành trong lòng chế độ phong kiến. Cơ khí máy móc thay thế lao động thủ công. Sách báo là vũ khí lợi hại để giai cấp tư sản giành giật hàng hóa, sức lao động từ tay các chúa đất, trở thành nguồn lợi cho các nhà tư bản. Guytenbec đã sáng tạo ra cách in mới nhưng phải giữ bí mật, có lẽ sợ va chạm với nhà thờ. Giáo hội căm ghét những có ý định làm thay đổi đức tin trong đám giáo dân của họ. Điều này, về sau nhà văn Pháp Vichto - Huy gô trong tác phẩm «Nhà thờ Đức bà Pari» đã nói tới. Ông cứ lặng lẽ sáng chế, cuốn sách đầu tiên được in vào năm 1440 - đó là cuốn kinh của giáo hội Bibles. Vào năm 1459, những quyển sách in bằng chữ đúc bắt đầu xuất hiện. Đó là những kinh thánh như kinh 300 tờ

(Bible de tris cents feuilles). Sách in sắc nét, được người đọc ưa thích. Nhà vua Charles VII của Pháp thấy rõ tầm quan trọng của ngành công nghiệp in đã lập ra nhà in đầu tiên ở Sorbonne. Cuốn sách in máy đầu tiên ở Pháp là cuốn Thư của Gasparin ở Bergame, in vào năm 1470 bằng chữ La mã. Các vua Pháp lúc bấy giờ rất coi trọng ngành in sách. Ví dụ, vua Francois đã miễn quân dịch cho thợ in sách. Để tàng trữ, lưu giữ sách in ra ngày 8 tháng 12 năm 1536 vua Francois ra lệnh tất cả sách in bằng bất cứ thứ tiếng nào đều phải nộp một bản cho thư viện của nhà vua đặt tại lâu đài Eloi trước khi bán ra ngoài. Cuốn sách in bằng tiếng Pháp sớm nhất là «Lịch sử thành Toa» (Histoire de Troyes - 1467) hiện nay vẫn còn một bản được lưu giữ tại thư viện quốc gia Pháp.

Năm 1814, Koenig sáng tạo ra máy in mới dùng ống tròn ép thay cho bản ép phẳng. Lần đầu tiên máy mới này in tờ tin tức Luân Đôn, mỗi giờ máy in được 800 tờ. Năm 1838, nhà điện học Nga phát minh ra phương pháp mạ điện vào các khuôn chữ, phát minh này nét chữ in rất rõ ràng và có sức chịu lực cao, mỗi giờ in được 40.000 tờ.

Hiện nay kỹ thuật in sách đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, người ta đã dùng vô tuyến điện thông, dùng phương pháp phác Simin để truyền in báo, dùng bản in typophôtôpolyme, kết hợp in ốpxet và typo phôtôpolyme, dùng phương pháp chụp ảnh ở thế hệ hai có tính ổn định cao về kỹ thuật, dùng phương pháp sắp chữ phi kim loại (Sắp lạnh), dùng máy quang phổ phôtôpolyme và in lõm... Từ khi kỹ thuật điện tử phát triển, máy tính điện tử kết hợp với máy sao chụp vào việc sắp chữ đã đưa công suất từ 1000 ký hiệu lên 1 triệu rưỡi ký hiệu trong một giờ. Tính ra mỗi trang báo sắp chữ theo phương pháp này chỉ mất 10 giây. Gần đây ở Mỹ người ta dùng tia Lade để in chữ. Với phát minh này có thể ghi 100 triệu ký hiệu trong một giây...<sup>33</sup>

Phương pháp in của Cơnơphande (1796) có thể in tranh ảnh, các biểu mẫu, bản đồ, bản vẽ kỹ thuật một cách dễ dàng. Phát minh của Cơnơphande đã bổ sung cho phát minh

của Guytenbec, giúp chúng ta có thể in sách báo và cả hình ảnh lên sách báo.

### 1.3.2.2 Không in ấn (Non -print):

Băng từ, vi phim, vi phiếu, đĩa CD-Rom...

Trong thời đại ngày nay, những thành tựu khoa học, kỹ thuật công nghệ thông tin phát triển, người ta đã chế ra vật liệu mang tin hiện đại, đọc bằng máy đọc, hoặc lưu giữ thông tin, lưu trữ tri thức trên máy tính điện tử, thuận lợi cho việc tìm tin, thỏa mãn nhu cầu cho bạn đọc và người dùng tin.

- Băng từ, đĩa từ, ghi âm, ghi hình ảnh (Video - cassette)<sup>34</sup>  
- Loại vật liệu này là phương tiện chuyển tải thông tin gồm có: văn bản (Text), hình ảnh, đồ họa, âm thanh, tiếng nói, âm nhạc và truyền hình, có thể xử lý trên máy tính. Chính vì vậy loại vật liệu này tích hợp thông tin đầy đủ hơn, sinh động hơn. Ví dụ: Băng, đĩa, ghi âm, ghi hình - Một bộ multimedia âm nhạc dân tộc Việt Nam với hình ảnh trống đồng, đàn đá, đàn bầu...có cả hình video người nghệ sĩ đang trình bày, nghe được âm thanh tiết tấu kèm theo với dòng chữ giới thiệu niên đại, xuất xứ, như vậy hấp dẫn hơn nhiều so với nhiều cuốn sách cùng đề tài.

- Vi phim (Microfilm)<sup>35</sup> : Vi phim cũng lưu giữ hình ảnh, sự vật, hình ảnh những tranh sách cần lưu lại. Vi phim là những cuộn phim trong đó chụp nhiều vi hình, mỗi vi hình là một trang sách. Trung bình một thước phim cỡ 1,6 cm chụp được 70 trang sách. Vi phim có khả năng chứa đựng trong đó một lượng thông tin khá lớn, không chỉ những mang tính chất lưu trữ mà là một kho tư liệu sinh động, thông qua các máy chiếu, máy đọc, để cung cấp nhiều thông tin cho bạn đọc.

- Vi phiếu (Microcarte)<sup>36</sup> : Vi phiếu là những tờ phiếu có kích thước khác nhau, loại vi phiếu thường dùng trong các thư viện và cơ quan thông tin gồm có hai loại: Khổ mẫu 10,5x14,8 cm và loại có kích thước 7,5x12,5 cm. Trên vi phiếu có in nhiều dãy vi hình. Vi phiếu chính là bản sao của

34 Kỹ thuật in.- tháng 12/1976

35 Báo Quân đội nhân dân. 1976 tháng 8, ngày 230

36 Báo Quân đội nhân dân. 1979 tháng 5, ngày 8



các ấn phẩm sách, báo, tạp chí... thông qua máy đọc để đáp ứng nhu cầu tin trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, giảng dạy học tập, sản xuất và đời sống.

- CD-Rom \_ Là loại đĩa ghi thông tin thích hợp, được tạo ra, xử lý trên máy tính và lưu trữ (Ghi lại) trên các vật tải tin. Vì các hình ảnh, âm thanh, video đòi hỏi dung lượng bộ nhớ lớn hơn nhiều so với văn bản nên bắt buộc phải có vật mang tin dung lượng lớn. CD-Rom là loại đĩa Compact chỉ đọc được (Compact disk read only memory) có dung lượng phổ biến là 600 Mb, nghĩa là chứa được nội dung một cuốn sách dày 250.000 trang. Mỗi đĩa Compact đường kính 12 cm, nặng 150g, có sức chứa một lượng thông tin khổng lồ, tương đương 300.000 trang tài liệu. Một đĩa Compact video chứa 50.000 bức tranh sắc màu rực rỡ. Từ những đĩa này có thể truy tìm thông tin về doanh nghiệp, năng lượng sản xuất của một quốc gia, hoặc tổ chức triển lãm gọn nhẹ, sinh động cả một bảo tàng nghệ thuật. Hiện nay loại đĩa này đã nhập vào Việt Nam và số máy có ở đọc (Drive) CD-Rom ngày càng tăng<sup>37</sup>.

Nói tóm lại, các vật mang tin từ thời cổ, trung đại cho đến hiện đại và kỹ thuật in là phương tiện để ghi chép nội dung sách, nội dung tư liệu, lưu giữ tri thức của nhân loại, là điều kiện hình thành và phát triển sách. Vì vậy, có thể khẳng định sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ qua các thời kỳ lịch sử quyết định sự phát triển của sách và các vật mang tin khác.



## CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG I

1. Quá trình hình thành lý luận sách: phân tích khái quát các khái niệm về sách, chứng minh sách là sản phẩm đặc biệt phản ánh văn hóa vật chất và đời sống tinh thần của xã hội; Đồng thời trình bày cơ sở khoa học để phân định loại hình của sách?

2. Phân tích chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh bàn về vai trò, tác dụng của sách báo? Trình bày các chức năng cơ bản của sách?

3. Phân tích sách báo là công cụ lao động và là vũ khí đấu tranh giai cấp? Đồng thời trình bày vai trò, tác dụng của sách báo đối với thanh niên?

4. Trình bày các vật liệu mang tin từ thời cổ, trung, cận, hiện đại luôn luôn gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ?



# Chương II Mục lục

<b>CHƯƠNG II: CƠ SỞ THƯ VIỆN HỌC VÀ THÔNG TIN HỌC</b>	43
.....	43
<b>II.1 CƠ SỞ THƯ VIỆN HỌC</b> .....	43
<b>II.1.1</b> Khái niệm về thư viện.....	43
<b>II.1.2</b> Đối tượng nghiên cứu thư viện học.....	44
<b>II.1.3</b> Vài nét về lịch sử thư viện.....	48
<b>II.1.4</b> Hệ thống thư viện Việt Nam.....	57
<b>II.1.4.1</b> Thư viện phổ thông.....	57
<b>II.1.4.2</b> Hệ thống thư viện khoa học.....	70
<b>II.1.4.3</b> Các loại hình thư viện trong tương lai.....	82
<b>II.1.5</b> Phục vụ bạn đọc.....	86
<b>II.1.5.1</b> Phục vụ độc giả trong thư viện.....	86
<b>II.1.5.2</b> Phục vụ độc giả ngoài thư viện.....	89
<b>II.2</b> THÔNG TIN HỌC .....	90
<b>II.2.1</b> Thông tin học là bộ môn khoa học.....	90
<b>II.2.1.1</b> Khái niệm thông tin.....	90
<b>II.2.1.2</b> Thuật ngữ.....	91
<b>II.2.1.3</b> Đối tượng nghiên cứu của thông tin học.....	91
<b>II.2.1.4</b> Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển.....	92
<b>II.2.2</b> Hoạt động thông tin thư viện thư mục là các ngành khoa học thực nghiệm của thông tin học.....	93



<b>II.2.3</b> Thông tin học và thực tiễn xã hội.....	94
<b>II.2.3.1</b> Vai trò của thông tin khoa học.....	94
<b>II.2.3.2</b> Thông tin khoa học kỹ thuật là nguồn lực của mỗi quốc gia.....	94
<b>II.2.3.3</b> Vai trò thông tin trong khoa học, kỹ thuật và sản xuất.....	95
<b>II.2.3.4</b> Vai trò thông tin phục vụ cán bộ lãnh đạo và quản lí.....	97
<b>II.2.3.5</b> Thông tin giữ vai trò quan trọng trong giáo dục và đào tạo.....	98
<b>II.2.4</b> Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.....	100
<b>II.2.4.1</b> Định nghĩa hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.....	101
<b>II.2.4.2</b> Các quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.....	103
<b>II.2.4.3</b> Đào tạo, bồi dưỡng người dùng tin.....	108
<b>II.2.5</b> Các mạng thông tin khoa học và công nghệ truyền dữ liệu.....	109
<b>II.2.5.1</b> Sự bùng nổ thông tin.....	109
<b>II.2.5.2</b> Xây dựng hệ thống thông tin thư viện tự động hoá.....	111
<b>II.2.5.3</b> Vài nét về hệ thống thông tin thư viện tự động hoá của các nước tư bản.....	116
<b>II.2.5.4</b> Vài nét về mạng tin học và truyền dữ liệu quốc tế..	117
<b>II.2.5.5</b> Vài nét về mạng tin học và truyền dữ liệu ở Việt nam.....	119
<b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG II.....</b>	<b>125</b>

## CHƯƠNG II

### CƠ SỞ THƯ VIỆN HỌC VÀ THÔNG TIN HỌC

#### II.1 CƠ SỞ THƯ VIỆN HỌC

Thư viện học là bộ môn khoa học xã hội nghiên cứu quy luật phát triển sự nghiệp thư viện như một hiện tượng xã hội, liên hệ một cách hữu cơ với những điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội với những quan điểm và tư tưởng của giai cấp thống trị trong các chế độ xã hội khác nhau.

##### II.1.1 Khái niệm về thư viện

**Danh từ thư viện** xuất phát từ chữ Hy Lạp Biblio - là sách, theka - là bảo quản. Vậy thì, thuật ngữ “ Thư viện “ do hai chữ: thư là sách, viện là nơi bảo quản. Thư viện theo nghĩa đen là nơi tàng trữ sách báo.

Các nhà thư viện học tư sản “Khái niệm thư viện “ là nghệ thuật sắp xếp sách và xây dựng kho sách, thư viện là nơi tàng trữ sách báo. Do đó, họ coi trọng công tác kỹ thuật của thư viện, ít quan tâm đến vai trò xã hội của thư viện, có nghiên cứu một vài khía cạnh xã hội học thư viện theo quan điểm tư sản về nhân chủng học và văn học.

Các nhà thư viện học xã hội chủ nghĩa “khái niệm thư viện” cần phải tổ chức tốt kho sách - Là cơ sở vật chất trọng yếu của thư viện, kho sách với khái niệm có ích cho xã hội, vì nó tiêu biểu cho nền văn hóa của một dân tộc, một nước, hay một địa phương. Những điều cơ bản, chủ đạo và quyết định vai trò, tác dụng của thư viện trong xã hội, hiệu quả, chất lượng phục vụ bạn đọc góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Nhà văn Xô bô lép đã nêu rõ “Khái niệm thư viện”: “Thư viện - là kho tàng sách báo đa dạng, phong phú, - Là cơ thể

sống, hoạt động nuôi dưỡng rất nhiều người, - Là món ăn tinh thần của độc giả, thỏa mãn một cách đầy đủ lợi ích nhu cầu và hứng thú của họ”<sup>38</sup>

### II.1.2 Đối tượng nghiên cứu thư viện học

Thư viện học nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ, nội dung công tác thư viện, những nguyên lý, hệ thống và hình thức sử dụng sách báo mang tính chất tập thể và xã hội.

Thư viện học nghiên cứu những vấn đề xã hội học cụ thể như: “Nhân dân với sách báo”, “Sự đọc sách và độc giả”, “Sự hướng dẫn đọc sách”, “Hệ thống tổ chức thư viện phục vụ nhân dân”...

Tổ chức kỹ thuật thư viện, công nghệ hóa quá trình thư viện là đối tượng nghiên cứu của thư viện học tư sản. Ví dụ, hệ thống mục lục của thư viện là phương tiện chỉ dẫn tìm sách đơn thuần về mặt trang bị kỹ thuật, chứ không phải là công cụ quan trọng sử dụng vào việc thông tin, tuyên truyền và hướng dẫn đọc sách có hệ thống cho độc giả...

*- Đối tượng nghiên cứu của thư viện học xã hội chủ nghĩa:*

- . Nghiên cứu các khía cạnh xã hội của sự nghiệp thư viện
- . Nghiên cứu các hình thức tổ chức thư viện phục vụ nhân dân

- . Nghiên cứu hiệu quả kinh tế các mặt hoạt động của thư viện.

- . Nghiên cứu vai trò xã hội của thư viện như một cơ quan văn hóa, giáo dục ngoài nhà trường.

- . Nghiên cứu quá trình cơ giới hóa và tự động hóa của thư viện gắn liền với sự phát triển khoa học và công nghệ trong điều kiện xã hội xã hội chủ nghĩa.

Sự khác nhau cơ bản về đối tượng nghiên cứu giữa thư viện học tư sản và thư viện học xã hội chủ nghĩa, vai trò xã hội của thư viện, mục đích của việc đọc sách và hướng dẫn

đọc. Xuất phát từ quan điểm đối lập này, thư viện học tư sản không thừa nhận vai trò giáo dục của thư viện trong xã hội có chế độ chính trị khác nhau.

### *Thư viện học bao gồm các phần chính sau đây:*

#### *1/ Thư viện học đại cương:*

*Thư viện đại cương nghiên cứu vai trò của thư viện trong hệ thống các cơ quan văn hóa, giáo dục, khoa học và sản xuất. Nghiên cứu những nguyên lý tổ chức sự nghiệp thư viện, những nguyên tắc xây dựng hệ thống, mạng lưới thư viện, phân định các loại hình thư viện. Tổ chức thư viện phục vụ có phân biệt cho từng nhóm dân cư khác nhau. Nghiên cứu chính sách, phương hướng, phát triển thư viện và các hình thức, phương pháp chỉ đạo, lãnh đạo sự nghiệp thư viện.*

#### *2/ Kho sách thư viện:*

*Là một bộ phận cấu thành của thư viện học. Phần này nghiên cứu sâu về những nguồn tin tư liệu, các nguyên tắc bổ sung kho sách như: tính khoa học, tính kế hoạch, tính hợp lý, tính hiện đại và cập nhật của công tác bổ sung vốn tư liệu; Các hình thức bổ sung: bổ sung khởi đầu, bổ sung hiện tại, bổ sung hoàn bị. Nghiên cứu hệ thống cung cấp sách báo cho thư viện: cơ quan phát hành, chế độ nộp lưu chiểu văn hóa phẩm, trao đổi sách giữa các thư viện trong nước và quốc tế...; Nghiên cứu tổ chức các loại hình kho sách: kho khép kín (Kho chính, kho phụ, kho tạp chí, báo, kho tài liệu đặc biệt, kho lưu), kho mở (kho tự chọn)...; Phương pháp sắp xếp kho sách: theo phân loại, theo trang khổ, theo đăng ký cá biệt... Đăng ký kho sách gồm: Đăng ký cá biệt, đăng ký tổng quát; Tổ chức bảo quản và kiểm kê kho sách của thư viện.*

### 3/ Mục lục thư viện:

Mục lục thư viện là một phần của thư viện học. Phần này trình bày cách mô tả và phân loại các ấn phẩm theo tên tác giả, tên sách, phương pháp miêu tả sách có nhiều tập, bộ từng thư... Cách mô tả ấn phẩm đặc biệt, mô tả ấn phẩm định kỳ... Trong thời đại khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển, để hòa nhập, trao đổi và giao lưu văn hóa với các nước trong khu vực và thế giới, cần thực hiện mô tả theo tiêu chuẩn quốc tế, gọi tắt là ISBD (International Standard Bibliography Description).

Phân loại các ấn phẩm có trong kho thư viện, trước hết phải xác định nội dung của quyển sách, xác định công dụng của sách và vị trí của nó trong bảng phân loại, xác định ký hiệu phân loại của từng quyển sách...

Nghiên cứu phương pháp cấu tạo mục lục, có 3 loại mục lục cơ bản:

- Mục lục chữ cái: trong đó các ấn phẩm được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái họ, đệm, tên tác giả hoặc tên sách (Nếu không có tên tác giả).

- Mục lục phân loại : trong đó các ấn phẩm được sắp xếp theo môn loại tri thức khoa học: tự nhiên, xã hội, nhân văn và tư duy...

- Mục lục chủ đề: đối với các thư viện khoa học chuyên ngành, thư viện các trường đại học, các viện nghiên cứu... ngoài 2 loại mục lục chữ cái và mục lục phân loại, cần xây dựng mục lục chủ đề, trong đó các ấn phẩm được sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái tên gọi các chủ đề mà cuốn sách đó cập đến.

Hiện nay các nước trên thế giới coi mục lục là hệ thống tìm tin mang tính chất truyền thống, là phương tiện có hiệu quả để tuyên truyền, giới thiệu nội dung kho sách của thư viện, giúp độc giả chọn được sách hay, sách tốt nhanh chóng đúng yêu cầu. Mặt khác thư viện áp dụng công nghệ mới tin học hóa các loại hình mục lục đọc bằng máy MARC (Machine read catalogue).

#### 4/ Công tác đọc giả:

*Nghiên cứu những nhiệm vụ, nội dung và nguyên tắc công tác bạn đọc. Vai trò của thư viện trong việc tự học góp phần nâng cao dân trí. Nghiên cứu hứng thú và nhu cầu của bạn đọc, hướng dẫn phương pháp đọc sách. Tổ chức hệ thống phục vụ bạn đọc: Phương pháp công tác với từng bạn đọc, phương pháp tuyên truyền trực quan, tuyên truyền miệng, tổ chức các loại phòng đọc: Phòng đọc tổng hợp, phòng đọc chuyên ngành, phòng đọc tạp chí, phòng đọc quý hiếm, phòng đọc microcart, CD-Rom... Tổ chức các loại phòng mượn, phòng mượn giữa các thư viện, chi nhánh thư viện, thư viện lưu động, các trạm giao sách... Cần phải tiến hành cải tiến phương pháp tuyên truyền, hướng dẫn và lãnh đạo đọc sách theo từng ngành khoa học trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, các ngành công nghệ mũi nhọn như tin học, điện tử, vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới. Tuyên truyền, hướng dẫn đọc sách văn học, nghệ thuật, giáo dục, đạo đức, tình cảm, xây dựng con người phát triển toàn diện, chú trọng hướng dẫn thiếu nhi đọc sách người tốt việc tốt, làm theo 5 điều Bác Hồ dạy, thực hiện nhiệm vụ trăm năm trồng người.*

#### 5/ Tổ chức và quản lý thư viện:

*Là phần cơ bản của thư viện học. Bao gồm: Tổ chức lao động khoa học trong thư viện đại chúng và thư viện khoa học. Định mức tiêu chuẩn lao động trong từng loại hình thư viện. Cơ cấu thư viện theo chức năng phù hợp với từng loại hình thư viện.*

*Quản lý thư viện bao gồm quản lý kế hoạch công tác: kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm, hàng quý, hàng tháng... kế hoạch cá nhân, kiểm tra đôn đốc hoàn thành kế hoạch. Quản lý nhân sự có nghĩa là quản lý con người, quản lý nghề nghiệp chuyên môn để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, quản lý trình độ chính trị, trình độ ngoại ngữ và thâm niên, tình cảm, đời sống của cán bộ để có chính*



sách thích hợp, động viên tính năng động, sáng tạo của cán bộ để không ngừng nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả trong công tác. Thống kê, báo cáo, ngân sách và hạch toán của thư viện. Quản lý toàn bộ tài sản và thiết bị, trụ sở thư viện, kho sách, xây dựng, bổ sung trang thiết bị hiện đại nhằm từng bước thực hiện cơ giới hóa và tự động hóa quá trình hoạt động của thư viện.

#### 6/ Lịch sử sự nghiệp thư viện:

Nghiên cứu quá trình phát sinh, phát triển sự nghiệp thư viện. Nghiên cứu nội dung, hình thức, phương pháp và tổ chức sử dụng sách báo mang tính chất tập thể xã hội trong các chế độ xã hội khác nhau gắn liền với chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa của xã hội đó.

Trên đây là đối tượng nghiên cứu thư viện học. Chúng ta cần tiếp tục tìm hiểu nguồn gốc lịch sử về việc hình thành và phát triển thư viện nhằm mục đích xây dựng cơ sở lý luận của thư viện học nước ta ngày càng hoàn thiện.

### II.1.3 Vài nét về lịch sử thư viện

Theo các nguồn tài liệu sử học và khảo cổ học, thư viện trên thế giới đã xuất hiện từ thời cổ đại, khoảng 2750 trước công nguyên, đó là thư viện của nhà vua Xa ra gôn I, ở thành phố A ca do<sup>39</sup>

Vào thế kỷ VII (668 - 633) trước công nguyên, trong thư viện của nhà vua Át xi ri tàng trữ 20.000 cuốn sách bằng đất sét. Nội dung kho sách của thư viện rất phong phú, gồm biên niên sử, những sách khoa học đã ghi lại nhiều thành tựu của người Xu me, người Va vi lon, người Át xi ri; Những sách văn học bao gồm truyện cổ tích, truyện thần thoại, các bản anh hùng ca; Những tác phẩm thiên văn học; Những cuốn từ điển Xu me - Va vi lon; tuyển tập giáo trình; Các bài tập ngữ pháp. Thư viện còn tàng trữ nhiều cuốn sách quý về ngôn




ngữ, lịch sử, đời sống, tập quán, pháp luật của các dân tộc vùng Lưỡng hà thời bấy giờ.

Thư viện Alechxăngdri thành lập vào thế kỷ III trước công nguyên - là thư viện công cộng đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Kho sách thư viện gồm 90.000 tập, đa số là các tác phẩm của nền văn hóa Hy Lạp cổ đại và của các dân tộc vùng Trung cận Đông. Ở đây có nhiều tác phẩm nổi tiếng như bi kịch của Et sin lơ, Xô phốc, O ri pit; hài kịch của A rít xtô phan... Các tác phẩm của nhà sử học như: Hê rô đốt, Pô li bi... tác phẩm triết học của A rit stop và nhiều tác phẩm về khoa học tự nhiên, khoa học chính xác như: toán, lý, hóa, thiên văn, y học, thực vật, địa lý... Tất cả các công dân được quyền sử dụng thư viện, nhiều nhà bác học đã nghiên cứu và làm việc trong thư viện như nhà toán học Ô cơ lít và ác si mét, nhà lý học Hi ê rông... Nhà bác học Ca li mác, đồng thời là người trông coi thư viện Aléchxăngđri đã tiến hành phân loại sách trong thư viện, công trình này gồm 122 tập. Bộ phân loại sách này đến nay không còn nữa<sup>40</sup>

Ở các nước phương tây thời trung thế kỷ nhiều thư viện được tổ chức trong các nhà thờ, tu viện, trường học. nhưng thư viện đặc biệt phát triển từ thế kỷ thứ XV, sau khi phát minh ra nghề in, số lượng sách báo tăng nhanh, nhu cầu nghiên cứu khoa học, kỹ thuật lên cao, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa bắt đầu phát triển, giai cấp tư bản chủ nghĩa bắt đầu phát triển, giai cấp tư sản đi vào xây dựng mạng lưới tương đối rộng rãi trong các viện hàn lâm, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các nhà máy, xí nghiệp, các nơi tập trung đông dân cư. Bà N.C Crup-xcai-a đã nhận xét: “Giai cấp tư sản đã nhanh chóng hiểu ra rằng thư viện là công cụ sắc bén để tuyên truyền ảnh hưởng tư sản đối với quần chúng, đã lập ra đủ các kiểu thư viện phục vụ cho quần chúng tầng lớp dưới, biến họ thành những người phục vụ trung thành cho giai cấp tư sản”<sup>41</sup>

40 E.I. Samurin.- Lịch sử phân loại thư viện thư mục. T.1.-M.: 1965, tr.25

41 N.C.Crupxcaia. Bàn về sự nghiệp thư viện. Tuyển tập. M.: 1957, tr.135



Sự hình thành và phát triển thư viện Việt nam thời phong kiến. Thư viện xuất hiện vào thế kỷ thứ XI, sau khi nước ta giành được chủ quyền độc lập chế độ phong kiến tập quyền trung ương dần dần ổn định, bắt đầu phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, xây dựng trường học, mở các khoa thi, xây dựng kho chứa sách như: dựng nhà Tàng kinh Trần Phúc (1011) Tàng kinh Bác Giác (1021), Tàng kinh đại hùng (1023), Tàng kinh Trung Hưng ( 1034 ).<sup>42</sup>

Đời Lý, Phật giáo được coi là quốc giáo. Phần lớn các kho sách của thư viện tàng trữ, bảo quản là sách Kinh Phật. Theo sách Thiền uyển tập Anh thời Lý có khoảng 40 nhà sư làm thơ, viết văn nổi tiếng. Trong đó có những tác phẩm tiêu biểu nhất của các thiền sư như: Vạn Hạnh, Mãn Giác, Viên Chiếu... Sách Phật giáo của thư viện bao gồm nhiều tác phẩm có tinh thần dân tộc, vì tác giả vừa là nhà tu hành lại vẫn hành động và suy nghĩ như người dân Đại Việt. Các tác giả thiền sư đã tiếp thu tinh thần tự lực, tự cường, cũng như lòng yêu mến thiên nhiên đất nước của dân tộc ta. Ngoài ra, trong kho sách thư viện tàng trữ nhiều tác phẩm có giá trị không phải của nhà chùa như sách của Lý Thái Tông, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Nguyên Úc, Lý Thừa Ân..., Nguyễn Công Bật viết Văn bia chùa Báo Ân ca ngợi Lý Thường Kiệt, có uy vũ lớn, đánh nam dẹp bắc đều thắng... Lý Thường Kiệt nổi tiếng là võ công oanh liệt, nhưng một phần chính là ươm mầm lại sự giàu mạnh cho dân, cho nước. Văn bia chùa Linh Xứng cũng ca ngợi Lý Thường Kiệt “Cầm quân” thì “Tất thắng”, khi “coi quân” đã biết lấy việc “yêu dân” làm đầu. Trong kho sách của thư viện còn bảo quản các chiếu chỉ của vua quan như: Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ, bài chiếu nêu rõ ý chí “Muốn đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu muôn đời sau”. Lý Thái Tổ muốn xây dựng đất nước một cách quy mô, phát huy quyền lực của chính quyền trung ương, chiếu dời đô phản ánh nguyện vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất. Chiếu dời đô nói lên khí phách anh hùng của nhân dân Đại Việt trên đà phát triển mạnh. Ngoài văn bia, chiếu chỉ, thư viện còn tàng

trữ nhiều tác phẩm có giá trị về mặt sử học, văn học, triết học, truyện, ký, thơ ca. Ví dụ: bài thơ “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” của Lý Thường Kiệt đã nêu lên ý chí của thời đại lúc bấy giờ, đề cao truyền thống, khí thế hào hùng, tinh thần dân tộc mạnh mẽ, có thể truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Năm 1070, Lý Thánh Tông sai lập Văn Miếu ở thủ đô Thăng Long, thế là bên cạnh các chùa thờ Phật, đã có miếu thờ các vị thánh hiền, nho gia, đắp tượng Chu Công, Khổng tử và 72 vị tiên hiền.

Năm 1076, Lý Nhân Tông cho mở Quốc Tử Giám để chăm lo giảng dạy Nho giáo, các sách giáo khoa được phổ biến rộng rãi và nhập vào thư viện ngày càng nhiều. Do đó, ngoài những kho sách tàng kinh đã có một thư viện được xây dựng bên cạnh Quốc Tử Giám (1078)<sup>43</sup>

Năm 1253, Quốc học viện được thành lập, để cho các nho sĩ tới lui học tập có kho chứa sách, phòng đọc sách, có thầy giảng dạy, có nơi lưu trú cho học sinh. Đến thời Trần Duệ Tông mở khoa thi tiến sĩ, đồng thời đã cử Trần Tông một nhà nho phụ trách thư viện Lãn Kha<sup>44</sup> và dạy học. Cuối đời Trần nho giáo đã trở thành quốc giáo.

Khi nhà Trần suy vong, Hồ Quý Ly lên cầm quyền đã mở trường học đến các châu, quận, huyện, nhà nước cấp ruộng đất nuôi thầy, mở lớp học và mua sách Nho giáo; Chương trình thi cử ngoài kinh, truyện sử còn có những môn thi như: làm toán, viết chữ. Sau khi đánh bại triều Hồ, quân nhà Minh chiếm nước ta thi hành chính sách cực kỳ tàn bạo, thâm độc, nhằm thủ tiêu nền văn hoá Việt Nam, Hán hóa dân tộc Việt Nam. Năm 1407 vua nhà Minh sai Trương Phụ, Trần Húc thiêu hủy tất cả sách vở của người Việt, đập nát bia đá và tịch thu tất cả thư viện, sách vở về lịch sử, văn học, pháp luật, quân sự còn sót lại đưa về Kim Lăng Trung Quốc<sup>45</sup>.

Từ khi nhà Lê khôi phục nền độc lập Nho giáo trở thành quốc pháp. Vua Lê Thái Tổ đã sai Nguyễn Trãi, Phan Phù

43 Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên. Quyển 3, tờ 45

44 Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên. Quyển 10, tr.5

45 Phan Huy Chú.- Lịch triều hiến chương loại chí, Văn tịch chí, tr.41

Tiên, Lý Tử Tấn sưu tầm các sách vở của triều đại trước để xây dựng thư viện và đưa vào Bí thư các để tham khảo, phục vụ cho việc học tập, thi cử và giảng dạy.<sup>46</sup>

Năm 1483, Vua Lê Thánh Tông, xây dựng lại Văn Miếu và lập nhà Thái học ở sau Văn Miếu, ở đây vừa là giảng đường vừa là thư viện, là nơi bảo quản các bản in gỗ quan trọng. Trong 37 năm trị vì vua Lê Thánh Tông đã mở 12 khoa thi hội, lấy 501 tiến sĩ (Trong đó có 10 trạng nguyên). Năm 1506 nhà Lê đã tổ chức kì thi toán, có 3 vạn người dự thi. Kết quả có 1519 người trúng tuyển<sup>47</sup> ... Như vậy, nền giáo dục triều Lê ngày càng phát triển. Số người dự thi hương, thi hội ngày càng đông, nhu cầu sử dụng sách báo của thư viện ở kinh thành, cho đến các đạo, quận, huyện...để học tập ngày càng cao. Nội dung sách báo tàng trữ trong thư viện ngày càng phong phú đa dạng về thể loại để phục vụ nhu cầu học tập của quan lại và nho sĩ.

Năm 1462, Lương Như Hộc được cử giữ chức Bí thư các giám học sĩ, đồng thời trông coi thư viện. Thời Lê - Trịnh cho tu sửa Quốc Tử giám và Bí thư các đồng thời bổ dụng nhà bác học Lê Quý Đôn phụ trách thư viện Thái học (1762).

Thành phần kho sách của các thư viện từ cuối đời Trần cho đến thời Lê - Trịnh bao gồm đại bộ phận là sách triết học, chính trị, lịch sử, văn học, pháp luật, y học, thủy lợi, kiến trúc, luyện kim đúc đồng tinh xảo, sách kỹ thuật thủ công nghiệp như nuôi tằm, dệt lụa, làm giấy...Ngoài sách khoa học kỹ thuật trong thư viện còn nhiều tác phẩm chữ Nôm ở đời Trần và Lê đã phản ánh tinh thần tự hào dân tộc, tinh thần giữ nước cao cả...

Thế kỷ XIX, các vua triều Nguyễn rất chú ý xây dựng thư viện như: Tàng thư lâu ở phía Tây hồ Tĩnh Tâm (1825), Tân thư viện, Tử Khuê thư viện. Qua các bản thư mục và mục lục của những thư viện này, hiện nay còn giữ ở thư viện khoa học xã hội, viện thông tin khoa học xã hội, chứng minh rằng kho sách của các thư viện còn tương đối nhiều và đang tiến hành các khâu kỹ thuật như phân loại ấn phẩm, sắp xếp sách, xây dựng mục lục...


46 Bài tựa đại Việt sử kí của Lê Văn Hưu trong Việt nam văn học sử yếu của Dương Quang Hàm, tr.274

47 Tim hiểu khoa học kỹ thuật lịch sử Việt nam. H.: KHXH, 1979, tr.21

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX khi bọn thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta, chữ quốc ngữ đã được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, đồng thời dùng để in sách, thư viện bắt đầu bổ sung một số sách chữ quốc ngữ và sách Phương Tây bằng nguyên bản hoặc bản dịch. Năm 1874 vua Tự Đức đã cho thư viện tàng trữ 16 bộ sách phương Tây như: Vạn quốc công pháp, Bác vật tân biên, Hàn hải kim châm, Khai mở yếu thuật...<sup>48</sup>. Từ đây các vua triều Nguyễn mới chú ý đến sách khoa học kỹ thuật, nhưng sách khoa học kỹ thuật nhập vào thư viện vẫn còn bị hạn chế.

Năm 1898, bọn thực dân Pháp đã tiến hành xây dựng thư viện trường Viễn Đông Bác Cổ và lập ngay thư mục “An Nam” (Bibliographie Annamite) của A. de Bellcomhe và Barbier du Bocage. Trong thư mục này giới thiệu 257 tác phẩm, báo, tạp chí, bản thảo, bản đồ, sơ đồ nói về Việt Nam. Năm 1912 Henri Codier xây dựng thư mục quan trọng “Thư viện Đông Pháp” (Bibliographie Indosinica), trong đó giới thiệu những sách và bài tạp chí bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài xuất bản ở Đông Dương và các nước khác có liên quan đến Việt Nam, nhằm mục đích nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước ta. Kho sách của thư viện trường Viễn Đông Bác Cổ có 104.000 cuốn, đại bộ phận là sách, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, bia đá, bản thảo, chép tay...v.v., bao gồm các môn loại tri thức như: Lịch sử, khảo cổ, địa lý, địa chất, kinh tế... của Việt Nam và Đông Dương.

Tháng 10 năm 1919, bọn thực dân Pháp xây dựng thư viện trung tâm của Đông Dương (Nay là thư viện Quốc gia Việt Nam). Mục đích xây dựng thư viện nhằm củng cố cách thống trị, tuyên truyền tài liệu, sách báo dưới chiêu bài khai hóa văn minh, mặt khác chọn tài liệu sách báo, bản đồ về Đông dương, nhằm khai thác, vơ vét tài nguyên thiên nhiên của các nước ở bán đảo Đông Dương. Vào năm 1921, bọn thực dân Pháp giao cho thư viện thu lưu chiếu văn hóa phẩm đã in, xuất bản trên lãnh thổ Việt Nam, Lào, Căm Pu Chia. Từ năm 1922 đến 1943, thư viện đã biên soạn và xuất bản thư mục thống kê đăng ký quốc gia. Kho sách của thư viện



lúc bấy giờ có 150.000 tập và 1.883 tên loại báo và tạp chí xuất bản ở Đông Dương, các nước châu Á và Pháp...

Nói tóm lại, từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX, thư viện nước ta phát triển rất chậm, kho sách thư viện bị nhiều tổn thất mất mát, có khi bị phá hủy vì các cuộc chiến tranh của bọn phong kiến và đế quốc nước ngoài, các cuộc nội chiến gây nên. Thư viện nước ta xuất hiện với chức năng tàng trữ là chủ yếu, trong khi thần quyền còn chiếm ưu thế trong ý thức của nhân dân, Phật giáo, Nho giáo giữ vai trò quốc giáo trong xã hội, thì thư viện thường xuất hiện trong các cung điện nhà vua, nhà chùa, nhà chung, nhà thờ, trong các trường học....

Thư viện dưới thời Pháp thuộc chỉ nhằm một mục đích củng cố cách thống trị của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam và Đông Dương, đồng thời khai thác, vơ vét, tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta, thực hiện cho lợi ích của đế quốc Pháp.

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công cho đến nay, mục đích, phương hướng, nội dung hoạt động của các loại hình thư viện thay đổi về cơ bản. Thư viện đã thiết thực phục vụ cho chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện.

Đảng và nhà nước luôn luôn quan tâm đến việc phát triển sự nghiệp thư viện ở nước ta, trong tất cả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đã khẳng định vai trò, tác dụng của sách báo và thư viện trong sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1930 - 1945 và từ năm 1945 đến nay. Đặc biệt là nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 3 (1960), đại hội Đảng lần thứ IV (1976) đã nêu rõ: “Phát triển hệ thống thư viện từ trung ương đến tỉnh, thành phố, huyện và cơ sở”. Xây dựng thói quen đọc sách báo trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của mỗi người dân dưới chế độ mới.<sup>49</sup> Trong văn kiện hội nghị trung ương lần thứ IV Ban chấp hành trung ương khóa VII (1993), nghị quyết về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt đã ghi: “Khôi phục và phát triển hệ thống từ trung ương đến cơ

49 Đảng CSVN.- Báo cáo chính trị của BCH TƯ tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.- H.: “Sự thật”, 1977, tr.125

sở. Xây dựng thư viện quốc gia có tầm cỡ, đáp ứng được yêu cầu phát triển trí tuệ của nhân dân, yêu cầu nghiên cứu khoa học và văn hóa văn nghệ”<sup>50</sup>. Trong nghị quyết đã khẳng định mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài trong thời kỳ đổi mới phát triển kinh tế - xã hội, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại có chọn lọc, ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, nghị quyết lưu ý đến vấn đề cực kỳ quan trọng phải có quy định nghiêm ngặt bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc, chống thâm nhập vào nước ta những tác phẩm xấu độc hại.

*Nhìn lại 50 năm dưới chính quyền dân chủ nhân dân nhà nước ta đã ra nhiều sắc lệnh, quyết định, chỉ thị về công tác thư viện:*

– Sắc lệnh 13/CP ngày 8-9-1945<sup>51</sup>. Nội dung cơ bản của sắc lệnh là tập trung hóa sự nghiệp thư viện ở Việt Nam do nhà nước tổ chức, chỉ đạo và quản lý.

– Sắc lệnh 18/CP ngày 31-2-1946 về nộp lưu chiểu văn hóa phẩm<sup>52</sup>, nhằm đảm bảo cho thư viện thu nhận đầy đủ tài liệu sách báo, tạp chí các loại ấn phẩm khác xuất bản trên đất nước ta, thực hiện chức năng tàng trữ nền văn hóa của dân tộc, để hướng dẫn sử dụng, khai thác, phục vụ có hiệu quả cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

– Quyết định 178/CP ngày 16-9-1970 của hội đồng chính phủ “Về công tác thư viện”<sup>53</sup>, đã xác định vị trí và tầm quan trọng của thư viện và tủ sách góp phần tích cực vào thắng lợi chung của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển văn hóa của đất nước, thể hiện trên các mặt tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chiến đấu và đời sống. Quyết định đã nêu lên tăng cường sự lãnh đạo của nhà nước từ trung ương đến địa phương đối với công tác thư viện, nhấn mạnh phương

50 Đảng CSVN. Văn kiện hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương khoá VII.H.: 1993, tr.57

51 Trích công báo 1945. tr.8

52 Thư viện học đại cương.- H.: ĐHTH, 1983, tr.198-203

53 Luật lệ văn hoá và thông tin. H.: Bộ Văn hoá, 1977, tr.287-291

hướng phát triển sự nghiệp thư viện trước mắt và lâu dài ở nước ta, quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của hệ thống thư viện khoa học và hệ thống thư viện phổ thông, tổ chức đào tạo cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất cho các thư viện..., đây là quyết định có tính chất tổng hợp xác định đường lối, chính sách xây dựng và phát triển hệ thống thư viện ở Việt Nam.

Hiện nay bộ Văn hóa thông tin đã thành lập ban dự thảo “Pháp lệnh về thư viện” được sự giúp đỡ của các bộ phận chuyên gia Văn phòng quốc hội, Văn phòng nhà nước, Văn phòng chính phủ, Bộ tư pháp và các cơ quan chức năng khác tham gia góp ý kiến.

Để cho sự nghiệp thư viện góp phần tích cực, có hiệu quả pháp triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới đất nước, dự thảo “Pháp lệnh về thư viện” nhằm xây dựng, củng cố phát triển hệ thống thư viện từ trung ương đến cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tầng lớp nhân dân sử dụng tài liệu của các thư viện, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho đất nước. Để xác định quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế trong việc xây dựng, tổ chức hoạt động và quản lý nhà nước, căn cứ vào điều 33 và điều 91 của hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, pháp lệnh này quy định về tổ chức, hoạt động, quản lý các thư viện.

Dự thảo “Pháp lệnh về thư viện”<sup>54</sup> gồm 5 chương, 26 điều:

- \_ *Chương I: Những quy định chung.*
- \_ *Chương II: Tổ chức và hoạt động của các thư viện*
- \_ *Chương III: Quản lý nhà nước về thư viện.*
- \_ *Chương IV: Khen thưởng và xử lý vi phạm.*
- \_ *Chương V: Điều khoản thi hành.*

Dưới ánh sáng của các nghị quyết, sắc lệnh, quyết định của Đảng và nhà nước là cơ sở pháp lý thúc đẩy sự nghiệp



thư viện ở nước ta phát triển nhanh chóng. Ví dụ: năm 1954 toàn miền Bắc có 8 thư viện, tổng số sách là 314.700 bản. Đến năm 1965 toàn miền Bắc có 105 thư viện, tổng số sách là 2.557.000 bản sách, hàng nghìn tủ sách được xây dựng ở các địa phương<sup>55</sup>, tính trong khoảng 10 năm số lượng thư viện tăng gấp 14 lần, số lượng sách tăng 8 lần. Năm 1975 toàn miền Bắc có 235 thư viện, trong đó có 3 thư viện lớn ở trung ương với kho sách là 3.840.000 bản, phục vụ cho gần 1 triệu lượt người đọc<sup>56</sup>.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975), đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp thư viện Việt Nam bước vào một giai đoạn mới: giai đoạn xây dựng và phát triển mạng lưới thư viện trong phạm vi cả nước, thiết thực phục vụ cho hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong công cuộc đổi mới phát triển kinh tế - xã hội hệ thống thư viện đã cung cấp thông tin tư liệu về khoa học kỹ thuật phục vụ có hiệu quả cho các cơ quan nghiên cứu khoa học, ứng dụng và triển khai; cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh; cho các cơ quan giáo dục và đào tạo, góp phần tích cực thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

#### II.1.4 Hệ thống thư viện Việt Nam


*Theo quyết định 178/CP ngày 16-9-1970 của hội đồng chính phủ về công tác thư viện đã nêu rõ: thư viện Việt Nam phân chia thành 2 loại hình thư viện phổ thông và thư viện khoa học.*

##### II.1.4.1 Thư viện phổ thông:

Mục đích của thư viện phổ thông là góp phần giáo dục chính trị tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, nâng cao dân trí, bồi dưỡng trình độ văn hóa - kỹ thuật cho nhân dân lao động, xây dựng con người mới phát triển

55 Theo số liệu của Tổng cục thống kê: “30 năm phát triển kinh tế và văn hoá của Nước Việt nam dân chủ cộng hoà”.-H.: “Sự thật” 1978, tr.160

56 Luật văn hoá và thông tin. H.: Bộ Văn hoá, 1977, tr.307-310



toàn diện, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần hợp tác, hữu nghị và phát triển với các nước trong khu vực và thế giới, trên cơ sở bình đẳng, không xâm phạm công việc nội bộ của nhau.

Nhiệm vụ của thư viện phổ thông là phục vụ sách báo cho quảng đại quần chúng nhân dân lao động trong cả nước, thực hiện sách đi tìm người đọc, hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện và tủ sách cơ sở thuộc địa phương mà thư viện phụ trách.

Đối tượng phục vụ của thư viện phổ thông là: công nhân viên chức, nông dân, bộ đội, học sinh, thầy giáo, kỹ sư, thiếu nhi, cán bộ hưu trí, tất cả nhân dân nông thôn và thành phố, nơi mà thư viện tổ chức phục vụ.

Kho sách của thư viện phổ thông mang tính chất tổng hợp và phổ biến kiến thức, do đó nội dung kho sách cần có tất cả các ngành khoa học: tự nhiên, xã hội, nhân văn, khoa học tư duy... Mỗi thư viện cần lựa chọn tỉ mỉ những tài liệu sách báo phù hợp với trình độ văn hóa, nghề nghiệp sản xuất, thỏa mãn yêu cầu cho đại đa số độc giả của thư viện mình, đặc biệt chú ý đến tài liệu kinh nghiệm sản xuất tiên tiến, cải tiến kỹ thuật, công nghệ để giúp cán bộ các ngành công nghiệp, nông nghiệp hoàn thiện quá trình sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống cho nhân dân lao động.

Thư viện phổ thông bao gồm hai nhóm: thư viện phổ thông để cho người lớn và thư viện phổ thông phục vụ thiếu nhi.

*a/ Thư viện phổ thông để cho người lớn bao gồm:*

Thư viện xã, thư viện huyện, thư viện thành phố, khu phố, thị trấn, thư viện công đoàn (Các nhà máy, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường...)

*b/ Thư viện phổ thông để cho thiếu nhi bao gồm:*

Thư viện thiếu nhi của tỉnh, thành phố, thị xã, thị trấn, thư viện các trường phổ thông cấp 1, 2, 3 thuộc bộ giáo dục và đào tạo.


Các thư viện phổ thông xây dựng theo quy mô thích hợp với khả năng kinh tế của các địa phương, nhưng trước hết phải đảm bảo ba tiêu chuẩn quan trọng:

- \_ Có trụ sở và phương tiện tối thiểu để phục vụ bạn đọc.
- \_ Được ủy ban nhân dân địa phương lãnh đạo và cấp kinh phí hoạt động nằm trong kế hoạch xây dựng văn hóa.
- \_ Có cán bộ chuyên trách (Theo quy chế về thư viện phổ thông do bộ Văn hóa ban hành).

Thư viện phổ thông Việt Nam là loại hình thư viện hoàn toàn mới trong lịch sử phát triển thư viện xã hội chủ nghĩa. Căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng, mục đích, thư viện phổ thông Việt Nam khác hẳn thư viện công cộng đại chúng của các nước tư bản chủ nghĩa hiện đại. Trong thư viện học tư sản phủ nhận vai trò giáo dục của thư viện công cộng, chỉ khẳng định chức năng giải trí là chủ yếu.

Kinh nghiệm tổ chức sự nghiệp thư viện ở Việt Nam là quá trình phát triển và củng cố các thư viện phổ thông đã bác bỏ quan điểm của các nhà thư viện học tư sản về chức năng “Văn hóa đơn thuần” của thư viện không liên quan đến đời sống chính trị và kinh tế - xã hội của đất nước. Về chức năng giáo dục và trau dồi kiến thức của thư viện phổ thông bao gồm không chỉ những thực hiện văn hóa - giáo dục mà cả hoạt động phục vụ hoàn thiện nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Nhấn mạnh đặc điểm của thư viện phổ thông, bà N.C. Crupxcaia đã viết: “Thư viện phổ thông (Thư viện đại chúng) không thể và không được biến thành một tổ chức quan liêu, phải trở thành trung tâm văn hóa giàu sức sống; Điều đó đòi hỏi cán bộ của thư viện phổ thông phải đi đúng đường lối quần chúng, hoạt động trong quần chúng, biết những nhu cầu, hứng thú của họ, làm thức tỉnh tính tự lập của bạn đọc, tiến hành hướng dẫn quần chúng sử dụng sách báo rộng rãi trong hoạt động của mình”<sup>57</sup>. Những luận điểm này của bà đã



vạch ra phương hướng hoàn toàn mới cho sự phát triển thư viện phổ thông ở nước ta trong giai đoạn mới của Cách mạng, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Thư viện phổ thông phục vụ người lớn gồm có thư viện phục vụ nhân dân nông thôn và thư viện phục vụ nhân dân thành phố.

#### *a/ Thư viện phục vụ nhân dân nông thôn:*

Trong nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu: cùng với giai cấp công nhân, nông dân lao động là đội quân chủ lực, xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác vận động nông dân tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phù hợp với cơ chế thị trường, xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới ở nông thôn.

Thư viện phổ thông phục vụ nhân dân nông thôn ở nước ta trong thời gian qua và hiện nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đóng vai trò hết sức quan trọng vì nước ta là nước nông nghiệp, nông dân chiếm đa số trong dân số, là lực lượng sản xuất vô cùng to lớn trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Mạng lưới xây dựng thư viện nông thôn gồm:

– Thư viện xã: Khái niệm về thư viện xã (Thư viện hợp tác xã). Tổ chức quản lý hành chính xã là đơn vị hành chính thống nhất là cơ sở của chính quyền nhà nước, có nhiệm vụ thực hiện mọi chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao. Theo quan điểm của chúng tôi gọi thư viện xã là chính xác, bởi vì nghị quyết 24 của trung ương Đảng đã phân chia 4 cấp quản lý hành chính: trung ương, tỉnh, huyện, xã. Phân cấp quản lý nhằm mục đích lãnh đạo thống nhất, để đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và quốc phòng an ninh địa phương. Mỗi cấp đều có tổ chức Đảng, chính quyền, Đoàn thể, và quản lý kinh tế, vì vậy các tổ chức văn hóa, y tế, xã hội, đều phải gắn liền với cấp quản lý hành chính đó.

Thư viện xã ở nước ta bắt đầu xây dựng từ năm 1960 gắn liền với phong trào hợp tác hóa nông thôn. Thư viện xã do ủy ban nhân dân xã thành lập, tổ chức và lãnh đạo, phải được ủy ban nhân dân huyện chuẩn y. Tiêu chuẩn của thư viện xã phải có kho sách 1000 bản trở lên, có trụ sở và thiết bị cần thiết. Cán bộ phụ trách thư viện xã do ủy ban nhân dân xã bổ nhiệm, được phòng văn hóa huyện chuẩn y, chế độ phụ cấp do ban quản trị hợp tác xã cấp. Thư viện có nội quy hoạt động: giờ phục vụ trong ngày, tuần, sự luân chuyển sách báo, bảo quản tài sản, sách báo.....

Đối tượng độc giả của thư viện xã gồm: cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ chuyên môn sản xuất nông nghiệp (Trồng trọt, chăn nuôi, trồng rau, bảo vệ thực vật...), công nhân cơ khí nông nghiệp, cán bộ hưu trí, cán bộ trí thức công tác ở nông thôn (Giáo viên cấp 1, 2, bác sĩ, kỹ sư, kỹ thuật viên...), xã viên hợp tác xã. Ngoài ra thư viện xã còn phục vụ cho thiếu niên và thanh niên học xong trung học về sản xuất.

Kho sách của thư viện xã phải bổ sung đầy đủ sách báo khoa học phổ thông, những tác phẩm văn học, nghệ thuật mới nhất, những sách về xã hội chính trị, sách nâng cao trình độ văn hóa - kỹ thuật, sách phục vụ sản xuất, những kinh nghiệm tiên tiến, cải tiến kỹ thuật nông nghiệp...

Kỹ thuật của thư viện xã, cần bổ sung sách mới nhất hàng tháng, phải có sổ thống kê đăng ký cá biệt, có mục lục chữ cái, hoặc phân loại theo phân loại thập phân (Hình thức mục lục có thể bằng tờ rời treo ở tường, từng quyển để ở bàn, hoặc làm ô phiếu) phân loại thống nhất

*O: tổng loại*

*1: CN. Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

*2: Khoa học tự nhiên*

*3: Khoa học kỹ thuật*

*4: Nông, lâm nghiệp*

*5: Khoa học y học*

6: *Xã hội chính trị*

7: *Văn hóa, khoa học, giáo dục*

8: *Văn học nghệ thuật*

9: *Thư mục tra cứu*

Hình thức tổ chức hoạt động của thư viện xã: tổ chức phòng mượn, phòng đọc sách tại chỗ, có tranh bị cần thiết, bàn ghế giá tủ... Có từ 3 đến 5 loại tạp chí, họa báo mới, để đọc giả sử dụng hàng ngày, tổ chức các cuộc điểm sách, kể chuyện sách mang tính chất quần chúng, tuyên truyền giới thiệu sách thích ứng với sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của từng địa phương như: đọc to nghe chung, giới thiệu sách trên loa truyền thanh, đọc sách đêm khuya qua loa truyền thanh. Lúc chiếu bóng, trong các cuộc họp đội sản xuất, ngoài đồng ruộng lúc giải lao, giới thiệu trên bảng đen, thi vui đọc sách... nhằm mục đích thu hút đọc giả sử dụng sách báo có tác dụng, hiệu quả trong lao động sản xuất và giải trí, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân lao động.

Hàng năm phải kiểm kê tài sản sách báo của thư viện và lập kế hoạch đầu năm cho thư viện

– Thư viện huyện: Huyện hiện nay với tư cách là đơn vị hành chính có trách nhiệm lãnh đạo các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đặc biệt chú trọng chỉ đạo sản xuất nông nghiệp ở các xã và xây dựng các nông trường, công trường, xí nghiệp, nhà máy, các khu chế xuất thuộc phạm vi quản lý của huyện. Do đó cấp huyện có vị trí vô cùng quan trọng, trong các tài liệu chỉ đạo của Đảng đã nêu rõ: Xây dựng huyện thành đơn vị sản xuất có tính chất liên hiệp nông, công nghiệp là vấn đề then chốt. Huyện là địa bàn kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, nông dân với công nhân. Nhà nước với nhân dân, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể. Huyện là địa bàn xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới ở nông thôn, bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân<sup>58</sup>.

Thư viện huyện là cơ quan văn hóa giáo dục, là trung tâm thông tin thư viện phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp của địa phương, dùng tài liệu sách báo tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước: nâng cao trình độ chính trị, văn hóa - kỹ thuật, giáo dục tình cảm, đạo đức xã hội chủ nghĩa, thẩm mỹ cho các tầng lớp nhân dân lao động và cán bộ trong huyện, không ngừng nâng cao năng suất lao động trong sản xuất, đời sống, nghiên cứu khoa học, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, làm cho bộ mặt nông thôn nhanh chóng đổi mới phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện nay.

Với huyện là một đơn vị hành chính quan trọng chỉ đạo phát triển kinh tế văn hóa toàn diện, vì vậy trong nghị quyết Đại hội IV đã xác định chúng ta phải xây dựng cho cả nước 500 huyện, đây là cơ sở khách quan để phát triển thư viện huyện. Hiện nay đã có 254 thư viện huyện, còn lại là tủ sách, phòng đọc sách. Bộ văn hóa đã ban hành quy chế về thư viện huyện. Trong đó đã nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, điều kiện hoạt động, cơ sở vật chất, ngân sách, biện pháp cán bộ cho thư viện huyện. Ngoài ra, còn quy định thư viện huyện là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho thư viện xã, tủ sách, các thư viện khác nằm trên địa bàn của huyện.

*b/ Thư viện phục vụ nhân dân thành phố:*

*\* Thư viện trung tâm thành phố*

Là thư viện công cộng giữ vai trò chủ chốt phục vụ sách báo, cung cấp thông tin tư liệu cho nhân dân thành phố. Thư viện thành phố có kho sách đầy đủ nhất và phong phú, đa dạng, gồm nhiều bộ môn tri thức, các loại hình văn học nghệ thuật kể cả băng ghi âm, ghi hình, đĩa nhạc đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và giải trí lành mạnh trong thời gian thư giãn của nhân dân thành phố. Trong thư viện trung tâm thành phố có phòng đọc dành riêng cho các em thiếu nhi (Nếu chưa tổ chức được thư viện thiếu nhi độc lập).



Thư viện phục vụ nhân dân thành phố bao gồm nhiều loại hình khác nhau: Thư viện trung tâm thành phố, thư viện quận, thư viện khu phố, thư viện huyện, thư viện thị trấn, thư viện xã, thư viện của các tổ chức Đảng, thư viện công đoàn... nằm trên địa bàn thành phố quản lý.

Hiện nay, cả nước có 7 thư viện thành phố

\_ Thư viện thành phố Hà Nội.

\_ Thư viện thành phố Hải Phòng.

\_ Thư viện Quốc gia Sài Gòn cũ được cải tạo, xây dựng thành thư viện trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

\_ Các thư viện thành phố như: thành phố Đà Nẵng, thành phố Thanh hóa, thành phố Hạ Long, thành phố Đà Lạt... là những trung tâm văn hóa, kinh tế, du lịch có đặc thù của địa phương với kho sách không lớn như ba thành phố kể trên.

Thư viện trung tâm thành phố được thành lập từ năm 1956 cho đến nay là 40 năm (Riêng thư viện thành phố Hồ Chí Minh được cải tạo và phát triển từ năm 1975 miền Nam được hoàn toàn giải phóng).

Thư viện phục vụ nhân dân thành phố đã thực hiện 5 chức năng cơ bản của ngành văn hóa thông tin:

+ Giáo dục chủ nghĩa Mác Lênin, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và nhà nước

+ Giáo dục đạo đức, tình cảm, thẩm mỹ cho nhân dân thành phố.

+ Truyền bá khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

+ Phục vụ vui chơi giải trí.


+ Giáo dục nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, xây dựng con người mới của thành phố văn minh và thanh lịch.

### Ví dụ:

Thư viện thành phố Hà Nội đã từng bước chuyển thành thư viện khoa học tổng hợp của thủ đô. Thư viện thành phố



Hà Nội có kho sách là 152 nghìn bản (Kho đọc: 60.000, kho mượn: 23.513, kho thiếu nhi: 29.470, kho ngoại văn: 17.703, các kho khác: 21.586). Tổng số độc giả được cấp thẻ: 3039 bạn đọc (Trong đó 347 cán bộ khoa học kỹ thuật, 234 công nhân, 140 bộ đội, 1092 học sinh phổ thông, 1076 sinh viên đại học, thành phần khác là 150). Địa điểm của thư viện thành phố Hà Nội nằm ở trung tâm thủ đô, thư viện thành phố Hà Nội có đầy đủ các phòng chức năng, đặc biệt là công tác địa chí, có phòng máy tính đang từng bước thực hiện tin học hóa... Nét nổi bật của thư viện thành phố Hà Nội là đã chỉ đạo phong trào đọc sách sâu rộng trong toàn thành phố. Xây dựng 155 tủ sách cho hợp tác xã nông nghiệp; 94 tủ sách cho các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp; 1000 tủ sách lưu động cho các phân xưởng đội sản xuất; mở hàng trăm lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tủ sách, gồm hơn 10000 người tham gia, chính những anh chị em này đã duy trì và giữ vững phong trào đọc sách và làm theo sách khoa học kỹ thuật, sách người tốt việc tốt trong nhân dân. Trong hơn 40 năm qua thư viện thành phố Hà Nội đã tổ chức hàng nghìn cuộc giới thiệu sách, tổ chức các cuộc thi đọc sách tìm hiểu về Đảng, về các tổ chức quần chúng nhân dịp các ngày lễ lớn: 50 năm thành lập nước, 65 năm thành lập Đảng... Đặc biệt năm 1968 vận động toàn dân đọc sách “Người tốt việc tốt” do Bác Hồ đề xuất, đã giới thiệu cho nhân dân thành phố 725 buổi với hơn 107.100 người nghe. Ngoài ra còn tiến hành vận động đọc các cuốn sách “Nói lời hay, làm việc tốt”, “Bám đất”.. đối với người lớn, phát động thanh niên đọc các cuốn “Phùng Mã Luân”, kết hợp với phong trào “Ba xây ba chống”, trong thiếu nhi đọc cuốn “Sau bức màn thần bí”, “Đường vào khoa học”, “Người Hà Nội thanh lịch”... Trong phong trào chống Mỹ cứu nước đã tập trung chỉ đạo đọc những cuốn như: “Ngọn lửa gang”, “Con chim đầu đàn”, “Từ tuyến đầu tổ quốc”, “Sống như anh”, “Bất khuất”, “Những lá thư từ thôn Bùi”, “Người mẹ cầm súng”... Theo thống kê của thư viện thành phố Hà Nội đã có 230 nghìn người đọc các cuốn sách trên.



Trong những năm gần đây thư viện thành phố Hà Nội đã tập trung giới thiệu sách đáp ứng nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng con người mới, nền kinh tế mới của thủ đô, bồi dưỡng đạo đức, trí tuệ, tâm hồn, tình cảm, thực hiện sự đổi mới vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Qua kinh nghiệm hoạt động phong phú của thư viện thành phố Hà Nội, chúng ta có thể rút ra kết luận bước đầu như sau:

– Thư viện thành phố là thư viện vừa mang tính chất phổ thông vừa mang tính chất khoa học tổng hợp cả về thành phần kho sách và các mặt hoạt động của nó. Đối tượng độc giả của thư viện kể cả trình độ học vấn phổ thông và trí thức sống và làm việc, học tập, nghiên cứu, sản xuất trong thành phố

– Thư viện thành phố là cơ quan văn hóa, giáo dục ngoài nhà trường, là trung tâm thông tin khoa học, kỹ thuật và công nghệ của thành phố, có trách nhiệm tổ chức, xây dựng phong trào đọc sách báo có hiệu quả, có chất lượng và khai thác tối đa tư liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, có kế hoạch vận động nhân dân thành phố sử dụng thư viện có hệ thống, thực hiện tốt chức năng tàng trữ, luân chuyển sách đúng đối tượng, đúng yêu cầu bạn đọc.

– Thư viện thành phố thực hiện chức năng là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho tất cả các loại hình thư viện phổ thông trong thành phố, không kể chúng thuộc cơ quan, tổ chức nào.

*\* Thư viện công đoàn:*

Hệ thống duy nhất phục vụ thư viện cho nhân dân thành phố bao gồm cả thư viện công đoàn. Thư viện công đoàn phục vụ độc giả trực tiếp sản xuất trong nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, trên những công trường, lâm trường... Thư viện công đoàn kết hợp chặt chẽ với thư viện kỹ thuật, tổ chức phục vụ bạn đọc đáp ứng yêu cầu sản xuất, nâng cao tay nghề, bậc thợ, dạy nghề cho công nhân.

Thư viện công đoàn trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các nhà văn hóa, câu lạc bộ, các trường học, các bệnh viện.... Nội dung công tác của chúng mang tính chất tổng hợp về nhiều mặt nó giống như thư viện phổ thông, phục vụ cho tất cả cán bộ, công nhân viên và cả nhân dân khu vực mà thư viện có trụ sở đóng trên địa bàn thành phố.

*\* Thư viện các tổ chức Đảng:*

Thư viện phục vụ nhân dân thành phố, trong đó có nhiều thư viện trường Đảng ở trung ương đến địa phương trong cả nước, thư viện trường Đảng do ban chấp hành Đảng bộ địa tỉnh, thành phố, huyện tổ chức. Đối tượng độc giả của thư viện là cán bộ giảng dạy, học viên trường Đảng, cán bộ nghiên cứu, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ tuyên giáo, cán bộ tuyên truyền và cổ động... Thành phần kho sách bao gồm sách kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin, sách nghiên cứu lý luận, sách xã hội chính trị, tài liệu chỉ đạo của Đảng và nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, khoa học kỹ thuật và công nghệ, về giáo dục, văn hóa nghệ thuật, y tế, quốc phòng....., các loại hình sách tra cứu...

Nói tóm lại thư viện trường Đảng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ trung, sơ cấp của Đảng ở các thành phố, tỉnh, huyện.

Ngoài những thư viện phục vụ nhân dân thành phố đã nêu trên, chúng ta cần chú ý đến loại hình thư viện thiếu nhi trong thành phố, thị xã, thị trấn.

*\* Thư viện thiếu nhi:*

Xây dựng hệ thống thư viện thiếu nhi là vấn đề hết sức quan trọng của sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, sách báo là phương tiện phát triển con người toàn diện, thư viện sẽ thỏa mãn những yêu cầu đọc sách đa dạng và phong phú của các em.

*a/ Vị trí của thư viện thiếu nhi :*

Thiếu nhi là mầm non của đất nước, trước mắt các em có nhiệm vụ “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”, các em đã đóng góp

nhiều việc hữu ích cho gia đình và xã hội. Trong tương lai các em là người chủ xã hội, là người giữ nước và xây dựng tổ quốc giàu đẹp. Bác hồ đã dạy “Công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng rất quan trọng, đó là nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho đất nước”<sup>59</sup> Trong di chúc người đã căn dặn: chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc rất quan trọng và rất cần thiết.

V.I. Lênin rất quan tâm đến việc thu hút thiếu nhi vào thư viện đọc sách, vấn đề này đã thể hiện trong tác phẩm “Chúng ta có thể làm gì cho nền giáo dục quốc dân”(1913)<sup>60</sup>.

Bà N.C. Crupxcaia hết sức chú ý đến sự nghiệp thư viện thiếu nhi, bà đấu tranh chống quan điểm coi nhẹ, xem thường sách báo đối với thiếu nhi và việc tổ chức thư viện thiếu nhi<sup>61</sup>.

Những chỉ thị, nghị quyết của Đảng và nhà nước đã chỉ rõ công tác xuất bản sách cho thiếu nhi và việc tổ chức đọc sách cho các em.

### *b/ Giáo dục phương pháp đọc sách và sử dụng thư viện cho thiếu nhi:*

Công tác giáo dục thiếu nhi là quá trình lâu dài, phức tạp đòi hỏi phải có phương pháp sư phạm. Calinin nhà giáo dục học nổi tiếng đã viết: “Giáo dục là một trong những vấn đề phức tạp nhất. Giáo dục không những là một khoa học, mà còn là một nghệ thuật”... Tuổi nhỏ có tâm hồn trong sáng, nhận thức của các em còn non cho nên dễ tiếp thu lẽ phải, cũng dễ tiêm nhiễm thói hư tật xấu. Hơn nữa, kiến thức các em thu nhận được thời thơ ấu sẽ để lại ấn tượng sâu sắc trong cả cuộc đời. Sách là món ăn tinh thần của thiếu nhi, mở rộng sự hiểu biết, vốn sống, kinh nghiệm, nguồn vui, giàu trí tưởng tượng, các em sẽ cùng bay bổng với chiếc thảm bay, chiếc cối xay gió kỳ lạ, những thảo nguyên bao la khoác lên tấm áo ngà ngạt hoa thơm cỏ lạ đủ màu sắc rực rỡ, có những chú thỏ tinh ranh, bác gấu ôn hòa biết nói... trong những tranh sách cổ tích, thần thoại... Giáo dục các em phương pháp đọc

59 Hồ Chủ tịch.- Thư gửi cho thiếu nhi. Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. T.I.-H.: Sự thật, 1960, tr.69

60 V.I. Lênin.- Nói và viết về thư viện. H.: 1963, tr.43

61 N.C. Crupxcaia.- Bàn về thư viện và sách thiếu nhi.-H.: “Văn hoá”, 1963, tr.86

từ dễ đến khó, từ đơn giản cho đến phức tạp, đọc có suy nghĩ, đọc có ghi chép những điều cần thiết, đọc sách phù hợp với lứa tuổi, đọc có phương pháp: đọc lướt, đọc nhanh, đọc chậm, đọc có mục đích để giúp các em phát triển năng khiếu, đi sâu vào một lĩnh vực khoa học nào đó mà các em thích nhất. Hướng dẫn cho thiếu nhi phương pháp chọn sách hay, sách tốt qua hệ thống mục lục của thư viện...


### *c/ Xây dựng mạng lưới thư viện phục vụ thiếu nhi:*

Thư viện thiếu nhi là cơ quan văn hóa giáo dục ngoài nhà trường, có trách nhiệm góp phần tích cực giáo dục các em phát triển toàn diện. Cần xây dựng mạng lưới thư viện thiếu nhi có kế hoạch, rộng khắp trong cả nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng cho đến vùng sâu vùng xa...

Các loại hình thư viện thiếu nhi:

- *Thư viện thiếu nhi độc lập*: thư viện thiếu nhi độc lập thường được thành lập theo nguyên tắc khu vực. Mạng lưới này bao gồm thư viện thiếu nhi thành phố, thư viện thiếu nhi ở trung tâm thị xã, thị trấn, quận, huyện... Thư viện thiếu nhi độc lập có kho sách từ 2000 bản trở lên, chủ yếu là sách thiếu nhi, và một số sách người lớn phù hợp với việc giáo dục thiếu nhi. Tổ chức kho sách của thư viện thiếu nhi độc lập bao gồm tổng kho, kho đọc, kho mượn, sắp xếp theo các môn loại chủ yếu. tổ chức các hệ thống mục lục, biên soạn thư mục giới thiệu sách thiếu nhi, tổ chức thường xuyên triển lãm sách mới, các hình thức tuyên truyền sách như tổ chức dạ hội, gặp gỡ các nhà văn viết sách thiếu nhi, tổ chức kể chuyện, mạn đàm sách, du lịch, tham quan... Hệ thống thư viện thiếu nhi độc lập được sự chỉ đạo nghiệp vụ của hệ thống công cộng nhà nước.

- *Bộ phận thư viện thiếu nhi trong thư viện người lớn*: Bộ phận thư viện thiếu nhi trong thư viện người lớn có tầm quan trọng đặc biệt ở những nơi không có thư viện thiếu nhi độc lập. Trong điều kiện hiện nay của nước ta chưa có thể tổ chức hệ thống thư viện thiếu nhi từ trung ương đến địa phương, cho nên trong các thư viện người lớn cần tổ chức



phòng đọc, phòng mượn sách cho các em thiếu nhi để thỏa mãn yêu cầu đọc sách cho mọi lứa tuổi của các em. Hiện nay các thư viện tỉnh, huyện đều có tổ chức phòng đọc sách cho thiếu nhi

- *Thư viện thiếu nhi trong nhà trường*: thư viện thiếu nhi trong nhà trường gọi tắt là thư viện trường học. Thư viện trường học là một bộ phận cấu thành hữu cơ của các trường phổ thông cấp I, II, III.

Đặc điểm cơ bản của thư viện trường học là phục vụ cho một đối tượng xác định, có trình độ học vấn đồng đều, thư viện trường học giúp đỡ tích cực cho quá trình học tập của các em thiếu nhi. Điều đó quyết định tính chất kho sách và hình thức tổ chức phục vụ độc giả phải tính đến yêu cầu giảng dạy trong nhà trường. Trong các thư viện trường phổ thông cấp I, II, III cần đưa vào kế hoạch giảng dạy kiến thức thư viện cho học sinh, đây là phương tiện hết sức quan trọng để bồi dưỡng cho các em phương pháp đọc sách, sử dụng sách và thư viện. Trong trường phổ thông thầy giáo, cô giáo và cán bộ thư viện cần tổ chức điểm sách có hệ thống, tổ chức đọc sách ngoại khóa cho các em.

Theo quan điểm của chúng tôi, hiện nay muốn đẩy mạnh phong trào đọc sách có hệ thống, hỗ trợ đắc lực cho việc nâng cao chất lượng học tập của học sinh trong các trường học phổ thông, cần biên soạn cuốn: “Sổ tay thư viện” nhằm mục đích phổ biến kiến thức về thư viện thư mục cho các em bằng hình thức hết sức hấp dẫn, dễ hiểu, trình bày nghệ thuật đọc sách, phương pháp lựa chọn sách và sử dụng thư viện.

#### **II.1.4.2: Hệ thống thư viện khoa học :**

*Theo quyết định 178/CP của hội đồng chính phủ (1970) đã quy định: Hệ thống thư viện khoa học Việt Nam có nhiệm vụ phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy và chỉ đạo sản xuất.*

Thư viện khoa học hiện đại có những chức năng sau đây:

*1/ Đảm nhiệm vai trò thư viện trung tâm trong hệ thống phục vụ thư viện, thư mục cho khoa học và sản xuất.*

Thư viện khoa học thực hiện chức năng tàng trữ ấn phẩm: hồ sơ, tài liệu kỹ thuật trong sản xuất, báo cáo về những công trình nghiên cứu khoa học, các bản thiết kế mẫu, tài liệu thông tin dữ kiện, những tài liệu khoa học từ cổ đại cho đến hiện đại, các vật liệu mang tin hiện đại: Microfilm, micro phiếu, băng ghi âm, ghi hình, đĩa từ, CD-Rom (Compact disk read only memory), tổ chức sử dụng và khai thác tư liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ.

*2/ Thông tin thư viện thư mục phục vụ cho các nhà bác học và chuyên gia bao gồm:*

- \_ Sử dụng đầy đủ phương pháp và hệ thống ấn phẩm thông tin thường kỳ nhằm thông báo nhanh nhất về những tài liệu mới nhất
- \_ Phối hợp và phát triển công tác tra cứu để sử dụng rộng rãi nguồn thông tin của nhiều thư viện.
- \_ Xây dựng mục lục liên hợp giữa các thư viện, trước hết là tài liệu, sách báo nước ngoài.
- \_ Tổ chức hệ thống mượn giữa các thư viện.
- \_ Cơ giới hóa và tự động hóa hệ thống tìm tư liệu.

*3/ Tuyên truyền giới thiệu những thành tựu khoa học trong các tầng lớp nhân dân đông đảo.*

Hệ thống thư viện khoa học bao gồm: thư viện khoa học tổng hợp, thư viện đa ngành và chuyên ngành.

*\* Thư viện khoa học tổng hợp:*

Những cơ sở khoa học để khẳng định loại hình thư viện khoa học tổng hợp:

1. Về đối tượng bạn đọc: Phục vụ nhiều thành phần độc giả khác nhau., không chỉ phục vụ cho các nhà bác học. cán bộ chuyên môn, sinh viên, nghiên cứu sinh... mà còn phục vụ

cho mọi công dân Việt Nam cần được nghiên cứu sách và sử dụng thư viện.

2. Thành phần kho sách: Kho sách của thư viện khoa học tổng hợp bao gồm đầy đủ các môn loại tri thức về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, các loại ấn phẩm đặc biệt, kể cả những tài liệu không xuất bản. Nhờ có tính chất đa dạng, đa ngành của kho sách thư viện khoa học tổng hợp đảm bảo điều kiện sử dụng đồng bộ kho sách, đặc biệt là các ngành khoa học tiếp giáp nhau. Thí dụ: y học và điện tử, luyện kim và hóa học, nông học và sinh vật học, khối các khoa học vũ trụ.....

3. Thư viện khoa học tổng hợp có mối quan hệ mật thiết với thư viện phổ thông công cộng, hướng dẫn nghiệp vụ, biên soạn thư mục cho thư viện phổ thông.

Thư viện khoa học tổng hợp bao gồm: Thư viện quốc gia và thư viện tỉnh.

*- Thư viện quốc gia :*

Thư viện quốc gia là thư viện khoa học tổng hợp công cộng lớn nhất, là trung tâm thông tin - thư viện trong cả nước. Thư viện quốc gia tiêu biểu cho nền văn hóa của dân tộc, tàng trữ sách báo trong nước và nước ngoài đầy đủ nhất, là trung tâm của những mối quan hệ giữa các hệ thống thư viện trong nước và quan hệ quốc tế. Thư viện quốc gia đứng đầu hệ thống thư viện công cộng nhà nước thuộc Bộ văn hóa.

Thư viện quốc gia thực hiện các chức năng sau:

\_ Tàng trữ các ấn phẩm từ cổ đại đến hiện đại, thu nhận lưu chiếu văn hóa phẩm theo sắc lệnh 18/CP của chính phủ quy định.

- \_ Chức năng luân chuyển sách báo trong toàn quốc.
- \_ Chức năng trung tâm thông tin thư viện thư mục.
- \_ Trung tâm nghiên cứu về thư viện học và thư mục học.
- \_ Trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ.




\_ Trung tâm trao đổi sách báo với nước ngoài: Việc trao đổi sách báo với nước ngoài của thư viện quốc gia có ý nghĩa quốc tế to lớn về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... nhờ trao đổi sách báo tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc trong khu vực và thế giới. Mặt khác đây là nguồn bổ sung sách nước ngoài rất tốt, vừa tiết kiệm được ngoại tệ, vừa có được những bộ sưu tập rất quý, có giá trị khoa học mà không thể mua được.

Hiện nay thư viện quốc gia Việt Nam đang tiến hành chỉ đạo công tác tin học hóa hệ thống thư viện công cộng nhà nước, cung cấp trang thiết bị máy vi tính cho 53 tỉnh, thành phố trong cả nước do nhà nước cấp kinh phí, thư viện quốc gia chịu trách nhiệm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ về kiến thức tin học, xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác CSDL trong mạng. Cài đặt các CSDL ở các tỉnh theo chương trình CDS/ISIS 3.0 do Unesco cấp miễn phí. Thao tác trên cơ sở hệ thống MS-DOS, áp dụng trong việc nhập worksheet và xây dựng CSDL. Trung tâm máy tính của thư viện quốc gia (Máy chủ) được sự hợp tác và tài trợ của thư viện quốc gia Úc. Một số thư viện tỉnh được trang bị máy vi tính tương thích IBMPC với cấu hình sau: bộ xử lý 386, ổ cứng 120Mb, bộ nhớ 4 Mb Ram, monitor VGA, máy in FX-1070. Một số thư viện tỉnh và thành phố lớn còn được trang bị modem. Để phát triển hệ thống mạng thông tin công cộng trong cả nước, mạng diện rộng WAN (Wide area network) cần khắc phục một số vấn đề kỹ thuật: sự tương tác của trạm đầu cuối, hồ sơ mục lục, đường dây truyền thông, giao thức (Protocol) lệnh, tìm kiếm, trả lời, kiểu màn hình ra và giao diện hội thoại người máy... Tóm lại, cơ sở hạ tầng truyền thông của nước ta có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu của hệ thống mạng thông tin thư viện công cộng nhà nước thuộc bộ Văn hóa, trung tâm chỉ đạo hướng dẫn mạng là thư viện Quốc gia Việt Nam.

#### *- Thư viện tỉnh:*

Trong thời kỳ cải cách nền hành chính quốc gia, tỉnh là đơn vị hành chính đặc biệt quan trọng, việc đổi mới cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường, việc phân cấp quản lý



giữa trung ương và tỉnh đã tăng cường khả năng lãnh đạo toàn diện của tỉnh. Tỉnh đóng vai trò, vị trí vô cùng to lớn trong công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá, quốc phòng của địa phương. Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IV đã nêu rõ: Xây dựng mỗi tỉnh, thành phố thành một cơ cấu kinh tế công nông nghiệp. Cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm bảo đảm đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân địa phương. Do đó thư viện tỉnh là trung tâm văn hoá và khoa học kỹ thuật của địa phương, là trung tâm tàng trữ sách báo lớn nhất của tỉnh, có nhiệm vụ phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, học tập của cán bộ và nhân dân trong tỉnh, đồng thời phục vụ những yêu cầu của các cơ quan Đảng, chính quyền kinh tế của tỉnh và huyện. Thư viện tỉnh là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện huyện, thị trấn, thị xã, cơ quan, trường học ở trong tỉnh. Thư viện tỉnh có nhiệm vụ góp phần nghiên cứu tỉnh nhà, sử dụng triệt để sức sản xuất của địa phương, tuyên truyền trong nhân dân kiến thức về địa chí.

Nói tóm lại trong hệ thống thư viện công cộng nhà nước thuộc bộ Văn hóa, thì thư viện tỉnh và thành phố giữ vị trí trọng yếu sau thư viện Quốc gia.

Tính chất tổng hợp của thư viện tỉnh bao gồm:

*1\_ Thành phần kho sách*

*2\_ Thành phần độc giả.*

*3\_ Nội dung và phương pháp công tác.*

Một trong những chức năng cơ bản của thư viện tỉnh là công tác địa chí. Nội dung tư liệu địa chí của thư viện tỉnh tập trung nghiên cứu toàn diện về địa phương như: tài nguyên thiên nhiên, kinh tế, văn hóa, lịch sử, đời sống xã hội v.v... Các ấn phẩm địa chí bao gồm: tài liệu sách báo nói về tỉnh đó, không kể xuất bản ở đâu và do ai xuất bản; Tất cả những tài liệu xuất bản ngay trong địa bàn của tỉnh không kể tài liệu đó nói về vấn đề gì; Tài liệu có thể không nói về địa phương nhưng nó là nguồn tư liệu có giá trị nghiên cứu về sự phát triển văn hoá và sự nghiệp xuất bản của tỉnh. Chế độ nộp lưu chiểu văn hoá phẩm của địa phương cho thư viện

tỉnh là nguồn tài liệu địa chí tốt nhất của địa phương. Trong công cuộc đổi mới hiện nay công tác địa chí phải lấy kinh tế làm trọng tâm để nghiên cứu địa phương, nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển toàn diện.

Hiện nay trong cả nước có 53 thư viện tỉnh, thành phố, với kho sách tối thiểu là 5 vạn bản, tối đa là 20 vạn bản. Mỗi thư viện tỉnh đều được trang bị một máy vi tính 386 và một modem, một máy điện thoại... Có một số thư viện được trang bị từ 2 đến 3 máy tính và từng bước nối mạng với thư viện quốc gia Việt Nam, nhằm khai thác CSDL của hệ thống mạng thông tin tư liệu thư viện công cộng nhà nước, đồng thời truy nhập CSDL của thư viện tỉnh vào mạng...


*\* Thư viện khoa học đa ngành:*

Thư viện khoa học đa ngành là những thư viện lớn mang tính chất quốc gia, tàng trữ các ấn phẩm đa ngành khoa học. Ở nước ta có hai thư viện quốc gia đa ngành khoa học như: Thư viện khoa học kỹ thuật trung ương thuộc trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, thư viện đa ngành khoa học xã hội thuộc viện thông tin khoa học xã hội.

Sự khác nhau của thư viện khoa học tổng hợp và thư viện khoa học đa ngành ở chỗ tính chất tàng trữ của kho sách, đối tượng độc giả, nội dung hoạt động của thư viện....

*- Thư viện đa ngành về khoa học kỹ thuật*

Thư viện khoa học kỹ thuật trung ương tàng trữ các ấn phẩm thuộc bộ môn trí thức về khoa học tự nhiên và kỹ thuật như: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, luyện kim, khai mỏ, năng lượng... Các ngành khoa học tự nhiên: toán, lý, hóa, công nghệ tin học, công nghệ hóa học... Kho sách của thư viện khoa học kỹ thuật trung ương có trên 50 vạn bản sách, 4500 loại tạp chí của 30 nước trên thế giới, sách ngoại ngữ chiếm 80%. Kho tạp chí gồm 130 loại tạp chí toán học, 150 loại tạp chí hoá học, 250 tên loại về sinh hoá, 320 tên về các ngành kỹ thuật và kinh tế nông nghiệp, 350 tên loại tạp chí về năng lượng, 150 tên về giao thông vận



tải... thư viện khoa học kỹ thuật trung ương được quyền nhận lưu chiểu văn hoá phẩm không trả tiền, là trung tâm tàng trữ sách báo khoa học và kỹ thuật đa ngành, là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho thư viện khoa học kỹ thuật trong cả nước. Thư viện khoa học kỹ thuật trung ương đã thực hiện tin học hóa các bộ phận chức năng như: bổ sung trao đổi, phân loại biên mục, tổ chức phục vụ bạn đọc...

Để phục vụ cho khoa học và công nghệ của nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hoá đất nước thư viện khoa học kỹ thuật trung ương đã trao đổi tư liệu với 100 cơ quan và thư viện khoa học gồm 40 nước trong khu vực và thế giới.

*- Thư viện khoa học xã hội:*

Thư viện khoa học xã hội là thư viện đa ngành về khoa học xã hội và nhân văn, là trung tâm tàng trữ sách từ cổ chí kim trong nước và ngoài nước, những tư liệu có giá trị khoa học như: Triết học, chính trị học, chính trị kinh tế học, văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, sử học, luật học, khảo cổ học, dân tộc học, xã hội học, giáo dục học, tâm lí xã hội, tư liệu học, thông tin học, thư viện học, lưu trữ học...

Kho sách của thư viện khoa học xã hội (Viện thông tin KHXH) đến nay lên đến 30 vạn bản, hơn 1000 loại tạp chí. Trong đó có kho sách Hán Nôm là kho sách quý hiếm, có giá trị khoa học cao gồm có 3 vạn bản lập bìa, các bộ sách thần tích, thần sắc... của các triều đại vua quan phong kiến.

Thư viện KHXH tiếp thu kho sách của trường Viễn Đông Bác Cổ, đây là kho sách có giá trị khoa học nghiên cứu về phương đông học, có một không hai ở Châu Á, và đứng thứ 2 sau thư viện Pari (Pháp). Thư viện KHXH đã trao đổi tư liệu với 30 thư viện, cơ quan nghiên cứu và Viện hàn lâm KHXH của các nước trong khu vực và thế giới. Thư viện KHXH (Nay là Viện Thông tin KHXH) là trung tâm nghiên cứu khoa học thư viện, thư mục, là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho thư viện chuyên ngành về KHXH.

Nói tóm lại, thư viện KHXH là một trong ba thư viện lớn nhất ở nước ta, thư viện KHXH & NV là thư viện đa ngành về KHXH, trực tiếp phục vụ cho cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, nghiên cứu sinh, học sinh trong cả nước.

*\* Thư viện khoa học chuyên ngành*

Thư viện khoa học chuyên ngành khác với thư viện khoa học tổng hợp, thư viện khoa học đa ngành. Thư viện khoa học chuyên ngành chỉ phục vụ cho các nhà khoa học, các chuyên gia trong một cơ quan, một viện nghiên cứu, cho một ngành khoa học xác định, thoả mãn nhu cầu nghiên cứu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chức năng và mục tiêu hoạt động của một đơn vị quản lý nhà nước, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, quốc phòng... Phần lớn các thư viện chuyên ngành còn gắn liền với cơ quan khoa học, các cơ sở sản xuất, các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan thiết kế, xây dựng... phụ thuộc vào kế hoạch chuyên môn của một ngành cụ thể.

Căn cứ vào kho sách chuyên môn hoá, căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng của của thư viện khoa học chuyên ngành chúng ta có thể phân làm hai loại:

*1/ Thư viện khoa học chuyên ngành của các bộ, các ngành, các Viện nghiên cứu, các trường đại học...*

*2/ Thư viện chuyên ngành có tính chất phục vụ sản xuất như - thư viện kỹ thuật của các cơ quan chế tạo, thiết kế, các xí nghiệp.*

*- Thư viện Y học Trung ương*

Ở nước ta đã hình thành và phát triển mạng lưới thư viện y tế từ trung ương đến các địa phương gồm: Thư viện y học trung ương, thư viện các viện, các cơ quan nghiên cứu khoa học của ngành y tế trực thuộc Bộ Y tế, thư viện các bệnh viện từ trung ương, đến các tỉnh, thành phố, quận huyện... thư viện các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, y khoa, dược khoa, các trường bổ túc bác sỹ và cán bộ quản lý, cán bộ phòng bệnh và chữa bệnh, các nhà máy, xí nghiệp thiết bị y cụ, dược phẩm...

Đứng đầu mạng lưới thư viện y tế trong cả nước là thư viện y học trung ương trực thuộc Bộ y tế; có 3 chức năng cơ bản:

*1/ Trung tâm tàng trữ tài liệu sách báo về y học, dược học trong nước và nước ngoài, đồng thời có nhiệm vụ trao đổi sách báo của ngành với các nước trên thế giới.*

*2/ Trung tâm Thông tin-Thư viện*

Thư mục của toàn ngành, thường xuyên thông báo những thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất trên lĩnh vực y học và dược học, những kinh nghiệm sản xuất tiên tiến trong nước và trên thế giới cho cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, cán bộ quản lý và lãnh đạo của ngành y tế, thiết thực áp dụng những thành tựu và kinh nghiệm tiên tiến vào công tác phòng bệnh, chữa bệnh và bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN.

*3/ Trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng, củng cố, phát triển mạng lưới thư viện y học, dược học trong cả nước.*

*4/ Tin học hoá công tác thông tin tư liệu, xây dựng CSDL tài liệu y học và dược học có trong kho của thư viện y học trung ương.*

Thư viện y học trung ương có kho sách, tạp chí y học, dược học trong nước và ngoài nước đầy đủ nhất ở Việt nam, gần 90 vạn bản, hơn 1.300 loại tạp chí, thuộc 14 thứ tiếng, các luận án tốt nghiệp bác sĩ, dược sĩ cao cấp bảo vệ ở Hà Nội, các luận án TS, PTS bảo vệ ở ngoài nước, hơn 7500 luận án nước ngoài qua con đường trao đổi và tặng biếu<sup>62</sup>. Đặc biệt là ấn phẩm định kỳ cập nhật thông tin mới của các nước: Nga (Liên xô cũ), Trung quốc, Đức, Hungari, Rumani, Tiệp khắc, Bungari, Pháp, Anh, Mỹ, Ấn Độ...đây là các loại tạp chí chuyên môn hiện đại của ngành y học, dược học trên thế giới, có tác dụng to lớn trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học y tế ở nước ta.

### - Thư viện khoa học chuyên ngành quân đội

Hệ thống thư viện quân đội nhân dân Việt nam - là cơ quan văn hoá, giáo dục thông tin của quân đội, là công cụ giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng trong quân đội, là cơ sở nghiên cứu khoa học, là bộ phận nâng cao trình độ văn hoá, kĩ thuật công nghệ mới về quân sự cho cán bộ và chiến sỹ, đáp ứng nhu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Hệ thống thư viện quân đội góp phần tích cực, thiết thực xây dựng quân đội trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thời kì mở cửa, hợp tác, hữu nghị, phát triển và đấu tranh chống các thế lực thù địch thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ chế độ XHCN ở nước ta. Mặt khác các loại hình thư viện quân đội tham gia vào đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, góp phần bảo vệ cái hay, cái đúng, cương quyết chống lại các tư tưởng lệch lạc, loại bỏ các văn hoá phẩm xấu, độc hại, không cho chúng xâm nhập vào môi trường quân đội, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, khẳng định thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, thực hiện chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc.

Hệ thống thư viện quân đội gồm có hai mạng lưới - mạng lưới thư viện khoa học và mạng lưới thư viện phổ thông (thư viện đơn vị). Theo thống kê toàn quân có 53 thư viện:

10 thư viện có vốn tư liệu từ 10 vạn đến 40 vạn bản

13 thư viện có vốn tư liệu từ 2 vạn đến 10 vạn bản


14 thư viện có vốn tư liệu từ 1 vạn đến 2 vạn bản

16 thư viện có vốn tư liệu từ 4 nghìn đến 1 vạn bản

Có 330 phòng đọc cấp sư đoàn, trung đoàn, 620 tủ sách phòng Hồ Chí Minh<sup>63</sup>

Thư viện quân đội là thư viện trung tâm ngành, thư viện quân đội có chức năng tàng trữ sách báo, tạp chí trong nước và nước ngoài có kho sách hơn 30 vạn bản, 1500 loại báo và tạp chí, có 10.000 bạn đọc. Thư viện quân đội đã phục

63 Báo cáo củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thư viện, sách báo trong quân đội. Hội nghị VHVN toàn quân 12/1995. 12 trang in máy vi tính



vụ hơn 200.000 lượt bạn đọc với gần 400.000 lượt tài liệu, trong đó tài liệu quân sự chiếm gần 40%<sup>64</sup>.

Thư viện quân đội là Trung tâm Thông tin-Thư viện-Thư mục, đã biên soạn đủ các loại hình thư mục như phê bình sách, thư mục giới thiệu, thư mục chuyên đề...

Thư viện quân đội là trung tâm hướng dẫn nghiệp vụ cho hệ thống thư viện toàn quân. Từ năm 1987 đến nay đã mở 25 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 728 cán bộ thư viện, tập huấn cho 537 người. Ngoài ra thư viện còn cử cán bộ trực tiếp đến thư viện đơn vị cơ sở để hướng dẫn về kĩ thuật nghiệp vụ.

Năm 1992, thư viện quân đội đã được trang bị máy vi tính, máy sao chụp nhân bản, đã xây dựng CSDL gần 2000 phiếu nhập tin vào máy tính điện tử chuyên đề tài liệu về chiến thắng Điện Biên Phủ. Để từng bước tin học hoá công tác thông tin thư viện của thư viện quân đội, các phòng chức năng và các phòng đọc đang có kế hoạch hoàn thiện bộ máy tra cứu truyền thống tiến tới phục vụ tra cứu tìm tin thông qua hệ thống máy tính, đồng thời cài đặt chương trình tổ chức quản lí bạn đọc.

#### *- Hệ thống thư viện chuyên ngành giáo dục và đào tạo*

Thư viện các trường đại học và cao đẳng góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia cho các ngành kinh tế, văn hoá, khoa học tự nhiên, kĩ thuật, công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, y tế, quốc phòng...

Thư viện các trường đại học và cao đẳng thực hiện chức năng quan trọng là Trung tâm Thông tin-văn hoá-khoa học của các trường đại học và cao đẳng, phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng học tập, giảng dạy của thầy giáo và học sinh.

Thư viện trường đại học và cao đẳng sưu tầm, bổ sung sách báo phục vụ sinh viên theo ngành học, lớp học, năm học thích hợp với chương trình kế hoạch đào tạo của nhà trường. Phục vụ sách cho sinh viên đại học và cao đẳng không chỉ hạn chế trong việc cung cấp sách giáo khoa và giáo trình.

64 Thượng tá, PTS Mạc Văn Trọng. Thư viện quân đội trong những năm đổi mới. Tập san thư viện, số 4/1994, tr.5-8



Nhiệm vụ của thư viện trường đại học và cao đẳng là gây cho sinh viên hứng thú đối với sách báo nghiên cứu khoa học, nhằm mở rộng tầm hiểu biết khoa học, và những kiến thức chuyên môn, trau dồi thói quen đọc lập nghiên cứu. Để đạt được mục đích đó, thư viện cần tổ chức các nhóm điểm sách trong sinh viên, bồi dưỡng cho sinh viên kiến thức về thư viện - thư mục - thông tin.

Thư viện các trường đại học sư phạm và cao đẳng sư phạm là loại hình thư viện khoa học nằm trong loại hình thư viện các trường đại học nói chung. Có nhiệm vụ và chức năng tàng trữ sách báo, luân chuyển sách báo đến tay thầy giáo và học sinh, là trung tâm thông tin-thư viện-thư mục, trung tâm nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực thư viện, thư mục thông tin các trường đại học và cao đẳng. Phục vụ các công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp trường, phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy sản xuất của các tổ bộ môn, các phòng thí nghiệm.

Hệ thống thư viện chuyên ngành giáo dục phổ thông, thực chất là thư viện trường học, là trung tâm văn hoá, thông tin tư liệu của nhà trường, nó trực tiếp góp phần thực hiện chương trình đào tạo của nhà trường, nếu không có thư viện thì không thể giảng dạy, học tập tốt được. Thư viện trường học là cơ sở vật chất quan trọng của nhà trường phổ thông. Số lượng thư viện trường học phổ thông rất lớn: 13.000 thư viện phổ thông các cấp, phục vụ cho 11,5 triệu học sinh; 200 thư viện trường bổ túc văn hoá tập trung (Không kể tại chức) phục vụ 6,7 vạn học sinh, 160 thư viện trường sư phạm và bồi dưỡng các cấp, phục vụ cho 26 vạn học sinh. Ngoài ra thư viện còn phục vụ cho 40 vạn giáo viên, cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lí, chỉ đạo giáo dục phổ thông.

Đặc điểm kho sách của thư viện trường phổ thông bao gồm: Sách giáo khoa, giáo trình cho học sinh, sách hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên, sách tham khảo đọc thêm và các tư liệu phục vụ giảng dạy và học tập, phù hợp với mục tiêu đào tạo của các loại trường.

Tính chất hoạt động của thư viện trường học là phục vụ theo chương trình năm học, theo môn học và theo học kì...

Xuất phát từ đối tượng phục vụ, đặc điểm kho sách, tính chất hoạt động của thư viện, chúng ta có thể chia hệ thống thư viện trường học phổ thông làm 3 mạng lưới khác nhau:

*1/ Mạng lưới thư viện trung tâm của các cấp quản lí giáo dục phổ thông từ Bộ, tỉnh, thành phố, huyện...*

*2/ Mạng lưới thư viện các trường sư phạm và bồi dưỡng chuyên ngành giáo dục phổ thông như thư viện trung học sư phạm (10+3, 10+2, 12+2), thư viện sư phạm mẫu giáo, trường bồi dưỡng, trường cán bộ quản lí.*

*3/ Mạng lưới thư viện trường phổ thông gồm có: thư viện trường phổ thông cơ sở (cấp 1, 2), thư viện trường phổ thông trung học (cấp 3).*

Hệ thống thư viện chuyên ngành giáo dục phổ thông gồm có 3 mạng lưới theo mô hình của khoa học sư phạm, nhưng thực chất nó vẫn nằm trong hai loại hình: thư viện khoa học và thư viện phổ thông.

### II.1.4.3 Các loại hình thư viện trong tương lai

Trong thời đại ngày nay công nghệ thông tin đã trở thành vũ khí lợi hại, thứ vũ khí vô hình “lưới kiếm thần” của sự phát triển nhanh kinh tế xã hội. Vì tài nguyên thông tin đã trở thành sức mạnh vật chất của mỗi quốc gia. Thông tin là trí tuệ, là kinh tế, là chính trị, là sức mạnh. Thống trị tài nguyên thông tin là thống trị kinh tế. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là” quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế, quản lí xã hội, từ sử dụng lao động thủ công là chính, sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học, công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao”.

Vì vậy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì phải “tin học hoá quốc gia” và hiện đại hoá công nghiệp

công nghệ thông tin là vô cùng cấp thiết và là chiến lược hàng đầu.

Tác động của việc áp dụng công nghệ thông tin mới đến thư viện tương lai phụ thuộc vào hai yếu tố: Công nghệ tin học và phạm vi ứng dụng nó.

Trên cơ sở hai yếu tố này sẽ xuất hiện 4 loại hình thư viện: thư viện điện tử, thư viện đa phương tiện, thư viện số và thư viện ảo.

Như thế nào là thư viện điện tử?. Chúng ta có thể khái niệm thuật ngữ thư viện điện tử để chỉ các hệ thống thư viện mà các quá trình hoạt động, các chức năng cơ bản của thư viện có bản chất điện tử: sử dụng máy tính và các phương tiện tự động hoá hỗ trợ khác như bảng tra trực tiếp, tìm văn bản đầy đủ, lưu các biểu ghi tự động hoá, ra quyết định bằng máy tính... Đặc điểm của thư viện điện tử là sử dụng phổ biến các phương tiện điện tử trong việc nhập tin, lưu trữ, bảo quản, tìm tin và cung cấp thông tin.



Hiện nay nhiều thư viện của các nước phát triển đang bắt đầu áp dụng công nghệ thông tin xây dựng thư viện điện tử. Trong khu vực điển hình là thư viện Tampines ở Singapor - đây là thư viện áp dụng công

nghệ tin học cao. Thư viện này cung cấp các phương tiện cho phép xem vô tuyến vệ tinh, truyền hình cáp, tiếp cận đến các CSDL quốc tế và dịch vụ thư viện tại nhà, các trạm tương tác CD-I (Compac Disk - Interactive), các trạm để xem phim, mục lục tiếp cận công cộng trực tuyến (Online Public access catalogue) và hệ thống cho mượn tự động. Ở nước ta, có thể xây dựng thư viện điện tử trong tương lai gần hay xa hoàn



toàn phụ thuộc chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ thông tin (tin học hoá quốc gia). Chúng ta cũng phải khẳng định rằng, trong thư viện điện tử, sách truyền thống sẽ tiếp tục tồn tại cùng với các ấn phẩm điện tử. Vì thư viện điện tử vẫn cần sự giúp đỡ của cán bộ thư viện (yếu tố con người) sử dụng một phần mềm tương tác có khả năng mô phỏng, kỹ năng của con người trong các lĩnh vực cụ thể.

### *Thư viện đa phương tiện.*

Thư viện đa phương tiện là thư viện sử dụng nhiều công cụ, phương tiện lưu trữ thông tin và tri thức khác nhau: Giấy, vi phim, đĩa CD-ROM... Về cơ bản thư viện đa phương tiện giống như thư viện truyền thống, sẽ chứa sách cùng với thông tin được lưu trữ trên Video, băng video, đĩa compac, vi phim, đĩa video, phần mềm máy tính... Quá trình tổ chức và quản lý thư viện đa phương tiện cũng sẽ giống như thư viện truyền thống: Chủ yếu là thủ công, việc tìm tin cũng thủ công: sử dụng các bảng tra bằng phiếu, vi phim, vi phiếu... trong thư viện đa phương tiện sử dụng máy tính song chúng không thể tự động hoá hoàn toàn công tác thư viện. Do đó, tất cả các bộ phận trong thư viện đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì các dịch vụ thư viện.

### *Thư viện số<sup>65</sup>.*


Thư viện số khác với hai dạng thư viện kể trên, trong thư viện số thông tin chỉ ở dạng điện tử số dù chúng được lưu giữ trên các phương tiện khác nhau: Bộ nhớ điện tử, đĩa quang, đĩa từ... Như vậy ở thư viện số không có bất kỳ một cuốn sách truyền thống nào. Để tiếp cận thông tin số, cần có các trạm máy đọc đa phương tiện (special purpose multimedia reader). Các thư viện như vậy có thể đặt ở một phòng đọc công cộng hay một phòng dùng cho cá nhân học tập hoặc nghiên cứu. Thông tin được tiếp cận từ xa qua modem hoặc nhờ các mạng lưới truyền thông tự động. Điểm mạnh nhất

của thư viện số là có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và nhanh chóng với giá rẻ. Trong khi một thư viện trường học truyền thống chỉ có 1-2 bản sao của một cuốn sách, thư viện số có khả năng cung cấp một số lượng không hạn chế các bản sao với một nút bấm. Tất nhiên thư viện số cho phép tiếp cận đến các thông tin chỉ đọc và thông tin “nhanh nhất” nghĩa là người dùng tin có thể xem hoặc sửa đổi thông tin được lưu giữ và được cung cấp trong phạm vi họ có quyền sử dụng. Thư viện số sẽ tiếp tục phục vụ người dùng tin nhờ cán bộ thư viện. Hơn nữa do nhiều người dùng tin sẽ tiếp cận từ xa nên phải có các cơ chế lựa chọn để tiếp cận đến các dịch vụ. Điều này có thể giải quyết nhờ các phương tiện thư điện tử (E-mail) sẽ giúp việc liên lạc giữa bạn đọc với cán bộ thư viện. Cán bộ thư viện dễ dàng sử dụng thư điện tử để chuyển các thông báo, các bản tin điện tử tới bạn đọc của mình.

### *Thư viện ảo<sup>66</sup>.*

Hệ thống thư viện ảo dựa trên công nghệ hiện thực ảo, mà dạng đơn giản nhất của nó là gặp mặt từ xa. Công nghệ hiện thực ảo đã được áp dụng có kết quả để xây dựng các cảnh quan, thành phố, các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng hoà nhạc ảo. Hiện nay công nghệ này đang được áp dụng xây dựng thư viện ảo. Một số thư viện ảo đã được sử dụng dưới hình thức các sản phẩm CD-ROM bao gói, hầu hết các hệ thống tiên tiến nhất chỉ tồn tại trong những hệ thống máy tính tinh vi có các thiết bị truyền thông hiện đại hỗ trợ. Để tiếp cận đến các thư viện ảo, cần có các giao diện hai chiều dựa vào các trạm máy tính truyền thống, hoặc các giao diện ba chiều có các màn hình chữ to và các thiết bị ngoại vi trợ giúp. Ở các thư viện ảo, bạn đọc có thể mượn sách từ xa, không đến thư viện bằng cách dùng các bảng tra hoặc mục lục để chọn sách và đọc (tất nhiên sách chỉ có trong máy tính và trong bộ nhớ của máy đọc).

Nói tóm lại, thư viện là nguồn lực thông tin quan trọng, đã tàng trữ tri thức của nhân loại từ cổ đại cho đến hiện đại,



trên các vật mang tin khác nhau, đã góp phần tích cực, có hiệu quả trong việc phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Thư viện sẽ tiếp tục đóng vai trò xã hội, kinh tế, văn hoá, khoa học, kĩ thuật và sự phạm cực kì to lớn trong hiện tại và tương lai. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển, thư viện cũng được thay đổi về quan niệm lưu giữ và cung cấp thông tin mới. Tất nhiên trong tương lai các hệ thống thư viện truyền thống và hệ thống thư viện điện tử, thư viện ảo... với tính linh hoạt của công nghệ cho phép hai hình thức thư viện trên song song tồn tại, một số người vẫn tiếp tục sử dụng các thư viện truyền thống, trong khi một số khác có thể dùng thư viện điện tử, thư viện ảo..., như vậy, thư viện thoả mãn được mọi yêu cầu dùng tin của tất cả các tầng lớp nhân dân trong xã hội, từ những người có trình độ học vấn thấp cho đến những người có trình độ học vấn cao, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của tất cả bạn đọc khác nhau.

### II.1.5 Phục vụ bạn đọc

Công tác bạn đọc hoặc tổ chức phục vụ sách báo cho bạn đọc và nhân dân lao động - đây là hoạt động của thư viện thúc đẩy phát triển và thoả mãn nhu cầu, hứng thú đọc sách của bạn đọc. Công tác bạn đọc bao gồm việc tuyên truyền, hướng dẫn, lãnh đạo đọc sách, tổ chức những hình thức phục vụ độc giả trong và ngoài thư viện.

#### II.1.5.1 Phục vụ độc giả trong thư viện

Những hình thức phục vụ bạn đọc trong thư viện là phòng mượn và phòng đọc.

- Tổ chức công tác bạn đọc trong phòng mượn. Phòng mượn là trung tâm hoạt động của tất cả các loại hình thư viện. Nhiệm vụ của cán bộ thư viện là nhận đăng kí bạn đọc. Hoàn thành mẫu đăng kí bạn đọc và cấp thẻ, sẽ giúp cho cán bộ thư viện nắm vững lai lịch, hoạt động, tuổi tác, trình độ,




nghe nghiệp, thành phần dân tộc, nơi làm việc và nơi ở của bạn đọc, để hướng dẫn đọc sách đúng đối tượng, đúng yêu cầu; đồng thời giới thiệu cho bạn đọc về nội quy sử dụng thư viện, kho sách và bộ máy tra cứu tìm tin của thư viện để bạn đọc khai thác sử dụng có hiệu quả tài liệu, sách báo phục vụ cho nghiên cứu, học tập và hoạt động công tác...

- Nhiệm vụ của cán bộ phòng mượn: a) nhận đăng kí bạn đọc mới vào thư viện, nhận sách bạn đọc trả, ghi phiếu cho đọc giả mượn sách; b) mạn đàm với đọc giả về những cuốn sách đã đọc và giới thiệu sách mới; c) Cung cấp sách theo phiếu yêu cầu (Có trong kho sách hay không).

Phòng mượn của thư viện có thể phân chia phục vụ bạn đọc theo các hình thức sau đây:

- *Phục vụ đọc giả theo chức năng*
- *Phục vụ đọc giả theo nhóm*
- *Phục vụ đọc giả theo từng ngành khoa học.*

Có hai loại phòng mượn: Phòng mượn tổng hợp trong thư viện phổ thông công cộng và phòng mượn khoa học chuyên ngành trong các viện nghiên cứu, các trường đại học. Những hình thức tổ chức phòng mượn trong các trường đại học và thư



viện khoa học cần tổ chức cho bạn đọc mượn sách về nhà theo thành phần bạn đọc: Phòng mượn cho giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, giảng viên chính, thạc sĩ, nghiên cứu sinh, phòng mượn cho cán bộ quản lý và lãnh đạo, cho các phòng chức năng, phòng mượn cho cán bộ nghiên cứu, các trung tâm, các phòng thí nghiệm... phòng mượn phục vụ sinh viên theo chuyên ngành đào tạo từng khoa, từng bộ môn, theo lớp, theo từng năm học: Năm thứ I,II,III,IV... Trong phần này giới thiệu các loại hình phòng mượn, chứng minh thư viện đã tìm mọi biện pháp phục vụ bạn đọc hợp lý và có hiệu quả hơn.

- Phòng đọc: Tổ chức công tác đọc giả trong phòng đọc - dựa trên những nguyên tắc phục vụ có phân biệt từng nhóm đọc giả khác nhau, công tác với từng đọc giả là cơ sở công tác của phòng đọc.

Phục vụ đọc giả trong phòng đọc có đặc điểm riêng của nó. Đọc giả không chỉ có quyền sử dụng kho sách của phòng đọc mà còn được sử dụng tất cả kho sách của thư viện kể cả những xuất bản phẩm đặc biệt quý hiếm không được mượn về nhà. Ngoài ra đọc giả được sử dụng xuất bản phẩm có định kì, các loại sách dẫn, sách tra cứu: Bách khoa toàn thư, từ điển, niên giám... Phòng đọc áp dụng kho mở tự chọn, do đó đọc giả phải làm quen với hệ thống sắp xếp kho sách. Điều đó có thể đạt được bằng phương pháp xây dựng sơ đồ sắp xếp kho, hướng dẫn cho đọc giả sử dụng kho sách mở tự chọn tài liệu trong kho.

Trong thư viện các trường đại học và cao đẳng, tổ chức phòng đọc cho thầy giáo và học sinh. Phòng đọc khoa học cho giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ... phòng đọc tổng hợp phục vụ cho tất cả cán bộ, công nhân viên, học sinh trong toàn trường, phòng đọc chuyên ngành về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kĩ thuật và công nghệ, sáng chế phát minh... Ngoài ra còn có những phòng đọc chuyên môn: Giáo học pháp, phương pháp giảng dạy đại học; phòng đọc tạp chí chuyên ngành và liên ngành, tạp chí tóm tắt, phòng đọc microfilm, phòng đọc vi phiếu,



phòng đọc âm nhạc, phòng đọc tiếng nước ngoài, phòng đọc sách quý hiếm, phòng đọc bản thảo, bản chép tay, phòng đọc sách Hán nôm, phòng đọc phương pháp nghiên cứu thư viện học, thông tin học và thư mục học...


Thống kê công tác phòng đọc và phòng mượn chính là thống kê hoạt động cơ bản nhất của toàn thư viện, nhằm đánh giá chất lượng, hiệu quả phục vụ của thư viện nói chung và công tác đọc giả nói riêng về tình hình luân chuyển sách, tình hình đọc giả đến thư viện nghiên cứu (kể cả số lượng lẫn chất lượng).

Thống kê công tác ở phòng mượn và phòng đọc cần đảm bảo 3 yêu cầu chính xác, kịp thời và đầy đủ.

#### **II.1.5.2 Phục vụ độc giả ngoài thư viện.**

Tổ chức phục vụ độc giả ngoài thư viện là phục vụ nguyên tắc phổ cập tri thức, nhằm nâng cao dân trí. Để thực hiện được nguyên tắc đó, nhiệm vụ của thư viện là phải tổ chức luân chuyển sách báo đến tận tay mỗi người dân bất kì làm việc và sống ở đâu, từ thành thị cho đến nông thôn, từ đồng bằng cho đến vùng sâu, vùng xa, hải đảo, ở đó không có thư viện cố định. Một số độc giả vì điều kiện lao động không thể đến thư viện một cách đều đặn như công nhân các trạm khai thác chế biến gỗ, các tập thể đánh cá, cán bộ vận tải đường sắt, đường thủy, đường hàng không dân dụng... cần đảm bảo luân chuyển sách báo đến tay họ là nhiệm vụ quan trọng của thư viện. Trong những năm chống Mỹ cứu nước thư viện Việt nam đã thực hiện “sách đi tìm người”, “sách ra trận địa pháo”, “sách trên mặt biển”, “sách trên đường Trường Sơn”, “sách trên các chốt biên phòng”, “sách ở thành cổ Quảng Trị”...

Tổ chức phục vụ sách báo đến mỗi điểm dân cư, mỗi gia đình, nơi làm việc và sản xuất chỉ bằng con đường sử dụng một cách rộng rãi các hình thức khác nhau phục vụ độc giả ngoài thư viện. Những hình thức này đã được sử dụng rất sinh



động trong thực tế các loại hình thư viện khác nhau bao gồm: Chi nhánh thư viện, thư viện lưu động, trạm giao sách, mượn sách giữa các thư viện, mượn sách bằng thư, phòng mượn quốc tế...

## II.2 THÔNG TIN HỌC

### II.2.1 Thông tin học là bộ môn khoa học

Thông tin học là bộ môn khoa học nghiên cứu những quy luật của quá trình thông tin trong giao lưu xã hội.

#### II.2.1.1 Khái niệm thông tin.

Thông tin là toàn bộ tri thức của nhân loại được truyền lại trong không gian và thời gian; tri thức là động lực phát triển kinh tế xã hội trong các thời đại. Qua thông tin con người nhận thức thế giới xung quanh và giao tiếp, trao đổi với nhau trong đời sống xã hội. Do vạn vật luôn luôn biến đổi, tri thức nhân loại ngày càng phong phú, đa dạng, nhu cầu giao tiếp, trao đổi thông tin của con người ngày càng lớn, cộng với phương tiện kỹ thuật công nghệ hiện đại, mà con người tạo ra để có thể liên lạc, trao đổi với nhau trên bình diện toàn cầu mà dẫn đến bùng nổ thông tin như ngày nay.

Trong bách khoa toàn thư Liên xô (cũ) xuất bản lần thứ 3. Tập 10 - đã nêu khái niệm thông tin - là tin tức truyền đi bởi con người bằng lời nói, chữ viết hoặc phương tiện khác, đã chứng minh giữa thế kỷ XX. Đây là khái niệm khoa học chung, sự trao đổi thông tin giữa con người với nhau, con người và tự động, tự động với tự động, trao đổi tín hiệu trong thế giới động vật và thực vật, truyền các kí hiệu từ tế bào đến tế bào, từ cơ thể đến cơ thể.

Vào những năm 50 của thế kỷ XX ở Pháp, thuật ngữ Information được hiểu là khoa học chính xác, nghiên cứu

những vấn đề xử lý thông tin bằng máy tính điện tử..., nghiên cứu chế tạo máy móc, dụng cụ đọc, dụng cụ điều khiển vô tuyến điện, sử dụng máy tính điện tử nhận tin và lấy tin ra bằng tự động...

Ở Mỹ, vào những năm 60 của thế kỷ này, documentation thay thế bằng thuật ngữ information nghiên cứu quy luật dòng tin, phương tiện xử lý tin bằng máy tính điện tử, sao chụp nhân bản tài liệu, sao chụp vi phim, vi phiếu, kỹ thuật ghi âm cơ khí, tự động hoá quá trình tóm tắt, định ký hiệu, phân loại, mã hoá... thiết kế cấu trúc các hệ thống tìm tin. Nhà bác học Mỹ P.Jertori xác định information nghiên cứu dự báo trong hình thức dữ kiện... đặc biệt, kỹ thuật tính, lập trình cho máy tính điện tử.

### **II.2.1.2 Thuật ngữ.**

“Thông tin học” đã được hình thành từ những năm 40 của thế kỷ XX và đã trở thành bộ môn khoa học độc lập. Trong thời kỳ này đa số các công trình nghiên cứu, tập trung giải quyết các vấn đề, hệ thống tìm tin, phương pháp phục vụ thông tin, nghiên cứu thuật toán và lập trình gắn liền với xử lý thông tin, thư viện, thư mục, lưu trữ... từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin - thư viện tự động hoá.

### **II.2.1.3 Đối tượng nghiên cứu của thông tin học.**

Nghiên cứu quy luật tìm tin, các dòng tin, hệ thống tìm tin nhân tạo gắn liền với giao lưu xã hội. Nghiên cứu quy luật tìm tin trong hệ thống thông tin bao gồm: Công nghệ các quá trình tìm tin, dự báo khoa học và quản lý quá trình tìm tin. Những phương pháp và quan điểm hệ thống... để hỗ trợ và tác động lẫn nhau trong quá trình phát triển, thông tin học có mối quan hệ chặt chẽ với các bộ môn khoa học khác: Phân tích hệ thống, nghiên cứu các công đoạn truyền thông hiện đại, lý thuyết xác suất, lý thuyết thông tin, lý thuyết truyền

CSDL, khoa học luận, tư liệu học, thư viện học, thư mục học, lưu trữ học...

#### II.2.1.4 Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của thông tin học.

Thông tin học có lịch sử phát triển hơn một thế kỉ gắn liền với sự phát triển hệ thống viễn thông, hệ thống truyền đại chúng, có thể chia ra ba giai đoạn như sau:

Giai đoạn đầu: thông tin phát triển cùng với sự phát minh ra điện tín năm 1837 với các kĩ thuật điện thoại, truyền thanh, truyền hình...

Giai đoạn hai: thông tin gắn liền với sự phát triển mạch vi điện tử và máy tính vào những năm 50 của thế kỉ XX. Cùng với hệ thống cáp và vệ tinh, các tiến bộ tin học đã biến truyền thanh, truyền hình thành phương tiện truyền thông đại chúng.

Giai đoạn ba: Từ năm 1985 đến nay, nhân loại đang ở trong “kỷ nguyên thông tin toàn cầu” qua các mạng truyền thông quốc tế (Internet). Thông tin không chỉ là sức mạnh kinh tế mà còn là nguồn tài nguyên đặc biệt cần thiết trong mọi lĩnh vực văn hoá, chính trị và xã hội. Thông tin có vị trí quan trọng như một đòn bẩy của nền kinh tế quốc dân. Trong thời đại ngày nay, không ai không biết siêu xa lộ thông tin thế giới Internet, mang lại lợi ích vô cùng to lớn cho cả loài người. Mọi người khắp trên thế giới có thể trao đổi thông tin với nhau một cách thuận tiện, các kho tri thức được hoà nhập vào siêu xa lộ thông tin cho mọi người cùng sử dụng, trở thành tài sản chung của các dân tộc trên hành tinh của chúng ta. Có lẽ vì lí do đó, mà có người đã khẳng định: Siêu xa lộ thông tin là biểu hiện rực rỡ nhất của nền văn minh tin học trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX. (Xin lưu ý là loài người đã trải qua 3 thời đại văn minh): Thời đại văn minh nông nghiệp - dùng sức cơ bắp để tăng năng suất lao động; thời đại văn minh công nghiệp - dùng cơ khí, lao động có kĩ thuật, có kỉ luật, có năng suất cao; nền văn minh tin học, dùng tự động hoá trên cơ sở xử lí thông tin).

## II.2.2 Hoạt động thông tin thư viện thư mục là các ngành khoa học thực nghiệm của thông tin học.

Nghiên cứu mối quan hệ tương hợp của thông tin học, thư viện học, thư mục học với quan điểm phân tích hệ thống giao lưu xã hội, có nghĩa là phân tích các kênh truyền tin trong xã hội.

Sự giao lưu xã hội chia làm 3 dạng thông tin sau đây:

*Từ thông tin trực tiếp, dẫn đến thông tin tư liệu và thông tin dữ kiện, phát triển những hướng cơ bản của quan điểm này có thể trình bày sự giao lưu bao gồm:*

*- Thông tin trực tiếp (thông tin không hình thức, các kênh phổ biến tin ngoài tư liệu).*

*- Thông tin tư liệu (Các kênh hình thức phổ biến tư liệu bậc 1)*

*- Thông tin tư liệu bậc 2 hoặc thông tin thư mục (các kênh hình thức phổ biến tin về tư liệu bậc 2)*

*- Thông tin dữ kiện (các kênh hình thức phổ biến quan điểm thực tế rút ra từ tư liệu công bố và không công bố).*

*- Thông tin dữ kiện (các kênh phổ biến quan điểm, các nhân tố nhận được bằng con đường xử lý logic các tư liệu công bố và không công bố).*

*Như vậy, hoạt động thông tin khoa học, hoạt động thư viện và thư mục có sự giống và khác nhau. Ở mỗi mức độ nào đó các dạng hoạt động này có sự giao tiếp với nhau và bổ sung cho nhau.*

*Thông tin học sử dụng những quy luật và các phương pháp do thư viện học và thư mục học nghiên cứu vạch ra. Ví dụ những quy luật phân tán, phát triển nhanh chóng lạc hậu các ấn phẩm khoa học ..., áp dụng kết quả nghiên cứu phân loại thư viện - thư mục để xây dựng ngôn ngữ tìm tin, những phương pháp và hình thức phục vụ thông tin.*

*Thư viện học và thư mục học áp dụng những kết quả nghiên cứu của thông tin học về các quan điểm mới, phương*

*pháp mới, công nghệ mới, lí thuyết thông tin gắn liền với kĩ thuật tính, xử lí tin trên máy tính điện tử, để phục vụ bạn đọc nhanh chóng kịp thời, có hiệu quả tài liệu sách báo trong công tác nghiên cứu, sản xuất và đời sống.*

## II.2.3 Thông tin học và thực tiễn xã hội.

### II.2.3.1 Vai trò của thông tin khoa học.

Thời đại ngày nay là thời đại vật chất, năng lượng và thông tin - là những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển toàn xã hội. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra với quy mô rộng lớn trên phạm vi toàn thế giới, khoa học đã trở thành lực lượng trực tiếp sản xuất của xã hội. Việc áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến tác động mạnh mẽ đến sản xuất và đời sống. Sự tác động này càng lớn, thì đòi hỏi phải áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất càng mạnh, nhằm thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Chính vì vậy Trung tâm Thông tin-Thư viện khoa học và công nghệ đóng vai trò cực kì quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội.

Như mọi người đều biết, trong lĩnh vực sản xuất vật chất, nếu tư bản được lưu thông nhanh bao nhiêu, thì lợi nhuận càng lớn bấy nhiêu. Trong khoa học cũng tương tự như vậy, ở đây thông tin khoa học đóng vai trò tư bản, các sự kiện, các tư tưởng mới, những sáng chế, phát minh mới trong khoa học và công nghệ quay vòng càng nhanh, thì lợi ích đến với xã hội càng lớn, nhịp độ phát triển khoa học và công nghệ càng cao, những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến càng được sử dụng rộng rãi trong sản xuất.

### II.2.3.2 Thông tin khoa học kỹ thuật là nguồn lực của mỗi quốc gia.

Thông tin khoa học kỹ thuật thực sự trở thành nguồn lực quan trọng tạo nên những ưu thế kinh tế, chính trị. Nếu như

tiềm lực khoa học kỹ thuật là điều kiện quan trọng nhất của tài sản xã hội, thì thông tin khoa học được coi là một yếu tố cực kì quan trọng của tiềm lực khoa học kỹ thuật.

Ngày nay người ta càng thấy rằng, khối lượng chất lượng của thông tin khoa học kỹ thuật thu thập được chính là loại sản phẩm đặc biệt của mỗi quốc gia, là những chỉ tiêu sức mạnh kinh tế và chính trị của mỗi nước. Thông tin khoa học kỹ thuật được coi là tài nguyên đặc biệt của quốc gia. Nguồn tài nguyên này khi được sử dụng sẽ đem lại hiệu quả kinh tế thực sự to lớn, đồng thời tài nguyên thông tin khoa học kỹ thuật không cạn đi, mà ngày càng phát triển, đa dạng, phong phú và vô tận, vì được bổ sung thường xuyên liên tục lượng thông tin mới.

Đề cập đến phương hướng phát triển của tiềm lực khoa học kỹ thuật ở nước ta, nghị quyết 37-NQ của Bộ Chính trị về chính sách khoa học kỹ thuật đã nêu: “Công tác thông tin phải góp phần tích cực rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, nâng cao chất lượng quản lí và lãnh đạo” và trong quá trình xây dựng tiềm lực khoa học kỹ thuật, thông tin phải được coi là “một yếu tố cực kì quan trọng của tiềm lực khoa học kỹ thuật”<sup>67</sup>. Nghị quyết 26 - NQ của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ<sup>68</sup> trong sự nghiệp đổi mới đã nêu rõ: khoa học và công nghệ là công cụ đắc lực để đổi mới quản lí, đổi mới công nghệ, đưa lực lượng sản xuất lên trình độ phát triển mới, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, nhằm công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

### II.2.3.3 Vai trò thông tin trong khoa học, kỹ thuật và sản xuất.

Sự phát triển, ứng dụng những kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ đời sống, phát triển kinh tế xã hội, phụ thuộc trực tiếp vào khả năng tiếp cận nghiên cứu thông tin khoa học kỹ thuật mới nhất.

Trong điều kiện của cuộc các mạng khoa học và công nghệ hiện nay, khoa học kỹ thuật và sản xuất là những bộ

67 Nghị quyết của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật số 37/NQ/TƯ ngày 20-4-1981

68 Nghị quyết số 26/NQ/TƯ của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong thời kì đổi mới ngày 30-3-1991.



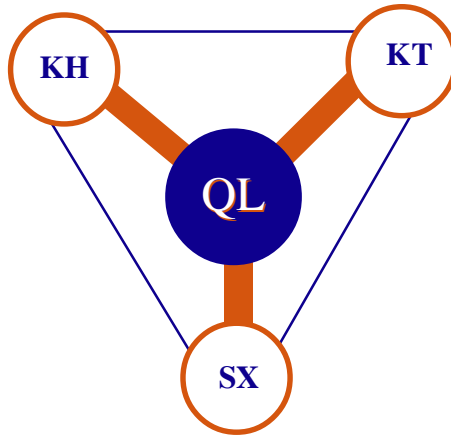
phần quan hệ khăng khít với nhau tạo thành chu trình “Khoa học - kỹ thuật - sản xuất” trong đó mỗi bộ phận vừa là tiền đề, vừa là điều kiện thúc đẩy các bộ phận kia phát triển. Thực chất của mối quan hệ này là trao đổi thông tin nhằm mục đích:

- *Đảm bảo liên tục của quá trình quay vòng tri thức của chu trình “Khoa học-Kỹ thuật- sản xuất” trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.*

- *Đẩy mạnh quá trình vật chất hoá tri thức khoa học, đảm bảo thông tin khoa học kỹ thuật cho các công trình nghiên cứu, triển khai mới và rút ngắn thời gian đưa các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.*

- *Nâng cao hiệu quả quản lí quá trình áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nói chung và trình độ khoa học kỹ thuật của các công trình nghiên cứu, triển khai nói riêng.*

*Phản ánh sự vận động của thông tin từ khoa học đến sản xuất và ngược lại. A.D.Urxul đã đưa ra mô hình liên hệ thông tin và quản lí trong chu trình “Khoa học - kỹ thuật - sản xuất” (hình 1)*



**Hình 1. Chu trình “Khoa học - kỹ thuật - sản xuất”**

Nói tóm lại, thông tin khoa học thực sự đóng vai trò quan trọng đối với khoa học, kỹ thuật và sản xuất như những bộ phận cấu thành của chu trình “Khoa học - kỹ thuật - sản



xuất” góp phần tích cực rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực này.

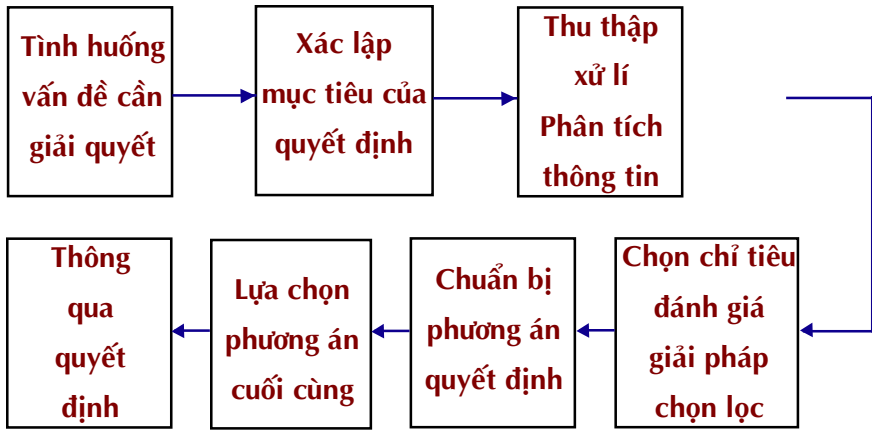
#### II.2.3.4 Vai trò thông tin phục vụ cán bộ lãnh đạo và quản lí.

Quản lí là một dạng tương tác đặc biệt của con người đối với môi trường xung quanh. Quá trình quản lí có thể xác định như một hệ thống các hành động định hướng theo mục tiêu, trong đó những hành động cơ bản là xác lập mục tiêu, lập kế hoạch các quá trình hoạt động để đạt mục tiêu và kiểm tra việc thực hiện chúng<sup>69</sup>. Quản lí quá trình chuẩn bị để thông qua quyết định về một tình huống, một vấn đề nào đó trên cơ sở thông tin thu nhận được. Thông qua quyết định chính là một trong những nội dung cơ bản nhất của quá trình quản lí. Hiệu quả của quá trình quản lí hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của các quyết định có luận cứ khoa học và kịp thời, thể hiện được sự am hiểu, nắm vững vấn đề được quyết định<sup>70</sup>. Ở đây chất lượng của quyết định phụ thuộc vào sự đầy đủ và chất lượng của thông tin số liệu ban đầu. Như vậy thông tin là yếu tố quan trọng nhất mà thiếu nó thì không thể có bất kì quá trình quản lí nào trong hệ thống tổ chức xã hội.

Công tác quản lí đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải có những phẩm chất, năng lực, phải biết thu thập, xử lí, phân tích tổng hợp tin, vạch ra phương hướng chủ trương và biện pháp phát triển quá trình sản xuất, phát triển khoa học công nghệ và các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Trong cải cách nền hành chính quốc gia, trong nền kinh tế thị trường tổ chức cơ chế quản lí mới, thông tin phục vụ cho lãnh đạo và quản lí phải được chọn lọc, khái quát, ngắn gọn nhanh chóng và kịp thời cho việc ra quyết định chính xác đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội. Có thể khái quát mô hình ra quyết định quản lí như sau:

69 Semakin I. Thông tin khoa học và quản lí. M.: 1977

70 Khainhic C. Bliphenhic M.- Những vấn đề quyết định trong các hệ thống tổ chức quản lí. M.: IPKIR, 1978.



*Hình 2. Sơ đồ quá trình thông qua quá trình quyết định*

### II.2.3.5 Thông tin giữ vai trò quan trọng trong giáo dục và đào tạo

Hoạt động giáo dục và đào tạo, giảng dạy, học tập, ngoài phương pháp sư phạm trong quá trình dạy tốt và học tốt, phục vụ tốt cho chất lượng đào tạo cần khai thác có hiệu quả kho tư liệu khoa học của thư viện và các cơ quan thông tin. Tất nhiên với tiến bộ công nghệ, phương tiện thông tin ngày càng có vai trò to lớn trong quá trình chuyển giao tri thức. Các phương tiện chuyển giao tri thức gồm: sách, báo, tạp chí, radio, vô tuyến, vi phim, vi phiếu, băng hình, băng âm thanh, đĩa lase, đĩa compact, phần mềm máy tính, các mạng máy tính, các hệ thống vệ tinh. (Xem hình 3. Phương tiện thông tin chuyển giao tri thức). Nhờ mở rộng phương tiện thông tin chuyển giao tri thức cho cán bộ giảng dạy (thầy giáo), học sinh tạo nên những tri thức mới. Tri thức này đã truyền cho các thế hệ sau nhờ các hệ thống giáo dục và đào tạo, trong đó thầy giáo “tiếp thụ” tri thức và dạy cho sinh viên. Thông qua việc bổ sung tri thức này, sinh viên trở thành thầy giáo và nhà nghiên cứu, một xã hội được đào tạo ra một

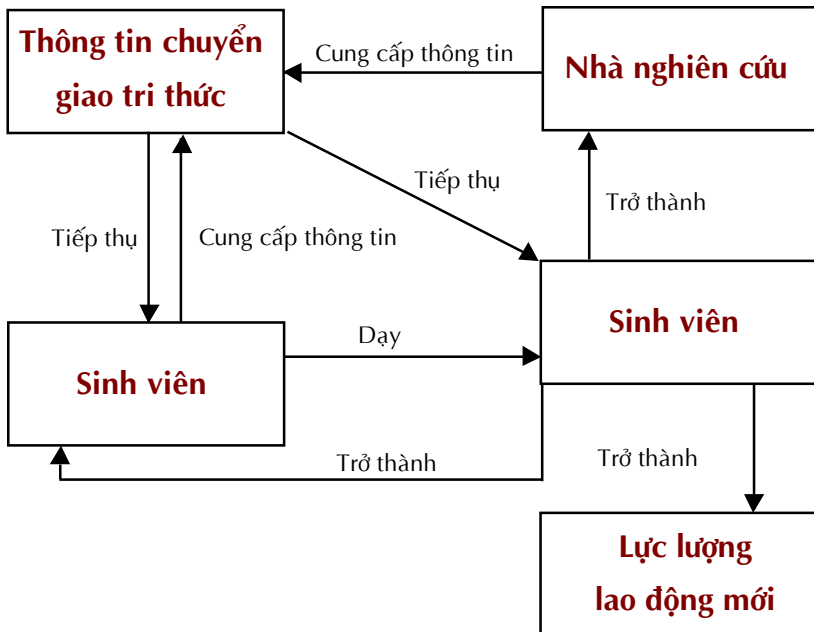
lực lượng lao động mới có năng lực, có khả năng vươn tới giải quyết những vấn đề của thực tiễn đặt ra. Thông tin - Thư viện là một hệ thống chuyển giao tri thức đáp ứng một số yêu cầu chính sau đây:

- Có khả năng cung cấp một lượng tài liệu lớn cho nghiên cứu giảng dạy và đào tạo.

- Cho phép thu thập và phổ biến thông tin tốt nhất cho giáo dục và đào tạo

- Phục vụ cho các chuyên gia giáo dục trong quá trình đào tạo

- Đáp ứng nhu cầu tự đào tạo “tự học suốt đời”



**Hình 3. Thông tin chuyên giao tri thức**

### II.2.4 Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Hoạt động thông tin khoa học giữ vai trò quan trọng trong khoa học và góp phần nâng cao hiệu quả của khoa học. Nhiều nước kinh tế phát triển đã đầu tư 3% tổng thu nhập quốc dân cho khoa học. Hàng năm các nước trên thế giới đã chi phí từ 5 đến 8 tỷ đô la cho hoạt động thông tin khoa học. Vì vậy cần xác định đúng nội dung hoạt động của thông tin khoa học và vị trí của nó trong khoa học có ý nghĩa lớn về mặt lí luận và thực tiễn.

Phát triển hoạt động thông tin khoa học cần phải nắm vững đặc điểm của thời đại và đặc điểm của nước ta để hoà nhập vào khu vực và thế giới.

Xu thế chung của thời đại ngày nay là: Hợp tác, hoà hợp, hữu nghị và phát triển, thời đại vật chất hoá xã hội - khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển; thời đại của trí tuệ công nghệ thông tin toàn cầu.

Đặc điểm của Việt Nam là đổi mới nền kinh tế của đất nước từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa - là tiền đề đổi mới cơ bản hoạt động thông tin khoa học và công nghệ của nước ta. Chúng ta là thành viên chính thức của ASEAN là điều kiện thuận lợi cho việc hoà nhập, hợp tác, giao lưu thông tin khoa học và công nghệ của nước ta với các nước trong khu vực. Quan hệ bình thường hoá Việt - Mỹ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác song phương, đa phương, trao đổi thông tin tư liệu khoa học và công nghệ đa dạng phong phú nhằm thu nhận những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại, công nghệ tiên tiến ứng dụng vào điều kiện nước ta. Mặt khác đối với hoạt động thông tin khoa học và công nghệ cần phải biết chọn lọc những tư liệu có giá trị về khoa học, nghệ thuật, nội dung tư tưởng chống lại văn hoá đồi trụy, văn hoá nghệ thuật độc hại, phản động xâm nhập vào nước ta làm giảm sút ý chí, phẩm chất đạo đức của nhân dân ta, đặc biệt là thanh thiếu niên của chúng ta.

Nghị quyết 26-NQ/TU của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới ngày 30-3-1991 đã nêu rõ: “Cần xây dựng hệ thống thông tin hiện đại về khoa học và công nghệ kịp thời cung cấp thông tin mới cho cơ quan lãnh đạo và quản lí, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất. Tham gia hệ thống thông tin khoa học thế giới. Dành một quỹ ngoại tệ thích đáng để mua các tư liệu thông tin cần thiết từ nước ngoài, nhất là từ những nước có trình độ phát triển cao”<sup>71</sup>.

#### II.2.4.1 Định nghĩa hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Hoạt động thông tin khoa học và nghiên cứu là một dạng lao động khoa học được hình thành có tổ chức do cán bộ thông tin thực hiện nhằm mục đích nâng cao hiệu quả nghiên cứu và triển khai bao gồm việc thu thập, xử lí, phân tích tổng hợp, bảo quản và tìm tin...

Có hai luận cứ khoa học để khẳng định hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là dạng lao động khoa học:

*1/ Mục đích cơ bản của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trùng với dấu hiệu thứ 2 trong định nghĩa về lao động khoa học - sử dụng kịp thời có hiệu quả vào thực tiễn những hiểu biết đã thu nhận được.*

*2/ Một công trình nghiên cứu hoặc nghiên cứu triển khai bất kì bắt đầu bằng việc xác định đề tài, chuẩn bị thông tin theo đề tài là bộ phận hữu cơ của nghiên cứu khoa học và nghiên cứu triển khai.*

Định nghĩa về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ đã khẳng định rằng loại lao động khoa học này do cán bộ thông tin thực hiện. Tóm lại người cán bộ thông tin chính là cán bộ khoa học, cán bộ chuyên môn uyên bác, mà lao động của họ cơ bản mang tính chất sáng tạo.

Mục đích của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là nâng cao hiệu quả nghiên cứu và triển khai. Chính khái niệm này chúng ta phân biệt rõ hai loại hoạt động: Hoạt động

71 Nghị quyết số 26/NQ-TU/30/3/1991 của Bộ Chính trị về công tác thông tin khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới. H.: 1991, tr.8



thông tin và hoạt động nghiên cứu. Những công trình nghiên cứu được các cơ quan thông tin, thư viện cung cấp tư liệu đó là hoạt động thông tin. Những công trình nghiên cứu khoa học do các nhà khoa học sử dụng tư liệu thu nhận những kiến thức mới, phát hiện những quy luật nội tại của đối tượng nghiên cứu, thì thuộc hoạt động nghiên cứu.

Sự phân chia lao động khoa học thành thực nghiệm và lí thuyết dựa trên phương pháp đã được xác định trong các quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy.



Quá trình phân chia như vậy được phát triển theo phương diện chức năng đã tạo ra 3 dạng lao động khoa học độc lập: nghiên cứu thuần túy, hoạt động thông tin khoa học và công tác tổ chức khoa học (xem hình 1)

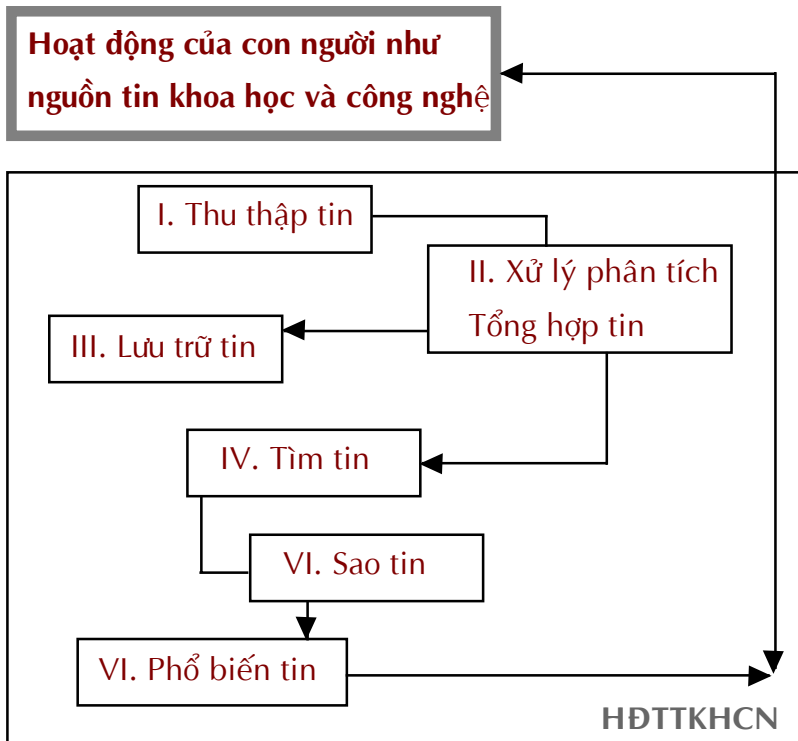
LAO ĐỘNG KHOA HỌC			
<b>Cơ sở phân chia</b>	Nghiên cứu thuần túy	Hoạt động thông tin và khoa học công nghệ	Công tác tổ chức khoa học
<b>Mục đích</b>	Nhận thức các quy luật tự nhiên xã hội và tư duy	Nâng cao hiệu quả nghiên cứu	Nâng cao hiệu quả khoa học như một ngành của nền KTQD
<b>Cơ sở lí thuyết và phương pháp luận</b>	Duy vật biện chứng	Thông tin học	Khoa học luận

*Hình 1 Các dạng lao động khoa học*

Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là một bộ phận hữu cơ của lao động khoa học. Nhưng hoạt động thông tin khoa học và công nghệ khác với nghiên cứu khoa học, vì hoạt động thông tin là giai đoạn đầu tiên - giai đoạn chuẩn bị tư liệu của bất kì một công trình nghiên cứu nào, và tạo điều kiện tiến hành nghiên cứu đạt chất lượng và hiệu quả cao.

#### II.2.4.2 Các quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ bao gồm các mặt hoạt động sau đây: Thu thập tin, hệ thống hoá, xử lý phân tích tin, lưu trữ tin, tìm tin, sao in tài liệu, phổ biến khoa học và công nghệ. Đó là những giai đoạn, hoặc những chức năng nhiệm vụ cơ bản của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (xem hình 2)



*Hình 2. Các quá trình thông tin khoa học và công nghệ.*

*Nhiệm vụ cơ bản của quá trình đầu tiên* là thu thập nguồn tin khoa học và công nghệ đầy đủ nhất. Nguồn tin là loại tài liệu gốc bất kì mà từ đó người dùng tin có thể rút ra được những số liệu, những kết luận cần thiết. Nguồn tin phân chia thành 2 dạng: Nguồn tin tư liệu và nguồn tin dữ kiện.

Nguồn tin tư liệu bao gồm: Tư liệu bậc 1 và tư liệu bậc 2.

*\* Tư liệu bậc 1 bao gồm tư liệu công bố và tư liệu không công bố.*

Tư liệu công bố bao gồm: Xuất bản phẩm không định kì và xuất bản phẩm định kì.

- Xuất bản phẩm không định kì như sách, sách chuyên khảo, sách giáo khoa, sách phổ thông, sách xã hội chính trị, sách khoa học và kĩ thuật...

- Xuất bản phẩm định kì như báo, tạp chí, các loại tài liệu đặc biệt (Các bản mô tả sáng chế phát minh, bằng sáng chế phát minh bản quyền tác giả, tiêu chuẩn nhà nước, tài liệu kỹ thuật ngành và liên ngành, Catalo công nghiệp và bản giá vật liệu và thiết bị...)

Tài liệu không công bố có ý nghĩa to lớn với tư cách là nguồn thông tin khoa học và công nghệ. Tài liệu không công bố bao gồm các báo cáo tổng kết khoa học kỹ thuật, phiếu thông tin, preprin, tài liệu dịch, luận án, các bản thảo, bản chép tay...

*\* Tư liệu bậc 2: Tư liệu bậc 2 thực hiện 2 chức năng cơ bản:*

*1/ Có khả năng thông tin nhanh chóng cho người dùng tin.*

*2/ Trình bày hết sức cô đọng nội dung tư liệu bậc 1, rút gọn lượng thông tin tài liệu gốc, không có lượng thông tin mới. Tư liệu bậc 2 còn gọi là ấn phẩm thông tin. Tư liệu bậc 2 gồm: Tài liệu thư mục, sách dẫn thư mục, thư mục của thư mục, các loại biên niên, bảng tra chủ đề, bảng tra hoán vị, bảng tra trích dẫn, các ấn phẩm tóm tắt: thông tin tin nhanh, tạp chí tóm tắt, tuyển tập tóm tắt,... các ấn phẩm tổng quan, sách tra cứu như bách khoa toàn thư, từ điển, hộp phiếu chuyên đề...*



Nguồn tin dữ kiện. Nguồn tin dữ kiện song song tồn tại với nguồn tin tư liệu. Nguồn tin dữ kiện gồm: những kết quả quan sát trực tiếp, hình ảnh, chụp ảnh các đối tượng khác nhau của thế giới vật chất, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các thông số máy móc, thiết bị, dụng cụ, công trình... các bản vẽ, các đồ án, tranh vẽ, sơ đồ, bản đồ, moden vật lí, cơ học, toán học, công thức hoá học...

### *Quá trình thứ II - Xử lí phân tích tổng hợp tin*

Xử lí phân tích tổng hợp tin là quá trình thứ hai của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. Các dạng chủ yếu của phân tích tổng hợp tin bao gồm: Mô tả thư mục các tư liệu (Mô tả theo tiêu chuẩn quốc tế, gọi tắt là ISBD (International Standard Bibliography Description), phân loại tư liệu (đánh kí hiệu, sử dụng bảng phân loại thư viện thư mục BBK, bảng phân loại thập tiến UDC, bảng phân loại 17 lớp của thư viện Quốc gia biên soạn, chú thích, dẫn giải, tóm tắt, biên soạn tổng quan ... Những dạng xử lí phân tích tổng hợp tin ngày càng được hoàn thiện nhờ sự phát triển của ngành xuất bản sách, sự nghiệp phát hành và thư viện học, thư mục học, ngôn ngữ học ứng dụng và tổ chức lao động khoa học. Tuy nhiên, sự ra đời của thông tin học đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lí phân tích, tổng hợp tin trên máy tính điện tử, từng bước cơ giới hoá, tin học hoá các khâu xử lí tin.

### *Quá trình thứ III - Lưu trữ tin (bảo quản tin)*

Nhiệm vụ của quá trình này là tổ chức bảo quản tư liệu lâu dài, tổ chức các kho thông tin tư liệu, phương pháp sắp xếp kho, phương pháp bảo quản kho tư liệu, phương pháp khai thác sử dụng kho tư liệu khoa học và công nghệ có hiệu quả, đồng thời nghiên cứu các vật mang tin có khả năng bảo quản lâu dài, có thể sắp xếp tư liệu vào hệ thống hoàn chỉnh cho phép tìm nhanh chóng các tài liệu cần thiết có trong kho lưu trữ tin.

### *Quá trình thứ VI - Tìm tin*

Quá trình thứ 4 của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là một hoạt động công đoạn logic, đảm bảo phát hiện các tin cần thiết. Ở đây, nhiệm vụ quan trọng nhất là xác định sự phù hợp giữa nội dung tài liệu với nhu cầu tin.

Có 3 dạng tìm tin cơ bản:

*1/ Tìm tin hồi cố, có nghĩa là tìm các tư liệu thành văn (toàn bộ hoặc một phần) chứa những lượng thông tin về một vấn đề nhất định.*

*2/ Thông báo kịp thời cho từng chuyên gia về các ấn phẩm có giá trị đối với họ. Tìm tin có chọn lọc (theo địa chỉ của người dùng tin).*

*3/ Tìm tin trên máy tính điện tử.*

Ngôn ngữ tìm tin là ngôn ngữ nhân tạo chuyên dạng, dùng để diễn đạt nội dung, ý nghĩa cơ bản của tài liệu. Ngôn ngữ tìm tin gồm có: Ngôn ngữ thông tin; ngôn ngữ đánh chỉ số; ngôn ngữ tư liệu; ngôn ngữ dùng để ghi thông tin dưới dạng mà máy có thể cảm thụ được (người ta thường dùng hệ thống đếm nhị phân làm ngôn ngữ này); ngôn ngữ hình thức để mô tả các thuật toán dùng cho việc giải các bài toán, chú ý các thuật ngữ toán này phải được thực hiện trên máy tính.

Hiện nay, trong lĩnh vực tìm tin tư liệu người ta thường sử dụng 3 loại ngôn ngữ tìm tin sau đây:

- Các khung phân loại thư viện thư mục, khung phân loại UDC
- Các khung phân loại chủ đề chữ cái
- Các loại ngôn ngữ từ chuẩn. Tài liệu được coi là thích hợp nếu tổng các hệ số “trọng lượng” của những từ chuẩn trong lệnh tìm trùng hợp với từ chuẩn trong mẫu tìm không nhỏ hơn đại lượng R đã quy định. Ví dụ: trong hệ thống tìm tin sử dụng một hệ số trọng lượng gồm 18 điểm, trong đó có 9 điểm dương và 9 điểm âm. Lệnh tìm có danh sách các từ chuẩn: A,B,C,D,E và F; A=6; B=9; C=1; D=-3; E=9; F=6, R<sup>3</sup>15.

Khi đó có thể xảy ra hai trường hợp sau đây:

*a/ Mẫu tìm tài liệu có những từ chuẩn A,B,D như vậy  $R=12$ , điều đó có nghĩa là tài liệu này không đáp ứng được yêu cầu tin đã nêu.*

*b/ Mẫu tìm tài liệu gồm có các từ chuẩn B,E,F như vậy  $R=24$ . Tất nhiên trong trường hợp này tài liệu đáp ứng yêu cầu tin và được hệ thống đưa ra<sup>2</sup>*

### *Quá trình thứ V. Sao in*


Quá trình thứ 5: sao chụp nhân bản tài liệu đã được thực hiện do kết quả của việc tìm tin, hoặc do xử lí, phân tích, tổng hợp tin nhằm chuyển giao cho người sử dụng. Trong những trường hợp riêng biệt, quá trình này có thể không cần sao chụp lại tài liệu đã tìm được, mà truyền qua màn hình của máy tính.

### *Quá trình thứ VI. Phổ biến tin*

Là quá trình kết thúc của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, có quan hệ chuyển những tin theo yêu cầu đến người dùng tin. Phổ biến tin không chỉ chuyển tài liệu đến người dùng tin, mà còn giới thiệu tài liệu khoa học và công nghệ mới nhất, giới thiệu những ấn phẩm nói về những thành tựu khoa học kỹ thuật của các nước phát triển trên thế giới, thông qua hệ thống truyền thông đại chúng, hệ thống truyền dữ liệu...

Qua các quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, chúng ta nhận thấy rằng: tổ chức là cơ sở của quá trình thứ nhất; ngữ nghĩa là cơ sở của quá trình thứ 2 và thứ 4; tổ chức kỹ thuật là cơ sở của quá trình thứ 3 và thứ 5; tổ chức giới thiệu là quá trình thứ 6.

Nói tóm lại, sơ đồ quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ đã được khảo cứu trên đây là quy trình mẫu để cho bất kì hệ thống thông tin nào. Nhưng tùy theo tình hình thực tế, điều kiện mục đích và nhiệm vụ cụ thể của cơ quan



mà áp dụng cho thích hợp, không nhất thiết phải theo đúng 6 quá trình, chúng ta có thể xây dựng thành 4 quá trình: 1) Thu thập tin (nguồn tin), 2) Xử lý phân tích tổng hợp tin, 3) Lưu trữ (bảo quản) và tìm tin, 4) Sao in và phổ biến tin.

#### II.2.4.3 Đào tạo, bồi dưỡng người dùng tin

Người dùng tin giữ vai trò quan trọng trong các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ. Họ như là yếu tố tương tác hai chiều đối với các đơn vị thông tin, người dùng tin vừa là khách hàng của các dịch vụ thông tin, đồng thời họ là người sản sinh ra thông tin mới, tham gia vào các dòng thông tin. Người dùng tin là một yếu tố thiết yếu, năng động của hệ thống thông tin. Vì vậy cần đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cho người dùng tin biết sử dụng các sản phẩm thông tin và các dịch vụ thông tin.

Việc đào tạo bồi dưỡng người dùng tin nhằm giúp họ hiểu được cơ chế tổ chức của công tác thông tin tư liệu, biết sử dụng, khai thác các nguồn thông tin hiện có. Các cơ quan thông tin phải tạo mối quan hệ mật thiết với người dùng tin vì đó là đối tượng, là thước đo hiệu quả hoạt động của một đơn vị thông tin.

Đào tạo, bồi dưỡng người dùng tin bao gồm các vấn đề sau đây:

- Cung cấp những kiến thức về thông tin học nói chung
- Hướng dẫn một cách ngắn gọn các nguồn tin và cách khai thác, sử dụng chúng.
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức thông tin thư viện thư mục bằng các lớp ngắn hạn cho người dùng tin, để họ hiểu được dịch vụ thông tin và các phương tiện chuyển giao thông tin tư liệu hiện đại. Việc đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho người dùng tin cần đưa vào chương trình đào tạo chính quy của các trường đại học thông tin thư viện, các trường đại học sư phạm để phục vụ cho đối tượng nghiên cứu, giảng dạy và học tập

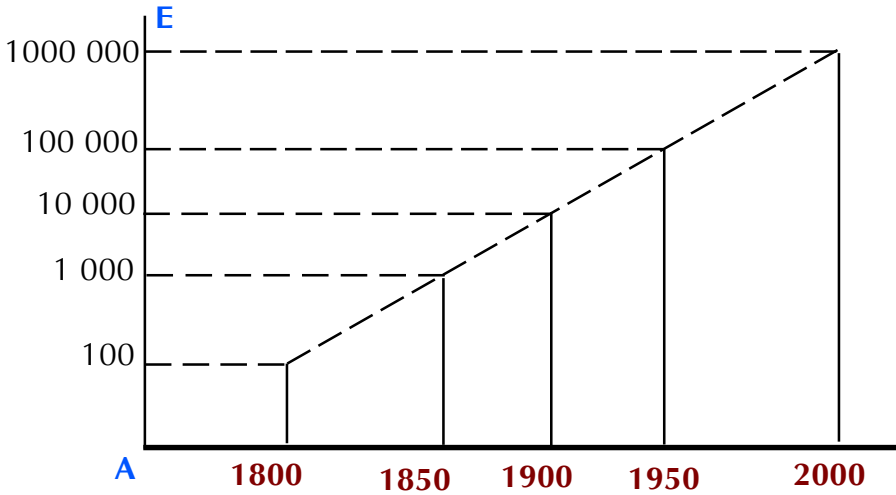
trong hệ thống giáo dục và đào tạo, trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, trong khoa học và công nghệ...

## II.2.5 Các mạng thông tin khoa học và công nghệ truyền dữ liệu.

### II.2.5.1 Sự bùng nổ thông tin

- Hiện tượng tăng nhanh số lượng các ấn phẩm khoa học và công nghệ được gọi là sự bùng nổ thông tin. Để chứng minh điều này, xin nêu mức độ tăng thông tin khoa học kỹ thuật và công nghệ xuất bản hiện nay trên thế giới gần 2000 trang in/phút. Sáng ngày khi ngủ dậy, nhà nghiên cứu không thể tưởng tượng được rằng hôm nay trên thế giới có thêm 2 tờ tạp chí mới. Chỉ riêng ngành hoá học hàng năm xuất bản tới hơn 500 nghìn ấn phẩm định kì. Số lượng in các tạp san địa chất - địa lí của Mỹ cứ 7 năm tăng gấp đôi, tạp san Toán lí là 10 năm,... ở Nga (Liên xô cũ) từ năm 1950-1980 số lượng xuất bản các sách khoa học kỹ thuật tăng hơn 4 lần, các tạp chí khoa học kỹ thuật tăng gấp 8 lần. Như vậy phải.... quá trình tăng nhanh ấn phẩm sẽ không ảnh hưởng tới hiệu suất khoa học của nhà nghiên cứu. Nếu như năm 1960 khối lượng thông tin được coi là đơn vị thì đến năm 1975 nó sẽ tăng lên 3,5 lần, năm 1985 tăng lên gấp 8 lần và đến năm 2000 sẽ tăng lên gấp 23 lần.

Giáo sư D. Price Chủ nhiệm khoa Lịch sử trường đại học Ien (Mỹ) đã phân tích hiện tượng tăng số lượng các ấn phẩm tạp chí tóm tắt khoa học kỹ thuật trong 200 năm gần đây và đã xây dựng một đồ thị trong tọa độ bán logarit và đã phát hiện ra quy luật bùng nổ thông tin phát triển theo hàm số mũ. Các số liệu của giáo sư D. Price đã thu thập được trên cơ sở phân tích thống kê các tài liệu quá khứ nghĩa là tài liệu đáng tin cậy, còn sự kiện vẫn như thế cho đến ngày nay, dự báo đến năm 2000 trên thế giới người ta xuất bản tới 1 triệu loại tạp chí khoa học (Xem đồ thị của D.Price).



Đồ thị của D.Price về tăng số lượng ấn phẩm

A-B= đường biểu diễn năm xuất bản

A⊥E= đường biểu diễn tăng số lượng ấn phẩm

Căn cứ vào cơ sở khoa học phân tích thống kê Giáo sư D.Price đã kết luận cứ 10 năm số lượng ấn phẩm tăng gấp đôi.

Nhà khoa học luận G.M.Đôbrôp đã viết: “Hệ số chung của việc sử dụng một cách có kết quả kho tàng thông tin do nhân loại tích lũy được, có khuynh hướng giảm đi rất rõ rệt” Do đó, không phải tất cả thông tin đã tích lũy được đều có giá trị và cần thiết như nhau, các nguồn dự trữ lớn về tri thức, vật chất, kỹ thuật được sử dụng một cách lãng phí. Con người đã biết chinh phục thiên nhiên, lại không tìm ra biện pháp cần thiết khắc phục bùng nổ thông tin hay sao?

Những biện pháp và phương hướng khắc phục dòng thông tin tư liệu gia tăng không ngừng do sự bùng nổ thông tin gây ra theo 3 hướng sau đây:

- Mở rộng số lượng và quy mô các kho thông tin tư liệu
- Đa dạng hoá và chuyên môn hoá (CSDL và ngân hàng dữ liệu)
- Sử dụng kỹ thuật và công nghệ thông tin mới (đổi mới kỹ thuật: Tin học, viễn thông và vi xử lý)

Hiệu quả của việc sử dụng máy tính điện tử trong thông tin khoa học và công nghệ thật to lớn: Tập trung thông tin trong bộ nhớ lớn, những CSDL và NHDL, tăng nhanh tốc độ xử lý thông tin đã mở ra hướng mới đầy triển vọng khắc phục cơ bản sự bùng nổ thông tin.

### II.2.5.2 Xây dựng hệ thống thông tin thư viện tự động hoá

#### a) Những khái niệm về cơ sở dữ liệu (CSDL)

- Dữ liệu (data, donnees, gannuie) là thông tin được biểu diễn dưới dạng hình thức hoá cho phép bảo quản, xử lý và truyền được trong hệ thống thông tin, trong mạng tính toán và mạng truyền dữ liệu. Dữ liệu trong trường hợp này không phải là mọi thông tin dưới bất kì dạng nào, mà chỉ là những thông tin có thể xử lý được (theo nghĩa bảo quản, bổ sung, tạo lập các mảng, tìm kiếm, chọn lọc, sắp xếp...) trên máy tính điện tử và truyền được trong các mạng truyền thông (qua kênh điện thoại, điện báo, vệ tinh...) Vì vậy thông tin đó phải được biểu diễn dưới dạng hình thức hoá theo yêu cầu cụ thể của các phương tiện tin học và truyền tin đi xa.

Dữ liệu ở đây không chỉ thông tin về một vấn đề nào đó, mà là những tin đã được ghi trên các vật mang tin đọc bằng máy (băng từ, đĩa từ...)

- Cơ sở dữ liệu (data base, base de donnees, Baza gannuie). Cơ sở dữ liệu là tập hợp tên gọi cấu trúc các dữ liệu có liên quan với nhau được dùng trong một hoặc một số lĩnh vực nào đó. Cơ sở dữ liệu chia thành 3 loại chính

1/ Cơ sở dữ liệu thư mục (*Bibliography data base, bibliographique base de donnees, Bibliographicheskaja Baza gannuk*) bao gồm các CSDL tư liệu cụ thể: CSDL chỉ có mô tả thư mục; CSDL gồm mô tả thư mục và các từ khoá hoặc các từ chuẩn; CSDL gồm mô tả thư mục và từ khoá và văn bản bài tóm tắt; CSDL gồm mô tả thư mục và toàn văn tài liệu.

2/ Cơ sở dữ liệu dữ kiện (*Factography data base, Factographique basse de donnees*). Cơ sở dữ liệu dữ kiện là những cơ sở dữ liệu chứa các dữ kiện cụ thể (Các tin tức về các tham số, các tính chất, các số liệu thống kê cụ thể, dân

số, đồ thị, đồ hình, bản đồ...) Ví dụ các CSDL “Mezinarodre porovnatelne ukazatele” của Trung tâm Thông tin-khoa học kỹ thuật và kinh tế của Tiệp khắc (Cũ). Đây là cơ sở dữ kiện bao gồm các thông số về các lĩnh vực: Sản phẩm xã hội, đầu tư cơ bản, dân số, sức sản xuất, ngoại thương, tài chính, kim ngạch, các ngành công nghiệp, giá cả, mức sống...

3/ Cơ sở dữ liệu tư liệu dữ kiện (Documentation Factography data base, Documentation Factographique basse de donnees). Đây là dạng CSDL kết hợp của hai dạng CSDL nêu trên. Chúng không chỉ cung cấp những dữ kiện cụ thể, mà còn cho biết các tài liệu cung cấp dữ kiện đó. Tóm lại việc xây dựng CSDL dữ kiện hoặc CSDL tư liệu dữ kiện đang được đặc biệt quan tâm nhất là trong các lĩnh vực kinh tế kỹ thuật cụ thể. Các máy vi tính là công cụ hữu hiệu nhất cho phép xây dựng và khai thác các CSDL này.

- Ngân hàng dữ liệu (NHDL) (Date bank, Banque de donnees) là một dạng hệ thống thông tin dùng để: Tích lũy khối lượng lớn các dữ liệu tương đối đồng nhất, có liên quan với nhau; Đổi mới (cập nhật) các dữ liệu đó; Sử dụng tập thể cho nhiều mục đích khác nhau.

Thành phần của NHDL bao gồm:

1/ Một hoặc một tập hợp các CSDL khác nhau trong đó có thể gồm các CSDL tự xây dựng lấy, hoặc các CSDL có được do sự trao đổi, bổ sung từ ngoài vào (nhập nội từ nước ngoài hay do các cơ quan thông tin khác cung cấp).

2/ Tổ hợp các phương tiện xây dựng, bảo trì và khai thác các CSDL. Tổ hợp này bao gồm: a) Máy tính điện tử và các thiết bị ngoại vi, các thiết bị sao chụp nhanh, các thiết bị truyền và nhận dữ liệu từ xa; b) Hệ quản lí các CSDL; c) Ngôn ngữ tìm tin, các thủ tục, phương pháp; d) Người quản trị NHDL và các nhân viên vận hành, khai thác NHDL.

CSDL và NHDL có quan hệ mật thiết với nhau như bộ phận và toàn bộ. CSDL không những là bộ phận cấu thành của NHDL mà còn là sản phẩm đầu ra của NHDL, với tư cách là sản phẩm của NHDL, các CSDL được đưa vào mạng thông tin để sử dụng chung theo chế độ On-line hoặc trao đổi giữa các cơ quan thông tin với nhau cung cấp cho người dùng tin dưới dạng băng từ, đĩa từ, trên cơ sở sao toàn bộ, hoặc chọn lọc những dữ liệu cần thiết.



### *b) Định nghĩa hệ thống thông tin thư viện tự động hoá*

là tổ hợp các phương pháp tổ chức và phương pháp toán học xử lý thông tin bằng máy và các phương tiện kỹ thuật tính toán, liên lạc, in và sao chụp nhanh cho phép tự động hoá các chức năng của cơ quan thông tin các cấp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả đảm bảo thông tin cho các cơ quan, xí nghiệp, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, các chuyên gia và những người trực tiếp sản xuất những thông tin mới nhất về thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ và sản xuất. Hệ thống thông tin tự động hoá có thể được xem như một tổ hợp có tổ chức các nguồn tin khoa học và công nghệ, con người và các phương tiện kỹ thuật dùng để giải quyết các nhiệm vụ thu thập, xử lý bảo quản, tìm và cung cấp thông tin theo diện đề tài phù hợp với nhu cầu tin của các ngành của nền kinh tế quốc dân.


### *c) Yêu cầu chung xây dựng hệ thống thông tin thư viện tự động hoá.*

Khi thiết kế và phát triển xây dựng hệ thống thông tin thư viện tự động hoá cần tính đến các xu hướng phát triển của hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia; sự phân công chức năng giữa các cơ quan thông tin các cấp; việc mở rộng trao đổi thông tin trên các vật mang tin đọc bằng máy và theo các kênh liên lạc; khả năng trang bị máy vi tính, việc sử dụng các trung tâm tính toán và các hệ thống tìm tin từ xa...

### *d) Thành phần cấu trúc hệ thống thông tin tự động hoá.*

Cấu trúc hệ thống thông tin - thư viện tự động hoá gồm các phần đảm bảo và tập hợp các phân hệ chức năng theo các đặc trưng tổ chức:

- Đảm bảo thông tin công nghệ cho hệ thống là dạng đảm bảo quan trọng và phức tạp. Khi thiết kế cần giải quyết các nhiệm vụ: Xác định thành phần dữ liệu; hình thức hoá việc thể hiện thông tin; nhập tin vào và đưa tin ra; chọn và lập luận chứng các vật mang tin đọc bằng máy, xác định cấu trúc nhà băng dữ liệu... Như vậy trong khuôn khổ đảm bảo thông tin - công nghệ cần xác định dạng và diện bao quát đề tài và



yêu cầu tin, xác định Format tiền máy; xác định cấu trúc và khối lượng các mảng tin, nhập tin vào các mảng và bảo trì chúng.

- Đảm bảo ngôn ngữ cho hệ thống thông tin thư viện tự động hoá. Đảm bảo ngôn ngữ là một tổ hợp logic - ngữ nghĩa, bao gồm ngôn ngữ tìm tin và các chỉ tiêu cung cấp tin. Ngôn ngữ tìm tin là ngôn ngữ nhân tạo dùng phản ánh nội dung, ý nghĩa của tài liệu và yêu cầu trong mẫu tìm nhằm so sánh một cách hình thức khi tìm tin. Chỉ tiêu cung cấp tin là thuật toán xác định mức độ tương ứng hoặc phù hợp giữa mẫu tìm tài liệu và lệnh tìm của yêu cầu. Ngôn ngữ tìm tin bao gồm: ngôn ngữ phân loại (Khung đề mục quốc gia, phân loại UDC, phân loại BBK, phân loại sáng chế phát minh...), ngôn ngữ từ chuẩn (từ điển từ chuẩn, từ khoá...).

- Đảm bảo chương trình cho hệ thống thông tin tự động hoá. Để tiến hành xử lý thông tin trên máy tính điện tử. Đảm bảo chương trình gồm hệ điều hành và cụm chương trình ứng dụng. Cụm các chương trình ứng dụng trong hệ thống thông tin và thư viện giải quyết các nhiệm vụ: nhập tin vào máy tính và kiểm tra logic - hình thức thông tin, tổ chức và đổi mới các mảng tin, tìm tin, biên soạn và xuất bản ấn phẩm thông tin, xử lý thống kê thông tin...

- Đảm bảo kĩ thuật cho hệ thống thông tin tự động hoá.- dựa trên tổ hợp các phương tiện kĩ thuật thực hiện các chức năng:

- + Thu thập, xử lý và bảo quản tài liệu;
- + Tìm tin và truyền tin đi xa
- + Sao và nhân tài liệu...

- Đảm bảo pháp lí cho hệ thống thông tin thư viện tự động hoá.

- + Các tài liệu là cơ sở để xây dựng hệ thống
- + Tiết chế các vấn đề nảy sinh trong quá trình thiết kế và áp dụng hệ thống.
- + Tiết chế mối quan hệ giữa người cung cấp tin, người dùng tin và hệ thống.

+ Tiết chế mối quan hệ lẫn nhau giữa các phân hệ của hệ thống.

- Đảm bảo cán bộ cho hệ thống thông tin thư viện tự động hoá.- Cần đào tạo, bồi dưỡng các chuyên gia quản trị CSDL, xử lý phân tích tin, bảo quản và khai thác hệ thống thông tin khoa học và công nghệ.

*e) Các phân hệ của hệ thống thông tin tự động hoá.*

- Phân hệ bổ sung kho tin bảo đảm hình thành các mảng tin đưa vào hệ thống (tư liệu, tư liệu-dữ kiện, dữ kiện) phù hợp với diện bao quát của đề tài và nhu cầu tin của các đối tượng phục vụ.

- Phân hệ nhập tin, tiến hành xử lý tiền máy các tài liệu, đưa tin lên các vật mang tin đọc bằng máy và nhập tin vào máy tính điện tử.

- Phân hệ bảo quản tin, đảm bảo tổ chức hợp lý việc tích lũy, bảo quản và bảo trì các CSDL, xây dựng NHDL nhằm tiến hành có hiệu quả việc tìm tin tự động hoá.

- Phân hệ phục vụ thông tin theo các chế độ phân phối tin có chọn lọc, tìm tin hồi cố, tìm tin theo chế độ On-line.

- Phân hệ biên soạn và xuất bản ấn phẩm thông tin trên cơ sở tin có trong hệ thống.

- Phân hệ nhân các mảng tin, đảm bảo tạo lập và chuyển giao cho người sử dụng trên băng từ, đĩa từ các mảng tin cần thiết bằng cách sao toàn bộ, hoặc chọn lọc theo yêu cầu người sử dụng.

- Phân hệ sao chụp và cung cấp tài liệu gốc.

- Phân hệ quản lý hệ thống thông tin thư viện tự động hoá, đảm bảo kế hoạch và quản lý vận hành hệ thống, phân tích và đánh giá việc thực hiện quy trình công nghệ, xử lý tin trong hệ thống, điều hoà sự tương tác với các hệ thống khác, kiểm kê và kiểm tra thực hiện các kế hoạch và các nguồn chi phí, thống kê các hoạt động của hệ thống.

Trên đây là những phân hệ chức năng điển hình đặc trưng cho một hệ thống thông tin thư viện tự động hoá, tùy theo điều kiện cụ thể của từng cơ quan thông tin mà ứng dụng các phân hệ chức năng cho thích hợp với đơn vị mình.

### II.2.5.3 Vai nét về hệ thống thông tin thư viện tự động hoá của các nước tư bản.

Vào những năm 60 của thế kỉ XX thông tin thư viện tự động hoá phát triển và phổ biến ở các nước Mỹ, Anh, Pháp... Thông tin bậc 2 sản xuất trên các vật mang tin dùng cho máy đọc, tư liệu thông tin được chuẩn bị trong hệ thống tự động hoá thống nhất của các trung tâm thông tin thư viện lớn. Vào cuối năm 1985, theo thống kê trên thế giới có trên 1200 cơ sở thư mục tóm tắt và cơ sở dữ kiện, có mối quan hệ với một ngành, một đề tài, một đối tượng thông tin.

Thư viện Quốc hội Mỹ là hệ thống thông tin thư mục tự động hoá lớn nhất ở Mỹ, hoàn thiện chức năng biên mục tập chung tất cả sản phẩm in quốc gia - MARC (Machine Readable Catalog) đã được nghiên cứu thử nghiệm và sử dụng. Hoàn thiện hình thức giao lưu máy đọc mục lục nhằm mục đích trao đổi tin, ghi chép trên vật mang tin băng từ, sản xuất mục lục in chủ đề chữ cái, phiếu mục lục theo tiêu chuẩn và các dạng sách dẫn thư mục. Chuyển kết quả tìm tư liệu được thực hiện trên băng từ, microfilm, micro phiếu, những màn hình của video terminal. Tất cả NHDL gắn liền với việc truyền tin, thông qua máy tính điện tử.

Thư viện y học dân tộc Mỹ - là Trung tâm Thông tin-Thư viện tự động hoá ngành, có chức năng phân tích và tìm tin y học mang tên MEDLINET (Medical library network). Cơ sở thông tin của hệ thống mô tả phân tích các bài trích tạp chí y học quan trọng của tất cả các nước trên thế giới bao gồm 20 nghìn tên loại tạp chí y học. Hệ thống có NHDL tin dữ kiện và đã xuất bản tạp chí tóm tắt, ấn phẩm tra cứu trên băng từ, đĩa từ... phục vụ cho người dùng tin.

Hệ thống thông tin thư viện tự động hoá trường cao đẳng của bang Ôhaiô gọi tắt là OCLC (Ohio College Library Centre). NHDL trung tâm của hệ thống có hơn 9 triệu mô tả thư mục về luận án và ấn phẩm từng thư bằng 150 thứ tiếng của các nước trên thế giới. Hằng năm bổ sung cho hệ thống gần 1 triệu ghi chép mới, trong đó có một nửa là băng từ nhập của thư viện quốc hội Mỹ, số còn lại nhập từ các thành viên tham gia vào hệ thống.

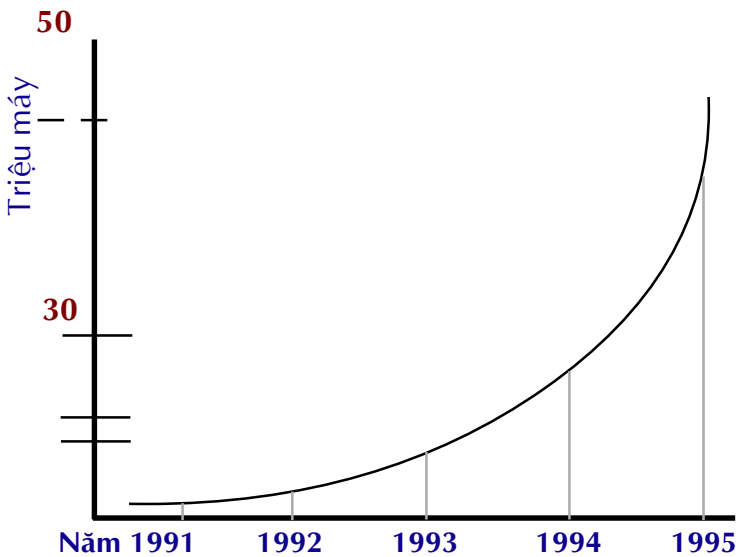
Ở Anh phục vụ thông tin do thư viện quốc gia Anh Britan tiến hành. Hệ thống thông tin tự động hoá gọi tắt là BLAISE (Britan Library Automate Information System) phục vụ theo chế độ đối thoại (người/ máy). Sự liên hệ của người sử dụng tin với cơ sở NHDL trung tâm qua các kênh điện thoại truyền thông của bưu điện.

Ở Pháp, hệ thống thông tin tự động hoá PASCAL - đây là CSDL đa ngành, đa ngôn ngữ của Pháp do Viện thông tin khoa học và kỹ thuật quốc gia Pháp xây dựng (INIST). Hệ thống tự động hoá thông tin Pascal gồm có 4 lĩnh vực lớn của khoa học và công nghệ: khoa học về sự sống, kể cả tâm lí học; khoa học chính xác, khoa học kỹ thuật, khoa học ứng dụng; khoa học về trái đất; khoa học về vũ trụ. Đây là một trong những CSDL lớn nhất thế giới. Pascal truy nhập tin trên CD-ROM từ năm 1987 với mức độ tăng khối lượng dữ liệu hàng năm là gần nửa triệu phiếu nhập tin. Chương trình tìm tin của Pascal theo 3 ngôn ngữ: Anh, Pháp, Tây Ban nha, đồng thời tìm tin theo 3 yếu tố: Nhan đề, từ khoá và tóm tắt

#### **II.2.5.4 Vài nét về mạng tin học và truyền dữ liệu quốc tế.**

Internet - mạng thông tin quốc tế được hình thành từ những năm cuối của thập kỉ 60 ở Mỹ, cái mới là từ những năm đầu của thập kỉ 90, Internet đã trải rộng khắp toàn cầu nhờ hệ thống viễn thông quốc tế. Nó làm rung chuyển thế giới ở tính thực tiễn của nó. Đây là xa lộ thông tin mà các máy tính khắp thế giới có thể liên lạc được với nhau. Các nhà nghiên cứu ngồi ở nhà mà vẫn đọc được những tư liệu chuyên

ngành của khắp các nước trên hành tinh. Internet là phương tiện giao lưu thông tin, là kho tài nguyên tri thức của nhân loại được lưu giữ trong nhiều CSDL to lớn nối mạng vào Internet cho mọi người cùng sử dụng. Những tiến bộ vượt bậc của công nghệ viễn thông (telecom) với sự trợ giúp đắc lực của phương tiện truyền tải thông tin (Cáp quang, vệ tinh...) và các phát triển mới trong mạng điện rộng WAN (Wide Area Network) và mạng động hay mạng không dây (Movi Network) làm cho Internet ngày càng phát triển và phổ cập với mọi quốc gia. Trong những năm gần đây số lượng máy tính nối mạng vào Internet rất lớn (Xem biểu đồ sau đây)



Internet là mạng máy tính toàn cầu đóng vai trò xa lộ thông tin chuyển tải các thông tin số hoá (digital) giữa máy tính và máy tính. Dự báo năm tới, toàn thế giới sẽ có khoảng 100 triệu máy tính nối mạng với Internet. Đây là phương tiện giao lưu văn hoá, khoa học, công nghệ, giới thiệu thông tin hợp tác đầu tư cho việc quảng cáo, giới thiệu mặt hàng, là cơ

hội nhận gia công phần mềm và lĩnh hội các ý tưởng, quan điểm mới, những thành tựu, những phát minh mới.

### II.2.5.5 Vài nét về mạng tin học và truyền dữ liệu ở Việt nam.

#### *a) Sự phát triển mạng truyền dữ liệu của Việt nam.*


- Việc truyền dữ liệu diện rộng dưới dạng telex của Việt nam đã được tiến hành từ năm 1989 với tổng đài telex - alpha với tốc độ 50 baud. Mạng truyền dẫn đường trục Bắc - Nam được xây dựng: Tuyến Viba băng rộng 140MB/s, tuyến cáp quang 34MB/s với kỹ thuật truyền dẫn đồng bộ SDH (Synchronous Digital Hierarchy), mạng truyền dẫn liên tỉnh cũng được trang bị hiện đại toàn bộ bằng các tuyến Viba 2 đến 34 MB/s. Một số tuyến quan trọng đạt tốc độ 140MB/s. Hệ thống viễn thông quốc tế được chú ý phát triển. Hiện nay cả nước có 3 tổng đài cửa ngõ (Gateway) và 7 trạm mặt đất thuộc hai hệ thống Intersputnik Intelsat có khả năng cung cấp 4000 kênh liên lạc quốc tế. Từ cuối năm 1993 toàn bộ các tỉnh, thành phố cả nước đã được trang bị tổng đài điện tử kỹ thuật số. Mạng truyền số liệu chuyển mạch gói được xây dựng tại 3 thành phố Hà nội, Tp Hồ Chí Minh, Đà nẵng. Mạng truyền số liệu quốc gia đang được hình thành.

Tóm lại cơ sở hạ tầng truyền thông quốc gia có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu của hệ thống mạng thông tin khoa học và công nghệ.

#### *b) Vai trò của mạng máy tính trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.*

Mạng truyền thông máy tính là một mạng liên kết các đầu mối (điểm nút) với các nguồn và các mạng máy tính. Nó tạo điều kiện dễ dàng cho việc truyền thông tin qua các thiết bị liên kết chuyển đổi. Người dùng tin có thể truy nhập vào mạng thông qua các trạm đầu cuối (đặt ở các điểm nút) và các thông điệp chuyển trên mạng qua các nút chuyển.

Hai loại mạng chủ yếu được phân biệt trên cơ sở phạm vi địa lí nó bao quát: mạng cục bộ LAN (Local Area Net-



work) và mạng diện rộng khu vực WAN. Mạng LAN như Ethernet giúp việc truyền dữ liệu giữa các máy đặt trong khu vực cục bộ. Khoảng cách giữa các máy có thể từ vài mét tới vài kilomet. Mạng WAN có chức năng tương tự nhưng được thực hiện trên khoảng cách lớn hơn. Cự li có thể từ vài trăm kilomet tới vài nghìn hoặc vài chục nghìn kilomet.

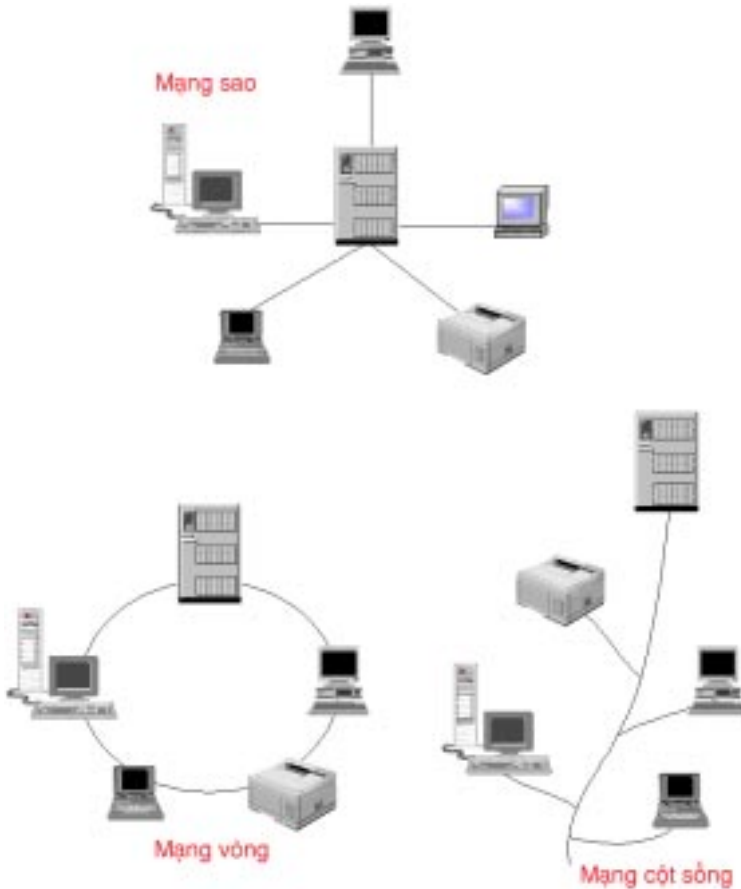
Thư điện tử (E-mail) sẽ giúp việc liên lạc giữa người dùng tin với cơ quan thông tin, giữa người dùng tin với nhau, cũng như giữa các cán bộ thông tin. Cán bộ thông tin dễ dàng sử dụng thư điện tử để chuyển các thông báo, các bản tin điện tử đến khách hàng của mình và tới các cơ quan thông tin khác trong mạng lưới thông tin.

Hiện nay, nhiều cơ quan thông tin và thư viện được trang bị máy tính tương thích IBM.PC với cấu hình như sau: Bộ xử lí 386 hoặc 486, ổ cứng 120MB; bộ nhớ 4MB RAM; mônitor VGA; máy in Epson LQ; có modem đi kèm máy tính, máy điện thoại... Các cơ quan thông tin và thư viện đều sử dụng phần mềm CDS/ISIS 3.1 do Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hướng dẫn theo chương trình của UNESCO phổ biến miễn phí. Thao tác trên cơ sở hệ thống MS-DOS, áp dụng trong việc nhập hồ sơ của phiếu mục lục và xây dựng CSDL.

### *C) Cấu trúc hệ thống mạng (hình thể mạng)*


Nhiều năm qua một số hình thể mạng được xây dựng gồm: 1/ Mạng sao (star), mỗi trạm được nối tới máy chủ của mạng trung tâm theo kiểu nối điểm độc lập. Mạng cục bộ LAN của cơ quan thông tin thư viện có thể áp dụng mạng sao (*xem hình 1*). 2/ Mạng vòng (ring), các trạm được nối trong một vòng tròn, các dữ liệu được chuyển giao theo vòng tròn tới máy chủ (*xem hình 2*). 3/ Mạng cột sống (backbone) hoặc (bus), mỗi trạm được nối tới một cáp chính riêng (cột sống) của nó (*xem hình 3*). Kiểu hình thể này, sự kiểm soát của máy chủ với các thông tin được mở rộng từ các bus được xử lí ngay. Do đó mạng diện rộng WAN cần phải thiết kế theo kiểu mạng cột sống.





Việc kiểm soát truy nhập mạng có hai phương pháp: Tập trung và phân tán. Hầu hết mạng LAN sử dụng phương pháp truy nhập phân tán, mỗi trạm tham gia vào việc kiểm soát mạng lưới ngang nhau. Phương pháp truy nhập được áp dụng cho mạng WAN, các trạm đầu cuối sẽ được chia quyền trong sự liên lạc của hoạt động chuyển giao. Vì vậy sẽ có một trung tâm thông tin quản lý chung và các thành viên của mạng có thể tìm kiếm, chuyển đổi và sao chép hồ sơ thư mục để sử dụng tại kho tin của họ.

Cấu trúc hệ thống phải được tổ chức theo kiểu hệ thống mở, có khả năng kết nối với các hệ thống khác trong và ngoài



ngành. Giao diện cần hoàn thiện không chỉ trong quan hệ người/máy mà còn trong quan hệ giữa ngành thông tin với thư viện và lưu trữ.

*d) Vài nét về các mạng tin học ở Việt Nam.*

Trong thời gian qua, do nhu cầu quản lí, nghiên cứu, đào tạo và kinh doanh nhiều mạng thông tin khoa học ở Việt nam đã được hình thành và đi vào hoạt động, chúng tôi xin giới thiệu một số mạng chủ yếu:

- Mạng phục vụ khoa học. Nghiên cứu và giáo dục (VARNET-Vietnam Academic Research Network) do viện công nghệ thông tin thuộc Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia thiết lập với sự giúp đỡ của trường ĐHTH Quốc gia Australia. Mạng bắt đầu hoạt động từ năm 1993 và chủ yếu là cung cấp dịch vụ thư điện tử thông qua nút của mạng Internet tại ANU (Australia National University). Việc truyền thông tin giữa các máy tính với các máy chủ theo kiểu quay số điện thoại.

- Mạng TNET: là mạng liên kết một số mạng diện rộng WAN có dùng chung một thủ tục giao diện và truyền thông là Tnet, mạng do trung tâm phần mềm thuộc trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia thiết lập và bắt đầu hoạt động vào giữa năm 1993, dịch vụ được cung cấp trong mạng là thư điện tử. Mạng có kết nối với Internet thông qua một máy chủ đặt tại AIT Bangkok (Thailand).

- Mạng VINANET là mạng thông tin về thị trường giá cả do trung tâm thông tin thương mại - Bộ thương mại thiết lập vào đầu năm 1993. Thông tin trên mạng từ trung ương đến điểm nút được cập nhật 3 lần một ngày. Mạng có khả năng trả lời người sử dụng một số thông tin về luật thương mại và giá cả một số mặt hàng thiết yếu.

- Mạng IDNET do trung tâm thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ khoa học công nghệ và môi trường xây dựng, bắt đầu vận hành từ năm 1994. Đã có các CSDL về khoa học, công nghệ dưới dạng CD-ROM phục vụ cho việc truy cập thông tin từ các điểm nút. Mạng đã nối tới

các sở khoa học công nghệ và môi trường các địa phương và một số trường đại học như ĐHTHHN, đại học Sư phạm, đại học Thái Nguyên...

- Mạng VCNET là một mạng do bưu điện Nha Trang thiết lập cho một số người dùng tin ở miền Trung. Đây là một mạng diện rộng với dịch vụ cơ bản là thư điện tử.

- Ngân hàng dữ liệu ở thành phố HCM được thành lập đầu năm 1995. Đây là loại hình phục vụ thông tin mới, áp dụng những kỹ thuật tiên tiến của công nghệ thông tin : Cung cấp thông tin trên mạng máy tính, qua modem-FAX, ngân hàng dữ liệu đã tập hợp và tổ chức quản lý trên máy tính thông tin về 6000 doanh nghiệp trong nước và 10.000 doanh nghiệp nước ngoài (Mỹ, Nhật, Đức, Bỉ và các nước ASEAN). Ngân hàng dữ liệu đã nối mạng với Internet thông qua VARNET của Australia. Hệ thống tư liệu cập nhật gồm: Các bộ CD-ROM, các Catalog: hội chợ triển lãm, kỷ yếu, niên giám, các báo cáo hội nghị chuyên đề, nhãn hiệu hàng hoá, sách báo, tạp chí khoa học kỹ thuật, kinh tế, công nghệ, thương mại, pháp lý, kinh doanh...

Ngân hàng dữ liệu đã tổ chức phục vụ cho các vấn đề chủ yếu sau đây: Thông tin kinh tế thị trường trong nước và quốc tế; thông tin pháp lý: Cung cấp các văn bản pháp lý Nhà nước, Bộ và UBND các tỉnh mới ban hành, có liên quan đến sản xuất, kinh doanh, những văn bản về luật lao động, tổ tụng dân sự, đầu tư...; Thông tin giới thiệu đối tác: Ai muốn đầu tư vào Việt nam, mua bán với Việt nam, tìm đại lý tiêu thụ, tìm đối tác liên doanh, văn phòng và cơ quan đại diện...

Tóm lại, trong cơ chế thị trường, trong thời kì đổi mới phát triển kinh tế xã hội, thực hiện công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước một số mạng tin học ở Việt nam đã được thiết lập và có nhu cầu mở rộng. Các mạng tin học cần tổ chức tốt việc hợp tác và phối hợp giữa các mạng với nhau để nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của mình. Nhà nước cần ban hành những thiết chế, chính sách phát triển và quản lý thống nhất các mạng tin học và mạng truyền dữ liệu ở nước ta.



*Trong chương này đã trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ sở thông tin học và thư viện học, những hoạt động thực tiễn của thư viện và cơ quan thông tin nhằm cung cấp những hiểu biết cơ bản và phương pháp sử dụng và khái thác nguồn tin tư liệu có hiệu quả trong học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên trong quá trình đào tạo và tự học gắn liền với thư viện.*

## CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG II

1. Phân tích thư viện học là bộ môn khoa học: Khái niệm, đối tượng, lịch sử hình thành và phát triển, mối quan hệ của thư viện học với các bộ môn khoa học khác.

2. Trình bày các hệ thống thư viện: Thư viện phổ thông, thư viện khoa học; đồng thời phân tích phục vụ độc giả trong thư viện và ngoài thư viện?

3. Trình bày thông tin học là bộ môn khoa học? Đồng thời phân tích hoạt động thư viện và thư mục là các ngành khoa học thực nghiệm của thông tin học?

4. Phân tích thông tin học và thực tiễn xã hội? Đồng thời trình bày thông tin khoa học kỹ thuật là nguồn lực của mỗi quốc gia; thông tin phục vụ cán bộ lãnh đạo và quản lí, vai trò của thông tin trong giáo dục và đào tạo.

5. Phân tích quá trình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ? Đồng thời trình bày các mạng thông tin và truyền dữ liệu, sự bùng nổ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin thư viện tự động hoá. Các mạng tin học quốc tế và Việt nam.



# Chương III Mục lục

Chương III: BỘ MÁY TRA CỨU.....	128
<b>III.1.</b> Bộ máy tra cứu truyền thống.....	128
<b>III.1.1</b> Kho tra cứu.....	128
<b>III.1.1.1</b> Bách khoa toàn thư, từ điển bách khoa.....	130
<b>III.1.1.2</b> Nguồn tài liệu tra cứu nhanh (Ready Reference Sources).....	131
<b>III.1.1.3</b> Từ điển (Dictionary).....	134
<b>III.1.1.4</b> Nguồn tiểu sử (Biographical Sources).....	135
<b>III.1.1.5</b> Nguồn tra cứu địa lí. (Geographical Sources).....	137
<b>III.1.1.6</b> Tài liệu chính phủ (Government Document).....	138
<b>III.1.1.7</b> Bảng chú dẫn (Index).....	139
<b>III.1.2</b> Thư mục (Bibliography).....	140
<b>III.1.2.1</b> Khái niệm.....	140
<b>III.1.2.2</b> Các loại thư mục.....	142
<b>III.1.2.2.1</b> Thư mục quốc gia (National Bibliography).....	142
<b>III.1.2.2.2</b> Thư mục thông báo.....	143
<b>III.1.2.2.3</b> Thư mục giới thiệu.....	144
<b>III.1.2.2.4</b> Thư mục phê bình.....	144
<b>III.1.2.2.5</b> Nhóm thư mục đặc biệt.....	145
<b>III.1.3</b> Hệ thống mục lục.....	146

<b>III.1.3.1</b> Mục lục chữ cái.....	147
<b>III.1.3.2</b> Mục lục phân loại .....	150
<b>III.1.3.3</b> Mục lục chủ đề.....	152
<b>III.2</b> BỘ MÁY TRA CỨU HIỆN ĐẠI.....	153
<b>III.2.1</b> Nguồn tra cứu điện tử.....	153
<b>III.2.2</b> Thư mục.....	157
<b>III.2.3</b> Mục lục đọc máy (Machine Readable Cataloging - MARC).....	158
<b>III.2.4</b> Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến (Online Computer Library Center - OCLC) .....	160
<b>III.2.5</b> Mục lục truy nhập công cộng trực tuyến (Online Public Access Cataloging- OPAC).....	161
<b>III.2.6</b> Hệ thống trợ giúp tìm tin trực tuyến (Online).....	161
<b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG III</b> .....	164

## CHƯƠNG III

### BỘ MÁY TRA CỨU

#### III.1. BỘ MÁY TRA CỨU TRUYỀN THỐNG

##### III.1.1 Kho tra cứu



Kho tra cứu giữ một vị trí rất quan trọng trong hệ thống kho sách thư viện và các cơ quan thông tin. Đây là một bộ sưu tập đặc biệt bao gồm nhiều loại hình tài liệu có nội dung phong phú, đa dạng đề cập đến mọi vấn đề khoa học, công nghệ, văn hoá, lịch sử, ngôn ngữ... nhằm giúp tra tìm, so sánh, đối chiếu... các thông tin về mọi lĩnh vực của tri thức và đời sống. Đối với bạn đọc, kho tra cứu giúp tìm hiểu, tham khảo từ những vấn đề chung nhất như những nền văn minh, các châu lục, các quốc gia... cho đến những nội dung cụ thể, chi tiết như tên tuổi một nhân vật, công thức của một hợp chất hoá học, ý nghĩa của một biểu tượng hay nghĩa của một từ...

Có thể chia ra nhiều loại tài liệu tra cứu tùy theo đặc điểm nội dung, ý nghĩa sử dụng và phương pháp biên soạn. Một cách khái quát nhất có thể chia ra các nguồn như sau:



\* Bách khoa toàn thư: Nguồn tra cứu độc lập được sử dụng nhiều nhất là bách khoa toàn thư. Đây là loại tài liệu chứa đựng những bài viết ngắn gọn và khá đầy đủ những thông tin cơ bản của các vấn đề về mọi lĩnh vực tri thức. Bách khoa toàn thư được sử dụng để trả lời những câu hỏi riêng về chủ đề hoặc nhân vật cụ thể. Các bộ bách khoa toàn thư có giá trị là *Encyclopedia Britannica*, *WorldBook Encyclopedia*.

\* Nguồn tra cứu sự việc, sự thật bao gồm niên giám, niên lịch, sách chỉ nam, giáo khoa và hướng dẫn. Các loại này tuy khác nhau về cấu trúc, nội dung và chất lượng nhưng cùng chung một điểm là dùng để tra cứu nhanh về các sự việc cụ thể, các diễn biến thực. Tiêu biểu là các bộ *World Almanac*, *Yearbook*.

\* Nguồn từ điển liên quan đến mọi khía cạnh cơ sở của từ ngữ, từ việc xác định nghĩa cho đến kiểm tra chính tả như: *Webster's Third New International Dictionary*, *Dictionary of American Slang*

\* Nguồn tiểu sử là những nguồn chứng thông tin về con người trên mọi lĩnh vực của đời sống như *Who's Who*, *Current Biography*.

\* Nguồn địa lí: Những loại có giá trị nhất là sách bản đồ trong đó giới thiệu không chỉ các thông tin cơ bản các nước mà còn những hình bản về quá trình phát triển lịch sử, phát triển xã hội và các trung tâm khoa học. Nguồn địa lí cũng bao gồm từ điển địa lí, từ điển tên địa danh, các sách hướng dẫn du lịch và các tài liệu địa lí khác như *The Time Atlas of the World*.

\* Nguồn tài liệu chính phủ là những xuất bản phẩm chính thức được các cơ quan chính quyền trung ương hoặc địa phương đặt hàng hoặc trực tiếp xuất bản. Bởi vì nó có thể bao gồm các tài liệu chỉ dẫn và tài liệu nguồn nên sự tách biệt nó thành một loại hình riêng chủ yếu để tổ chức và phục vụ thuận lợi hơn.

Dưới đây là nội dung chi tiết về từng nguồn tài liệu tra cứu

### III.1.1.1 Bách khoa toàn thư, từ điển bách khoa

(Encyclopedia): Là những công trình tra cứu lớn chứa đựng các mục về nhiều chủ đề rộng lớn hoặc những khía cạnh phong phú của những lĩnh vực riêng biệt, thường được sắp xếp theo vần chữ cái của một loại ngôn ngữ. Với chức năng là một loại sách công cụ tra cứu tổng hợp hoặc chuyên ngành được biên soạn một cách nghiêm túc, bách khoa toàn thư phản ánh trình độ phát triển văn hoá, khoa học của một quốc gia trong từng thời kì lịch sử.

Bách khoa toàn thư bắt nguồn từ một từ Hy Lạp là *enkoklios paideia* bao gồm *enkoklios* “chu kì, định kì, thông thường” và *paideia* “giáo dục” với ý nghĩa là giáo dục đại cương về nguồn gốc của nghệ thuật và khoa học giúp mở mang trí tuệ của con người. Năm 1531 nó chuyển thành từ Latinh là *Encyclopaedia* với nghĩa là bài giáo dục tổng quát. Năm 1644 được chuyển sang từ tiếng Anh là *Encyclopedia*. Sách mang tính bách khoa đã xuất hiện từ thời Hy Lạp cổ đại, một số bài giảng về vật lí học, siêu hình học, luân lí học của học giả Aristot (257-180 BC) được coi là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên trên thế giới. Ở Việt nam, bộ *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn (1726-1784) viết thế kỉ 18 và bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (1782-1840) hoàn thành năm 1820 là những bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt nam. Ở Phương Tây, bách khoa toàn thư phát triển theo ba thời kì: Thời kì cổ đại có 2 bộ *Khoa học giải nghĩa* gồm 9 tập nêu các nội dung về ngôn ngữ học, toán học, thiên văn học, âm nhạc, kiến trúc và y học và *Lịch sử tự nhiên* gồm 37 tập. Thời kì trung đại, bách khoa toàn thư được biên soạn nhằm phục vụ chủ yếu cho nhà thờ, tầng lớp quý tộc. Tuy nhiên ở giai đoạn cuối đặc biệt trong thời kì phục hưng bách khoa toàn thư đã phát huy được vai trò nâng cao trí thức, mở mang hiểu biết cho nhân dân. Phương pháp sắp xếp mục từ đã chuyển dần từ phân loại khoa học sang sắp xếp theo vần chữ cái. Đáng chú ý nhất là cuốn *Từ điển bách khoa* do J.J. Hoffman soạn năm 1677. Mở đầu cho thời kì hiện đại, nhà triết gia Pháp Denis Diderot (1713-1784) và D’Alembert (1717-

1783) soạn thảo bộ *Bách khoa toàn thư* hay *Từ điển giải thích về khoa học, nghệ thuật và ngành nghề* gồm 35 tập, xuất bản những năm 1751-1780. Tiếp đó các nước Đức, Mỹ, Anh, Liên xô, Trung quốc, Nhật... cũng biên soạn và xuất bản nhiều bộ bách khoa toàn thư. Nổi tiếng nhất là các bộ *Đại từ điển bách khoa Larousse* 10 tập của Pháp, bộ *Britanica* 24 tập của Anh, bộ *Americana* 30 tập của Mỹ, bộ *Đại bách khoa từ điển* gồm 14 tập của Trung quốc.


Trong quá trình phát triển xây dựng các loại hình tài liệu tra cứu, cùng với bách khoa toàn thư (Encyclopedie), xuất hiện thêm từ điển bách khoa (Dictionaire encyclopedies) nhằm nhấn mạnh đến ý nghĩa là loại sách tra cứu về một hoặc nhiều lĩnh vực kiến thức, được sắp xếp, trình bày theo kiểu từ điển.

Sự khác nhau giữa bách khoa toàn thư và từ điển bách khoa chủ yếu là ở độ nông sâu và độ dài ngắn về nội dung tri thức biên soạn cho mỗi mục từ phục vụ các đối tượng khác nhau. Các mục từ trong bách khoa toàn thư được biên soạn kỹ hơn, cung cấp tri thức sâu và chi tiết hơn, tính hệ thống giữa các mục từ và trong cơ cấu của cả bộ sách chặt chẽ, lô gích hơn. Từ điển bách khoa cung cấp tri thức ngắn gọn hơn cho từng vấn đề, từng mục từ và số mục từ cũng ít hơn so với bách khoa toàn thư. (Thông thường dung lượng của từ điển bách khoa chỉ một hoặc vài tập)

### III.1.1.2 Nguồn tài liệu tra cứu nhanh (Ready Reference Sources)

Bao gồm Sách lịch (Almanac), Niên giám (Yearbook), Sách chỉ nam (Handbook), Sách giáo khoa (Manual) và Sách chỉ dẫn, Danh bạ (Directory).

Câu hỏi cho tài liệu tra cứu nhanh là những câu hỏi về sự việc cụ thể. Đây là loại câu hỏi có thể trả lời nhanh chóng từ những nguồn tài liệu tra cứu đơn lẻ và súc tích. Nói chung câu hỏi nhanh chỉ cần không quá 1 hoặc 2 phút để tìm câu trả lời. Tuy nhiên nó có thể được phát triển trong một câu hỏi tổng hợp khi không có thể xác định ngay lập tức nguồn trả lời



và phải mất nhiều thời gian và nỗ lực để tìm lời giải. Hoặc câu hỏi sẽ trở thành một chủ đề tra tìm và nghiên cứu bởi vì người tìm nó cần nhiều dữ liệu hơn vấn đề trực tiếp hỏi (ngụ ý câu hỏi). Ví dụ bạn đọc cần địa chỉ một công ty có thể cần thực sự không riêng địa chỉ đó mà còn muốn có những thông tin chi tiết để có thể xin việc, hoặc lấy số liệu làm báo cáo, hoặc muốn tìm hiểu để điều tra...

Sách lịch là bản tóm tắt các dữ liệu tiện ích và số liệu thống kê liên quan tới các nước, các vùng, các cá nhân, các sự kiện, các chủ đề riêng. Hầu hết sách lịch chủ đề riêng được xuất bản hàng năm hoặc hai năm. Đôi khi nó còn được gọi là niên giám hay niên lịch. Thông thường sách lịch gồm những vấn đề chung trong tự nhiên còn niên giám và niên lịch đi sâu hơn về chuyên ngành. Nó thường được hạn chế trong một số lĩnh vực hoặc chủ đề. Hiện nay xuất hiện một số sách lịch chủ đề và niên giám bách khoa tập hợp nội dung đa dạng như loại sách lịch tổng hợp.

Niên giám, niên lịch là bản tóm tắt các dữ liệu và thống kê của năm đó, trong khi sách lịch bao gồm tài liệu của cả những năm trước. Điều khác nhau chủ yếu là sách lịch đưa vào cả những tài liệu hồi cố còn mục đích cơ bản của niên giám, niên lịch là ghi chép lại những hoạt động của các vùng, các chủ đề hoặc lĩnh vực riêng trong năm đó.

Sách chỉ nam (Handbook), Sách giáo khoa (Manual) và Sách chỉ dẫn, danh bạ (Directory)

Nhóm tiếp theo của nguồn tra cứu nhanh bao gồm sách chỉ nam, sách giáo khoa và sách chỉ dẫn, danh bạ.

Thực tế rất khó phân biệt giữa sách chỉ nam và sách giáo khoa thông thường vì vậy có thể dùng như từ đồng nghĩa. Mục đích chính của nguồn sách chỉ nam và sách giáo khoa là cung cấp những lĩnh vực kiến thức. Loại tài liệu này nhấn mạnh đến những kiến thức đã được khẳng định hơn là sự phát triển gần đây của những kiến thức đó mặc dù trong lĩnh vực khoa học, sách chỉ nam của một số năm trước hầu như rất ít sử dụng.

Đặc biệt sách chỉ nam khoa học bao hàm kiến thức cơ sở của lĩnh vực chủ đề. Phần lớn thông tin được cung cấp dưới dạng tốc kí, bảng biểu, sơ đồ, biểu tượng, phương trình, thuật ngữ chuyên ngành... chỉ những chuyên gia mới có thể hiểu. Một số tài liệu giáo khoa chuyên ngành cũng tương tự như vậy.

Sách chỉ nam và giáo khoa có một điểm chung là phạm vi hạn chế. Thực tế giá trị đặc biệt của nó là thông tin chuyên sâu trong lĩnh vực hẹp. Có rất nhiều sách chỉ nam và giáo khoa. Một số xuất hiện mỗi năm trong khi một số khác mất đi hoặc được thay tên.

Sách chỉ dẫn các viên chức, người sản xuất... có thể thấy trong hầu hết các thư viện, bổ sung cho những tài liệu tra cứu chuẩn. Nội dung sách chỉ dẫn rất phong phú, từ các sách hướng dẫn thành phố, các danh bạ điện thoại cho đến các chỉ dẫn mã vùng. Trong cuốn chú giải thuật ngữ thư viện *The A.L.A. Glossary of Library Terms* đã xác định sách chỉ dẫn là “danh mục của cá nhân hoặc tổ chức được sắp xếp một cách hệ thống thường theo thứ tự chữ cái hoặc phân loại, giới thiệu địa chỉ, mối quan hệ của các cá thể và các địa chỉ, quan chức, nhiệm vụ và những dữ liệu tương tự của các tổ chức”. Nhu cầu tin kiểu chỉ dẫn chiếm số lượng lớn trong các yêu cầu tin tại thư viện, nhất là các thư viện công cộng. Nó giải đáp các câu hỏi tìm các cá nhân, chuyên gia và các tổ chức thông qua các địa chỉ, số điện thoại, mã vùng, tên chính xác của cơ quan, tổ chức hay cá nhân.

Mục đích của sách chỉ dẫn là nhằm tìm ra:

- Địa chỉ hoặc số điện thoại của các cá nhân hoặc các hãng, công ty.
- Tên đầy đủ của cá nhân, hãng hoặc các tổ chức.
- Miêu tả các sản phẩm hoặc dịch vụ của các xí nghiệp, công ty.
- Tên của chủ tịch, giám đốc các hãng, công ty; hiệu trưởng nhà trường; những người có trách nhiệm hoặc quảng cáo bán hàng.

Với số lượng ít hơn và các nhu cầu hạn chế nhưng rất cập nhật - thông tin về tiểu sử cá nhân hoặc về chức vụ chủ tịch, giám đốc hãng; hãng đó có còn tiếp tục hoạt động hay không? Các dữ liệu lịch sử và hiện tại về các viện, các công ty hoặc các nhóm chính trị: (thành lập khi nào, bao nhiêu thành viên...); các địa chỉ giao dịch thương mại.. sách chỉ dẫn thường được các nhà nghiên cứu khoa học xã hội sử dụng để tách biệt một số nhóm quan tâm cho công tác nghiên cứu.

Sách chỉ dẫn là loại tài liệu tra cứu dễ sử dụng hơn các loại khác vì phạm vi trung bình, cách chỉ dẫn trong nhan đề và kiểu của thông tin được hạn chế và thường được giới thiệu theo một trật tự chung, cách thể hiện rõ ràng. Có nhiều cách để phân loại sách chỉ dẫn song nói chung có thể chia ra các loại sau:

- *Chỉ dẫn về địa phương*
- *Chỉ dẫn về chính phủ*
- *Chỉ dẫn về các công trình phúc lợi công cộng:  
Bệnh viện, trường học, bảo tàng, thư viện...*
- *Chỉ dẫn nghề nghiệp*
- *Chỉ dẫn về buôn bán thương mại*
- *Dịch vụ đầu tư*

### III.1.1.3 Từ điển (Dictionary).

Theo *The American Heritage Dictionary of the English Language* từ điển là một loại sách tra cứu chứa đựng danh mục của các từ xếp theo vần chữ cái, giới thiệu các thông tin về mỗi từ gồm ý nghĩa của từ, cách phát âm và nguồn gốc của từ. Hoặc là một cuốn danh mục từ của một ngôn ngữ này đối chiếu/chuyển sang một ngôn ngữ khác. Từ điển cũng có thể là một cuốn danh mục từ hoặc những thuật ngữ chuyên ngành của một lĩnh vực hoặc chủ đề khoa học riêng, giải thích chi tiết, cặn kẽ về nghĩa của từ được sử dụng trong chuyên ngành đó.

Có thể rút ra định nghĩa về từ điển như sau: từ điển là một loại sách tra cứu tập hợp các đơn vị ngôn ngữ sắp xếp theo một trật tự nhất định nhằm cung cấp những thông tin cần thiết như cách phát âm, từ nguyên, từ loại, nghĩa, hình thức dịch đối chiếu... Hai loại từ điển chính là từ điển giải thích (giải thích các nghĩa của từ) và từ điển song ngữ (đối chiếu ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác).

Có một định nghĩa vui song phản ánh rất chính xác ý nghĩa tra cứu của từ điển: đó là một loại sách hầu như mọi người đều đọc song không bao giờ đọc hết cuốn.

Quan niệm chung cho rằng chỉ có một loại từ điển, song sự thực với nội dung bao hàm nhiều lĩnh vực, từ điển có thể được phân chia thành 7 loại sau:

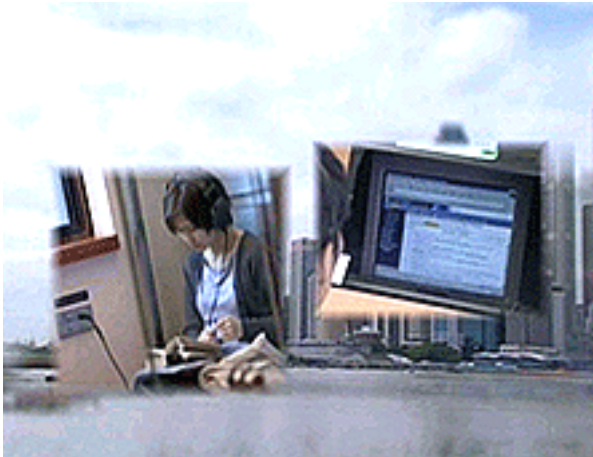
- *Từ điển ngôn ngữ đối chiếu*
- *Từ điển bỏ túi không nhiều hơn 30.000-55.000 từ, loại này được dùng nhiều vì rẻ tiền và tiện mang theo người.*
- *Từ điển lịch sử ngôn ngữ trình bày lịch sử của từ, từ khi bắt đầu sử dụng tới nay*
- *Từ điển từ nguyên gần giống như từ điển đầu đề nhưng có khuynh hướng nhấn mạnh hơn đến việc phân tích sự cấu thành và nguồn gốc chung với ngôn ngữ khác.*
- *Từ điển đầu đề tiếng nước ngoài là loại từ điển song ngữ giải thích nghĩa của từ với một ngôn ngữ khác.*
- *Từ điển chuyên đề tập chung giải thích các từ theo các ngành, lĩnh vực về khoa học và kỹ thuật.*
- *Các từ điển “khác” bao gồm hầu hết các loại từ điển viết tắt, từ điển tiếng lóng đến các loại từ điển sử dụng riêng.*

#### III.1.1.4 Nguồn tiểu sử (Biographical Sources)

Nguồn tiểu sử là nguồn tài liệu cung cấp những nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của các cá nhân. Thông thường tiểu sử giới thiệu các nhân vật lịch sử, các danh nhân, nhà

hoạt động chính trị, văn hoá, nhà khoa học, văn nghệ sĩ... Tuy nhiên cũng có những cuốn tiểu sử giới thiệu những người lãnh đạo, người quyền quý và những người có trách nhiệm khác trong các hãng, các công ty hay cơ quan và các tổ chức nhà nước, tổ chức tư nhân. Nguồn tiểu sử thường giới thiệu họ và tên nhân vật, biệt hiệu, bút danh, năm sinh và năm mất, nơi sinh, quê quán, địa chỉ, số điện thoại, quá trình hoạt động, các công trình nghiên cứu, sáng tác, phát minh. Một số tiểu sử chi tiết còn giới thiệu kĩ cả về cha mẹ, vợ con nhân vật, về lịch sử tóm tắt, thậm chí còn trích giới thiệu một phần những công trình quan trọng của nhân vật. Nguồn tiểu sử có ích lợi cho hầu hết mọi người từ nhà nghiên cứu tới người không thuộc chuyên ngành. Do vậy hầu hết danh mục của nhà xuất bản đều có các tài liệu tiểu sử, từ các tiểu sử cá nhân của các bộ tuyển tập cho tới các danh sách đặc biệt của các cá nhân trong các lĩnh vực chuyên môn.

Sự phát triển nhanh của dân số và các ngành nghề cùng với sự nâng cao trình độ giáo dục là nguyên nhân của sự tăng nhanh các nguồn tài liệu tiểu sử. Các đề mục có khuynh hướng ngày càng tóm lược, nói chung chỉ giới thiệu họ tên, ngày sinh, nơi sinh, trình độ học vấn, chức danh và địa chỉ.





### III.1.1.5 Nguồn tra cứu địa lí. (Geographical Sources)

Nguồn tra cứu địa lí có thể được sử dụng một cách đơn điệu như để trả lời câu hỏi: “Nó ở đâu” hoặc cũng có thể theo cách tế nhị và phức tạp hơn để giúp giải quyết mối quan hệ giữa các nước liên quan trở nên rõ ràng hơn như vấn đề lãnh thổ, biên giới.

Loại câu hỏi đầu tiên và phổ biến nhất là vị trí của một địa phương hay của một thành phố nào đó? Khoảng cách từ nơi này tới nơi kia? Hoặc mùa đông ở Pháp lệch bao nhiêu độ với mùa đông ở Hà nội? Những vấn đề của những tài liệu địa lí liên quan tới khí hậu, môi trường, đặc sản, biên giới hành chính, lịch sử và nhiều vấn đề khác của các vùng đất.

Nói chung nguồn tài liệu địa lí giới thiệu dưới hình thức đồ hoạ, cho phép hình dung ra toàn cảnh một triều đại. Ngoài ra một số lượng lớn tài liệu nguồn địa lí là những tác phẩm nghệ thuật, nó thoả mãn những yêu cầu đặc biệt mà khó có thể tìm được trong các nguồn văn bản.

Nguồn tài liệu địa lí được phân chia thành 3 loại lớn như sau:

- *Bản đồ và tập bản đồ (Map & Atlas)*
- *Từ điển địa lí (Gazetteer)*
- *Sách hướng dẫn du lịch (Guidebook)*

- Bản đồ giới thiệu đường ranh giới chính thức của trái đất theo bề mặt phẳng. Bản đồ có thể phân chia thành bản đồ bề mặt phẳng, bản đồ chi tiết, bộ sưu tập các bản đồ trong tập bản đồ, quả địa cầu... Bản đồ tự nhiên sao lại những nét chính của vùng đất từ sông ngòi và châu thổ tới núi đồi. Bản đồ đường sá trình bày đường bộ, đường sắt, cầu cống... Bản đồ chính trị nói chung chỉ giới hạn trong việc định ranh giới các vùng lãnh thổ, các thành phố, thị xã, quận, huyện... song cũng có thể bao gồm cả những nét chính về địa hình và đường sá. Hoặc riêng biệt, hoặc kết hợp với nhau, 3 loại bản đồ này tập hợp lại thành một số lượng lớn các bản đồ để hình thành tập bản đồ.



Một nhóm khác của bản đồ là các bản đồ chủ đề, loại này thường quan tâm đến các khả năng đặc biệt của bản đồ. Có thể tra tìm ở đây những vấn đề về lịch sử, kinh tế, chính trị... được thể hiện dưới hình thức đồ họa trên bản đồ.

- Từ điển bản đồ là những từ điển địa lí, thông thường là các địa danh. Từ đây sẽ tra ngược lại để tìm ra thành phố, núi, sông hay các đặc điểm tự nhiên khác nằm ở đâu. Từ điển bản đồ chi tiết sẽ đưa thêm vào các thông tin về dân số và những yếu tố kinh tế chủ đạo của vùng.

- Sách hướng dẫn du lịch rất cần thiết cho việc xác định hoặc hướng dẫn. Nó bao gồm mọi thông tin từ giá cả của một phòng khách sạn ở Paris hay NewDelhi tới những thắng cảnh ở Pnompenh hay Boston.

### III.1.1.6 Tài liệu chính phủ (Government Document)

Tài liệu chính phủ không phải là toàn bộ luật pháp, công nghệ hay một loại ấn định nào. Tài liệu chính phủ bao gồm nhiều loại hình khác nhau từ báo cáo về quân sự tới quá trình sinh trưởng của cây cảnh. Song tất cả đều có một điểm chung là số lượng rất lớn.

Tài liệu chính phủ là bất kì một xuất bản phẩm nào do chính phủ cấp chi phí in ấn hoặc do các cơ quan của chính phủ xuất bản. Những tài liệu được quan tâm thường là của các cơ quan như: Quốc hội, toà án, cơ quan hành pháp.

Dưới góc độ sử dụng, tài liệu được phân chia thành:

- Hồ sơ của cơ quan hành chính nhà nước
- Tài liệu nghiên cứu của các chuyên viên bao gồm số lượng lớn các bản thống kê và dữ liệu có giá trị khoa học và kinh doanh cao.
- Nguồn thông tin đại chúng: Có thể là sách, bản thảo, vi phim và mọi loại hình xuất bản khác.

### III.1.1.7 Bảng chú dẫn (Index)

Chú dẫn là một quá trình phân tích tài liệu, thường theo dấu hiệu họ tên người và chủ đề. Bởi vì hầu hết các xuất bản phẩm: Sách báo, tạp chí... tổng hợp nhiều vấn đề khác biệt nên cần thiết phải được chú dẫn để chọn lọc những vấn đề chủ yếu phục vụ nhu cầu của người đọc: Danh từ “chú dẫn” được bắt nguồn từ một động từ gốc la tinh “dicare” có nghĩa là “trưng bày, giới thiệu ra”.

Nguồn chú dẫn tốt phải đưa ra được các hướng tra cứu phong phú từ tác giả, nhan đề cho tới chủ đề và nhà xuất bản, để cho phép người dùng dễ dàng tìm được những điều cần thiết. Phương pháp tổ chức sắp xếp chú dẫn phải đơn giản và thuận tiện nhất.


Người đọc tiếp cận chú dẫn theo nhiều cách khác nhau với những lí do khác nhau. Các học giả và nhà nghiên cứu muốn tìm kiếm tác giả một bài báo hay một quyển sách, họ biết các tác giả đó là chuyên gia trong lĩnh vực nào. Trong trường hợp này đó là phương pháp đi trực tiếp tới nguồn nhanh hơn cách tiếp cận theo chủ đề. Tuy nhiên đối với sinh viên họ không biết ai nổi tiếng trong lĩnh vực nào thì thường tìm tài liệu theo chủ đề.

#### *Một số loại chú dẫn thường gặp là:*

+ Chú dẫn xuất bản phẩm định kì gồm có: (1) Chú dẫn tổng hợp cho nhiều loại tạp chí theo một hoặc nhiều chủ đề; (2) Chú dẫn chủ đề bao gồm không chỉ tạp chí mà còn một số loại hình xuất bản phẩm khác mục đích là nhằm chú dẫn các tài liệu trong chủ đề hẹp. Ví dụ như *Chú dẫn ứng dụng khoa học và công nghệ* (Applied Science & Technology Index); (3) Chú dẫn một loại tạp chí: Trước đây khá phổ biến, ngày nay ít được xuất bản. Một trong những chú dẫn khá nổi tiếng loại này là *National Geographic Index* từ 1888 - 1988 (Mỹ).

+ Chú dẫn báo được xuất bản khá nhiều ở Mỹ, Anh, Pháp trong đó nổi bật là *The New York Times Index*.

+ Chú dẫn xuất bản phẩm liên tục: Bao gồm cả chú dẫn



những tài liệu xuất bản và những tài liệu không xuất bản như kỷ yếu hội nghị khoa học và các tài liệu đại hội, các tài liệu chính phủ...

+ Chú dẫn bộ sưu tập: Chú dẫn các sưu tập thơ kịch, tiểu thuyết, bài hát...

+ Chú dẫn khác: là chú dẫn cho tất cả các loại tài liệu từ sách, sáng chế phát minh, tiêu chuẩn tới âm nhạc...

---

### III.1.2 Thư mục (Bibliography)

#### III.1.2.1 Khái niệm

Bắt nguồn từ một danh từ cổ Hy Lạp được ghép gồm hai thành phần Biblio (Sách) và Grapho ( Ghi chép), thuật ngữ (Bibliographo) có nghĩa là cuốn ghi chép về sách vở. Theo gốc Hán Việt, thư mục cũng có nghĩa là bản kê các sách vở được sắp xếp thứ tự. ở Phương Đông đồng nghĩa với thư mục còn có Kinh tịch chí.

Trong cuốn *The American Heritage Dictionary of the English Languages* thư mục được giải thích là: (1) Danh mục các tác phẩm của một tác giả hoặc một nhà xuất bản; (2) Danh mục các bài viết liên quan đến một chủ đề; (3) Danh mục các tài liệu được sử dụng hoặc tham khảo của một tác giả trong quá trình biên soạn, sáng tác một tác phẩm.

Như vậy thư mục là một bản danh mục giới thiệu vắn tắt những đặc điểm, nội dung cơ bản của sách, báo, tài liệu viết về một hoặc một số vấn đề, được sắp xếp hệ thống, khoa học nhằm giúp người đọc truy tìm và sử dụng nhanh chóng, phù hợp với trình độ và yêu cầu.

Ở Pháp, đặc biệt trong những năm cuối thế kỉ 18, hoạt động thư mục được nổi bật như một sự tiến bộ của khoa học thư viện. ở Mỹ và Anh hiện nay có khuynh hướng phân chia thành thư mục phê bình, thư mục phân tích, thư mục lịch sử.

Khi nói đến thư mục có nghĩa là nói đến việc nghiên cứu sách và lập danh mục sách và các vật mang tin khác. Thư mục sẽ nói cho bạn đọc biết - cùng với những điều khác - ai là tác giả của sách, ai xuất bản nó và xuất bản ở đâu? Khi nào nó đã được xuất bản...

Khi một tài liệu được đưa vào thư mục, bạn đọc có thể biết: tài liệu đó có trong thư viện hay không và có thể đọc được không? Nếu tài liệu không có trong thư viện, có thể đọc nó ở đâu và hiện họ có thể mượn nó qua thủ tục cho mượn giữa các thư viện được không?

Thư mục không chỉ giới hạn sách mà còn áp dụng cho các loại hình vật mang tin khác từ phim và băng từ tới phần mềm máy vi tính và ảnh. Ví dụ thư mục về nhà văn Hemingway sẽ bao gồm cả sách, phim, tranh ảnh... về chủ đề này.

Một bản thư mục tốt cần đáp ứng những yêu cầu sau:

- Tính hoàn chỉnh: Thông qua một bản thư mục riêng hoặc kết hợp nhiều bản thư mục, cán bộ thư viện có thể truy nhập tới các biểu ghi hoàn chỉnh của mọi lĩnh vực quan tâm. Cả những biểu ghi hiện tại và quá khứ. Thư mục chỉ ra không những các tài liệu đang xuất bản mà còn giúp định hướng những tài liệu sẽ xuất bản.

- Tính chi tiết: Nói chung thư mục giới thiệu các tác phẩm nguyên vẹn như một cuốn sách, một bản tạp chí, một báo cáo... nhưng thư mục cũng có thể giới thiệu những phần riêng trong một tài liệu như các thư mục bài trích sách, trích báo, tạp chí...

- Tính đa dạng: Thông thường sách là thành phần chính của hầu hết các bản thư mục, nhưng thư mục cũng bao gồm các loại hình xuất bản khác từ các báo cáo, tài liệu tới các loại hình đa dạng của dữ liệu đọc máy.

- Tính phân biệt: Thư mục thường nêu những thông tin chuẩn tương tự những thông tin được nêu trong mục lục như tác giả, nhan đề, lần xuất bản, nơi xuất bản, đặc điểm số lượng... Một số thư mục còn đưa cả các yếu tố như số tiêu



chuẩn quốc tế của sách (International Standard Book Number - ISBN) do nhà xuất bản đặt ở trang bên trái của trang tên sách để phân biệt tên sách này với tên sách khác. Cũng với ý nghĩa như vậy số loại chuẩn quốc tế (International Standard Serial Number - ISSN) được đưa vào để phân biệt các xuất bản phẩm định kỳ.

- **Tính chỉ chỗ:** Tài liệu nằm ở vị trí nào trong thư viện hoặc ở đâu có thể tìm đọc tài liệu.
- **Tính chọn lọc:** Thư mục giúp cán bộ thư viện và bạn đọc dễ dàng chọn tìm tài liệu từ những kho sách phong phú và đa dạng bằng cách giới thiệu các chủ đề chọn lọc, các nhóm tác giả, các loại hình tài liệu khác nhau hoặc các dạng tài liệu phù hợp với từng nhóm bạn đọc.

### III.1.2.2 Các loại thư mục.

Có thể căn cứ nhiều dấu hiệu khác nhau như phương pháp biên soạn, nội dung tài liệu được tập hợp, mục đích và đối tượng sử dụng... để phân chia các loại thư mục.

Các loại thư mục phổ biến hiện nay gồm có:

#### III.1.2.2.1 Thư mục quốc gia (National Bibliography)

Đây là loại thư mục tổng hợp có nhiệm vụ thống kê, thông báo đầy đủ nhất tình hình xuất bản phẩm của một quốc gia. Nó còn có tên gọi là “Mục lục xuất bản phẩm lưu chiếu” (Liste des Imprimés Deposés au service sur dépôt légal)

Các nước có nguyên tắc biên soạn thư mục quốc gia khác nhau. Việt nam và nhiều nước áp dụng nguyên tắc thu thập tài liệu theo địa dư, nghĩa là tất cả các xuất bản phẩm trong địa phận quốc gia, không phân biệt loại hình, nội dung, ngôn ngữ của tài liệu đều được đưa vào thư mục quốc gia.

Do đặc điểm lịch sử hình thành dân tộc đặc biệt, một số nước quy định thư mục quốc gia phải tập hợp toàn bộ tài liệu

xuất bản bằng ngôn ngữ chính của quốc gia đó, bất kể được xuất bản tại đâu. Ngoài ra còn một nguyên tắc khác trong thu thập tài liệu cho thư mục quốc gia là nội dung của tài liệu đề cập đến đất nước hay dân tộc đó.

Có hai loại thư mục quốc gia:

*1. Thư mục quốc gia hiện tại (thống kê tài liệu mới xuất bản, được phát hành hàng tháng và tập hợp thành một cuốn mỗi năm)*

*2. Thư mục quốc gia quá khứ (giới thiệu tài liệu xuất bản từ những năm trước, trong một thời gian dài) như “thư mục xuất bản phẩm trong thời kì chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc Việt nam”.*

Việc biên soạn thư mục quốc gia được giao cho cơ quan theo dõi và nhận xuất bản phẩm lưu chiểu. Thư mục quốc gia Việt nam do thư viện quốc gia biên soạn và phát hành.


#### **III.1.2.2.2 Thư mục thông báo**

Là thư mục mang tính chất chuyên khoa có nhiệm vụ thông báo các tài liệu quan trọng về các ngành tri thức phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất. Tiêu chuẩn tài liệu được chọn chủ yếu dựa vào giá trị khoa học, giá trị nghiên cứu, không phụ thuộc thời gian xuất bản, ngôn ngữ hay loại hình tài liệu. Tuy nhiên loại tài liệu được quan tâm là các bài trích sách báo và tạp chí chuyên môn.

Có hai loại thư mục thông báo:

*1. Thư mục thông báo khoa học tập hợp tài liệu nghiên cứu sâu nhằm phục vụ những đối tượng độc giả nhất định của một ngành hoặc một số ngành khoa học.*

*2. Thư mục thông báo rộng rãi giới thiệu những tài liệu mới xuất bản cho mọi đối tượng độc giả các ngành nghề khác nhau. Thường gặp loại thư mục này trên các trang báo và tạp chí hoặc xuất bản thành các tập riêng biệt để giới thiệu, quảng cáo một số sách mới xuất bản và sách sắp xuất bản của*



*một nhà xuất bản nào đó. Trong các thư viện và cơ quan thông tin, có loại danh mục giới thiệu sách mới nhập treo tại phòng đọc, phòng mượn hoặc gửi tới các cá nhân, bộ phận trong cơ quan.*

*Thư mục thông báo thường được biên soạn tại các thư viện khoa học tổng hợp và chuyên ngành, thư viện các viện nghiên cứu, các trường đại học, thư viện các tỉnh thành phố lớn. Thư mục thông báo rộng rãi do các nhà xuất bản, cơ quan phát hành hoặc các thư viện phổ thông biên soạn.*

### **III.1.2.2.3 Thư mục giới thiệu**

Thư mục giới thiệu được biên soạn nhằm tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn đọc theo chuyên đề cho mọi đối tượng bạn đọc. Đặc điểm nổi bật là nguyên tắc chọn tài liệu rất chặt chẽ cả về nội dung và hình thức. Thư mục chỉ tập hợp những tài liệu tốt nhất chứ không đưa vào tất cả xuất bản phẩm về chuyên đề đó.

Về phương pháp biên soạn: mọi tài liệu trong thư mục đều được phân tích nội dung bằng phương pháp dẫn giải để gợi ý, hướng dẫn người đọc nắm được giá trị khoa học, tư tưởng và nghệ thuật của tài liệu.

Mặc dù có thư mục giới thiệu nghiên cứu để giúp cán bộ nghiên cứu khoa học sưu tầm tài liệu về các chuyên đề, song có thể coi đối tượng chủ yếu của thư mục giới thiệu là bạn đọc có trình độ văn hoá thấp. Họ cần cán bộ thư mục giúp họ chọn tìm tài liệu hợp trình độ, đúng yêu cầu. Họ cũng cần được giải thích và hướng dẫn để hiểu và cảm thụ đúng giá trị của tài liệu.

### **III.1.2.2.4 Thư mục phê bình**

Thư mục phê bình có nhiệm vụ phân tích, nhận xét những tác phẩm mới xuất bản, từ đó đánh giá về giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm trên các mặt chính trị tư tưởng, văn



học nghệ thuật, khoa học... Tuy cùng nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục song thư mục phê bình khác thư mục giới thiệu ở chỗ đối tượng phục vụ rộng rãi hơn và thư mục phê bình thường áp dụng cho những tài liệu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, chủ yếu là tác phẩm văn học. Thư mục phê bình có quan hệ rất gần gũi với công tác phê bình văn học song thư mục phê bình chỉ giới hạn trong phạm vi giáo dục, tuyên truyền các ấn phẩm giúp độc giả tự tìm đọc và tiếp thu đúng đắn giá trị tác phẩm đồng thời giúp tác giả nhận thấy ưu điểm và thiếu sót của họ trong quá trình sáng tác.

#### III.1.2.2.5 Nhóm thư mục đặc biệt

Ngoài 4 loại thư mục kể trên, dựa vào nội dung tài liệu và tính chất của tài liệu, có thể bổ sung thêm nhóm thư mục đặc biệt bao gồm thư mục nhân vật, thư mục địa chí, thư mục các tài liệu thư mục (Thư mục bậc 2).

- *Thư mục nhân vật:* Để phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu sâu về các danh nhân, thư mục nhân vật tập hợp các tài liệu về tiểu sử, sự nghiệp và những tác phẩm của các vị lãnh tụ, các anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động nổi tiếng trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, công nghệ. Thư mục nhân vật có thể giới thiệu một nhân vật hoặc một nhóm nhân vật có cùng ngành nghề hay cùng sinh sống ở một địa phương...

- *Thư mục địa chí:* Các thư viện khoa học tổng hợp tỉnh, thành phố rất chú ý công tác biên soạn thư mục địa chí. Với nhiệm vụ tập hợp tài liệu xuất bản tại địa phương, tài liệu nghiên cứu về địa phương và tài liệu của các tác giả người địa phương, thư mục địa chí là nguồn tài liệu rất quan trọng trong việc nghiên cứu tổng hợp về mọi mặt lịch sử, kinh tế, địa lí, văn hoá, khoa học... của địa phương. Không những giúp nghiên cứu sâu về những đặc điểm kinh tế văn hoá, góp phần phát hiện những tiềm năng thiên nhiên và con người của địa phương, thư mục địa chí còn có tác dụng lớn trong việc giáo dục truyền thống, khơi dậy niềm tự hào và tình yêu quê



hương của mọi tầng lớp nhân dân.

• *Thư mục các tài liệu thư mục* là loại thư mục đặc biệt được biên soạn không phải từ các tài liệu gốc mà trên cơ sở các bản thư mục khác. Thư mục các tài liệu thư mục tập hợp thống kê các bản thư mục các chuyên đề khác nhau với các hình thức khác nhau kể cả những thư mục in trong sách, báo, tạp chí. Mục đích là giúp cán bộ thư mục tra cứu, hướng dẫn, tuyên truyền sách báo, đồng thời trực tiếp giúp đỡ bạn đọc nắm được các nguồn thư mục hiện có.

Trong thế giới phong phú đa dạng của các loại hình thư mục, mỗi loại đều có vị trí, nhiệm vụ riêng nhằm đáp ứng nhu cầu của từng loại bạn đọc. Vì vậy người cán bộ thư mục cần hiểu rõ các loại hình thư mục để phát huy tối đa tác dụng của nó phục vụ công tác chuyên môn của mình, đồng thời đọc giả nắm vững tính chất, đặc điểm và công dụng của các loại thư mục sẽ nhanh chóng tìm chọn được tài liệu hợp trình độ, đúng yêu cầu, nhờ vậy sẽ tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả nghiên cứu và học tập.

### III.1.3 Hệ thống mục lục

Hệ thống mục lục là công cụ tra tìm tài liệu vô cùng quan trọng trong các thư viện và cơ quan thông tin. Với chức năng phản ánh toàn bộ kho tư liệu theo các đặc điểm khác nhau: Văn chữ cái của tiêu đề miêu tả, nội dung hay chủ đề của tài liệu.

Hệ thống mục lục hoàn chỉnh thường có 3 loại:

- Mục lục chữ cái
- Mục lục phân loại
- Mục lục chủ đề

Mỗi loại có một vị trí riêng và thích ứng với các phương pháp tra tìm tài liệu khác nhau. Mục lục chữ cái giúp xác định nhanh chóng những tác phẩm của một tác giả. Mục lục

phân loại phản ánh thành phần nội dung kho tư liệu. Mục lục chủ đề tập hợp tư liệu theo lô gích riêng của từng vấn đề. Ngoài ra còn có mục lục liên hợp được xây dựng trên kết quả phối hợp hoạt động của một số thư viện cùng khu vực hoặc cùng ngành. Riêng cho cán bộ thư viện có thêm mục lục công vụ.

### III.1.3.1 Mục lục chữ cái

Các phiếu miêu tả được sắp xếp trong mục lục chữ cái theo thứ tự vần chữ cái của tiêu đề miêu tả (Họ tên tác giả hoặc tên tài liệu). Đây là loại mục lục dễ tổ chức, dễ sử dụng và phù hợp với tâm lí, thói quen của đại bộ phận bạn đọc. Do vậy tại những thư viện nhỏ có trình độ xử lí kĩ thuật thấp, mục lục chữ cái đóng vai trò là bộ máy tra cứu duy nhất.

Mục lục chữ cái có cấu tạo khá đơn giản, phần chủ yếu là các phiếu miêu tả được sắp xếp theo vần chữ cái họ tên tác giả hay tên tài liệu. Để phân chia hợp phiếu mục lục thành các phần nhỏ giúp tra tìm nhanh chóng, có các phiếu tiêu đề. Phiếu tiêu đề chính (có phần nhô lên ở giữa) thường ghi những chữ cái (VD: A,B,C...); tên tác giả nổi tiếng hoặc tên cơ quan, đoàn thể, tổ chức. Phiếu tiêu đề phụ (có phần nhô lên ở bên phải hoặc bên trái) thường ghi các bộ phận nhỏ trong một vần (Ba, Bi,...C, Ch,...N, Ng, Nh...) hoặc tên tác giả (Tô Hoài, Tố Hữu...)

Trong mục lục chữ cái hầu như toàn bộ tài liệu của tác giả được đưa tập trung vào một khu vực trong ô phiếu. Ngay cả trường hợp tên tác giả không phải là tiêu đề miêu tả (sách có 2 - 3 tác giả), phiếu bổ sung sẽ giới thiệu tên tác giả như dấu hiệu để sắp xếp phiếu. Vì vậy mục lục chữ cái còn được gọi là mục lục tác giả.

Số lượng phiếu tiêu đề phụ thuộc và thay đổi tùy theo sự phát triển của kho sách và số lượng phiếu miêu tả, theo quy định nếu có từ khoảng 50 phiếu miêu tả thì dựng 1 phiếu tiêu đề. Với thư viện nhỏ, số lượng phiếu miêu tả ít, nếu dùng nhiều phiếu tiêu đề sẽ gây rối mắt. Ngược lại nếu có quá

nhiều phiếu miêu tả mà không có đủ phiếu tiêu đề, bạn đọc sẽ khó tìm tài liệu.

Bên cạnh phiếu tiêu đề còn có phiếu chỉ chỗ, hướng dẫn. Có hai loại phiếu hướng dẫn.

1. Hướng dẫn về tác giả áp dụng cho các tác giả có nhiều bút danh biệt hiệu nhằm tránh phân tán các tài liệu của cùng tác giả. Khi xếp mục lục cần có phiếu hướng dẫn để tập trung tất cả tài liệu của 1 tác giả vào cùng một vị trí (theo tên thật hoặc theo bút danh, biệt hiệu).

### Ví dụ:

*Sao Đỏ*                      xem    *Nguyễn Lương Bằng*  
*Nguyễn Khắc Hiếu*    xem    *Tản Đà*.

Đối với họ tên tác giả nước ngoài được phiên âm khác nhau do các lần xuất bản khác nhau cần hướng dẫn cho bạn đọc tới phiên âm đúng nhất.

### Ví dụ:

*Mã Khắc Tư*            xem    *Mác*  
*Đi phô Đa ni en*    xem    *Đê phô Đa ni en*.

2. Hướng dẫn tài liệu áp dụng cho những tài liệu có tên bắt đầu bằng điều lệ, nghị quyết, báo cáo... của các cơ quan, tổ chức được miêu tả theo tên tác giả tập thể. Để giúp bạn đọc nhanh chóng tìm được tài liệu, cần có phiếu chỉ chỗ.

### Ví dụ:

*Điều lệ*                    xem    *Tên cơ quan;*  
*Nghị quyết*            xem    *Tên cơ quan*.

Nguyên tắc sắp xếp phiếu trong mục lục chữ cái khá linh hoạt. Đối với những thư viện nhỏ ít tài liệu, có thể xếp chung hộp phiếu cho các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc như Mục lục chữ cái La tinh (Anh, Pháp, Đức), Mục lục chữ cái Xlavơ (Nga, Bun ga ry, Xéc bi), Mục lục chữ cái tượng hình (Trung quốc,

Triều tiên). Những thư viện lớn có kho sách ngoại văn phong phú sẽ tổ chức các hộp mục lục riêng cho từng ngôn ngữ.

Hiện nay, ở Việt nam có hai trường phái sắp xếp mục lục họ tên tác giả cá nhân khác nhau. Một trường phái áp dụng nguyên tắc miêu tả thuận, tức là theo đúng trật tự Họ- Đệm- Tên. Khi tổ chức mục lục, lấy dấu hiệu **Họ** làm cơ sở để sắp xếp. Tiếp đó xét đến **Đệm** và **Tên**, đúng như trật tự bình thường của họ tên người Việt nam.

## Ví dụ:

*Đặng Thai Mai*

*Phan Huy Lê*

Một trường phái khác áp dụng nguyên tắc miêu tả đảo, đưa Tên (kể cả tên kép) lên trước rồi mới tới Họ, Đệm. Các thứ tự để xếp mục lục chữ cái là **Tên** tác giả, sau đó xét đến **Họ** và cuối cùng là tên **Đệm**.

## Ví dụ:

*Diêu Linh (Nguyễn thị)*

*Duật (Phạm Tiến)*

*Khánh (Đình Gia)*


Đặc biệt có một số thư viện, khi miêu tả vẫn theo thứ tự thuận Họ- Đệm- Tên, nhưng khi tổ chức mục lục lại căn cứ vào Tên tác giả chứ không phải Họ tác giả, để xếp.

Tuy nhiên, dù theo phương pháp sắp xếp thuận hay đảo tên tác giả, các đơn vị mục từ phải theo đúng trật tự chữ cái như sau:

*Ă, Â, B, C, D, Đ, E, F, G, H, I, J, K, L, M,  
O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ứ, V, Ừ, X, Y, Z*

Đồng thời theo thứ tự dấu giọng: Không, huyền (`), hỏi(?), ngã(~), sắc('), nặng(.).

Khuynh hướng hiện nay đang tiến tới thống nhất miêu tả



thuận trong công tác biên mục của toàn bộ hệ thống thư viện và cơ quan thông tin.

Trường hợp một tác giả có nhiều phiếu miêu tả trong mục lục, thứ tự sắp xếp như sau: Toàn tập, tuyển tập, tác phẩm riêng biệt, các tài liệu viết về tác giả.

Các tác giả trùng họ, căn cứ vào chữ cái đầu của đệm, tên để xếp. Tên tác giả tập thể trùng với tên tác giả cá nhân thì xếp tác giả tập thể trước.

**Ví dụ:**

*Đoàn TNCS Hồ Chí Minh*

*Đoàn Giải*

Một số ngôn ngữ nước ngoài có quán từ, mạo từ như a, an, the (Anh), le, la, les (Pháp), die, das (Đức) đứng ở đầu câu thì bỏ qua và lấy chữ cái đầu của từ tiếp theo làm căn cứ để sắp xếp.

**Ví dụ:**

*Banking system form*

*A hierarchy of clerical level jobs*

*Water world*

*The world we manager*

hay

*Les bibliothèques universitaires*

*Conservation des documents*

*La tâche et problèmes*

### III.1.3.2 Mục lục phân loại

Cùng với mục lục chữ cái, mục lục phân loại là một trong hai loại mục lục quan trọng nhất của mọi loại hình thư viện và cơ quan thông tin. Nếu như mục lục chữ cái giới thiệu kho

tư liệu theo đặc điểm hình thức - thứ tự vần chữ cái của các ngôn ngữ - thì mục lục phân loại lại giới thiệu thành phần nội dung của kho tư liệu.

Mục lục phân loại được xây dựng trên cơ sở bảng phân loại áp dụng cho công tác phân loại tài liệu của thư viện đó. Nếu thư viện thay đổi bảng phân loại thì mục lục phân loại cũng thay đổi theo cho phù hợp với kí hiệu phân loại trên phiếu miêu tả.

Mục lục phân loại bao gồm hai phần: Phần cơ bản nhất và chiếm khối lượng chính là các phiếu miêu tả, phần thứ hai là các phiếu tiêu đề, phiếu chỉ chỗ. Ngoài ra còn có ô tra chủ đề (thường xuất hiện trong các thư viện lớn).

Trên cơ sở các kí hiệu phân loại ghi trên phiếu miêu tả, các đề mục được xây dựng. Mức độ chi tiết của đề mục phụ thuộc đặc điểm kho tư liệu và quy mô thư viện, nhưng luôn đảm bảo nguyên tắc kí hiệu phân loại trên phiếu miêu tả trong một đề mục phải giống nhau và giống kí hiệu phân loại của đề mục. Thứ tự các đề mục phải theo đúng trật tự của bảng phân loại.

Trong mỗi đề mục các phiếu miêu tả được sắp xếp hoặc theo thứ tự vần chữ cái hoặc theo thứ tự thời gian ngược (để giới thiệu những tài liệu mới nhất). Tuy nhiên, nếu trong phạm vi đề mục có các tài liệu của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác Lênin, các chỉ thị nghị quyết của Đảng và Nhà nước thì những tài liệu này luôn được xếp trước tiên.

Vị trí các ngôn ngữ của tài liệu trong mỗi đề mục được quy định thống nhất là: 1/ Tiếng dân tộc Kinh; 2/ Tiếng các dân tộc ít người ở Việt nam; 3/ Tiếng nước ngoài.

Nhằm giúp người đọc tìm tài liệu nhanh chóng, dễ dàng, cũng giống như mục lục chữ cái, mục lục phân loại có các phiếu tiêu đề và phiếu chỉ chỗ. Hình thức và phương pháp xây dựng như trong mục lục chữ cái.

Đặc biệt trong mục lục phân loại còn có ô tra chủ đề, xây dựng trên nguyên tắc nhóm các đề mục của mục lục phân



loại theo chủ đề. Ô tra chủ đề là “chìa khoá” rất quan trọng hỗ trợ đắc lực bạn đọc tìm nhanh vị trí các đề mục qua hệ thống chủ đề quen thuộc. Các đề mục chủ đề thường được miêu tả trên phiếu kèm theo kí hiệu và được xếp theo thứ tự vần chữ cái tên các chủ đề. Các chủ đề phụ có thể được xếp theo vần chữ cái hoặc lô gích của vấn đề. Để làm nổi bật chủ đề, tên gọi của chủ đề thường đảo danh từ lên trước tính từ.

## Ví dụ:

*-Lúa*

*- Trồng*

*- Thu hoạch*

*- Chế biến*

### III.1.3.3 Mục lục chủ đề

Với nhiệm vụ giới thiệu thành phần kho sách theo chủ đề của tài liệu, mục lục chủ đề - được sắp theo thứ tự vần chữ cái các chủ đề - có ý nghĩa quan trọng đối với các thư viện khoa học, đặc biệt là các thư viện khoa học chuyên ngành. Khác với mục lục phân loại, thứ tự các đề mục và tiểu đề mục trong mục lục chủ đề tuân theo một lô gích rất chặt chẽ.

Về mặt nội dung khoa học, mục lục chủ đề được tổ chức trên cơ sở trật tự hình thức. Các đề mục cạnh nhau không liên quan với nhau về nội dung tri thức.

Có thể coi mục lục chủ đề là một loại mục lục bổ sung, hỗ trợ cho mục lục phân loại. Mục lục chủ đề nói chung không phản ánh toàn bộ kho sách như mục lục chữ cái hay mục lục phân loại.

Mặc dù cùng được xây dựng trên cơ sở nhóm các đề mục thành chủ đề nhưng ô tra chủ đề và mục lục chủ đề đảm nhận chức năng hoàn toàn khác nhau. Trong khi ô tra chủ đề có tác dụng hướng dẫn người đọc tìm đến vị trí các đề mục trong mục lục phân loại thì mục lục chủ đề lại giới thiệu trực tiếp các tài liệu.



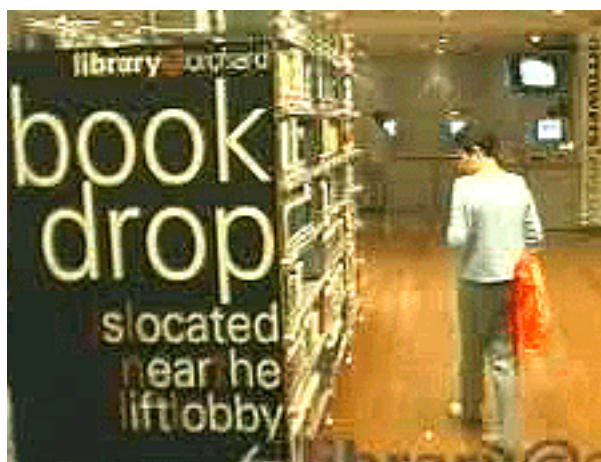
Để xây dựng mục lục chủ đề, dựa trên nội dung kho tư liệu người ta nhóm thành các chủ đề từ các đề mục chủ đề được định ra khi miêu tả tài liệu, thứ tự sắp xếp các chủ đề chính theo đúng trật tự vần chữ cái, nhưng các chủ đề phụ có thể sắp xếp hoặc theo chữ cái hoặc theo các dấu hiệu khác như địa lí, thời gian, hình thức... Trong mỗi chủ đề chính hay phụ, các phiếu miêu tả vẫn được sắp xếp theo thứ tự vần chữ cái các tiêu đề miêu tả hoặc tên tài liệu đảm bảo tính nhất quán của nguyên tắc sắp xếp.


Phiếu hướng dẫn, chỉ chỗ trong mục lục chủ đề có hai loại: Loại thứ nhất chỉ dẫn bằng chữ *xem* dùng để chỉ chỗ cho những đề mục có nhiều tên gọi khác nhau đến một tên gọi thống nhất; cho các thuật ngữ dịch, viết tắt... loại thứ hai là chỉ dẫn tham khảo, dùng chữ *cũng xem*, nhằm giới thiệu các chủ đề có liên quan.

## III.2 BỘ MÁY TRA CỨU HIỆN ĐẠI

### III.2.1 Nguồn tra cứu điện tử

Tất cả các loại tài liệu tra cứu đều đã được xuất bản dưới cả hai dạng, dạng in ấn truyền thống và dạng tài liệu điện tử.





Bạn đọc có thể tra tìm các nguồn tra cứu trên đĩa quang (CD-ROM) hoặc trực tuyến (online). Dưới đây là một số nguồn tài liệu tra cứu điện tử.

### *Bách khoa toàn thư.*

Bên cạnh các bộ bách khoa toàn thư và từ điển bách khoa được in ấn thành sách, hiện nay đã có các “cuốn” bách khoa toàn thư trên CD-ROM. Đĩa CD-ROM cải tiến gọi là CD-I (Compact Disk Interactive) cho phép cung cấp hình ảnh và âm thanh đã tạo điều kiện cho việc sản xuất các bách khoa toàn thư trên CD-ROM, đặc biệt hiệu quả đối với những bách khoa toàn thư về âm nhạc. Dung lượng của CD-ROM rất lớn, toàn bộ nội dung của 3 bộ bách khoa toàn thư lớn như bộ *Americana*, bộ *Britanica* và bộ *World Book* có thể chứa gọn trong một đĩa CD-ROM. Ngoài ra một số bách khoa toàn thư cơ sở được trở thành một bộ phận của bao gói thông tin trực tuyến. Có thể tra tìm trực tuyến bộ *New Encyclopedia Britanica* qua dịch vụ của Mead Data Center với NEXIS bất kì thời điểm nào trong ngày hay đêm, giá trung bình là 100 USD /1 giờ. Tuy nhiên việc tra tìm bách khoa toàn thư trực tuyến là không kinh tế. Đồng thời cho tới lúc này việc truyền hình ảnh trực tuyến chưa được thực hiện.

Đĩa CD-ROM bách khoa toàn thư có hai ưu điểm cho các thư viện: Các tập lẻ không bị mất hoặc để lẫn tại vị trí khác; cùng một lúc nhiều người có thể tra tìm cùng một “tập” bách khoa toàn thư. Nhưng đối với người dùng cá nhân, chi phí vẫn còn quá cao. Ví dụ CD-ROM *Compton's Multimedia Encyclopedia* giá là 895 USD trong khi giá của bộ này dưới hình thức sách in là 699 USD.

### *Nguồn tra cứu nhanh.*

Tra cứu trực tuyến đặc biệt có ý nghĩa với nguồn tra cứu thông tin của các thư viện. Nó hỗ trợ đắc lực cho việc trả lời các câu hỏi trong một khoảng thời gian rất ngắn. Nhờ đó thư viện không chỉ tiết kiệm được ngân sách mà còn tiết kiệm được cả thời gian và diện tích. Đĩa CD-ROM rất phù hợp với yêu cầu được cập nhật hàng quý, hàng tháng của loại tài liệu

này. Đĩa CD *New York Telephone* tập hợp trên 10 triệu số điện thoại của hai thành phố New York và Boston.

### Từ điển.

Một số từ điển đã có thể sử dụng trực tuyến và CD-ROM. Trong đó thành công nhất và được sử dụng nhiều nhất là *Smart Translator* cung cấp dịch vụ dịch tự động trong lĩnh vực tài liệu kĩ thuật từ tiếng Anh sang tiếng Pháp, tiếng Tây ban nha, tiếng Italia và tiếng Đức.

Ngoài ra có nhiều chương trình xử lí phần mềm máy tính cung cấp dịch vụ kiểm tra chính tả và từ gốc. Ví dụ: *Choice Words* gồm 80.000 từ trong bộ *Webster's Ninth New Collegiate Dictionary* được bổ sung thêm phần từ đồng nghĩa. Hoặc từ điển phiên âm điện tử gồm cả phần mềm và phần cứng trong một chiếc máy nhỏ giúp chữa lại những từ được nhập vào sai chính tả và cho một danh mục những từ đồng nghĩa. Đặc biệt còn giúp phát âm chuẩn của từ. Năm 1990 NTC Publishing Group phát hành đĩa CD-ROM cho 12 ngoại ngữ gọi là *Languages of the World* bao gồm 7 triệu từ và 18 cuốn từ điển với các chức năng xác định, dịch và giới thiệu từ đồng nghĩa. Từ điển có thể ngay lập tức dịch từ tiếng Anh sang một hoặc tất cả 12 ngoại ngữ (Trung quốc, Đan mạch, Đức, Phần lan, Pháp...)

### Nguồn địa lí.

Với những tiến bộ mới trong việc đưa đồ họa và ảnh vào văn bản trong CD-ROM, hầu hết các tài liệu địa lí đã được xuất bản dưới dạng CD-ROM. *The Electromap World Atlas* sản xuất năm 1990 là đĩa CD-ROM bản đồ đầu tiên, chứa đựng 239 bản đồ thống kê, địa hình, các châu lục và các nước trên toàn thế giới. Các nội dung mới thay đổi được cập nhật hàng năm.

Bản đồ điện tử cho phép phóng to hoặc thu nhỏ một lục địa, một nước, một tiểu bang, một thành phố cho đến các chi tiết của một thành phố như một quận, một khu phố, một khối nhà hay một điểm. Bản đồ còn giúp tra tìm mọi địa danh như

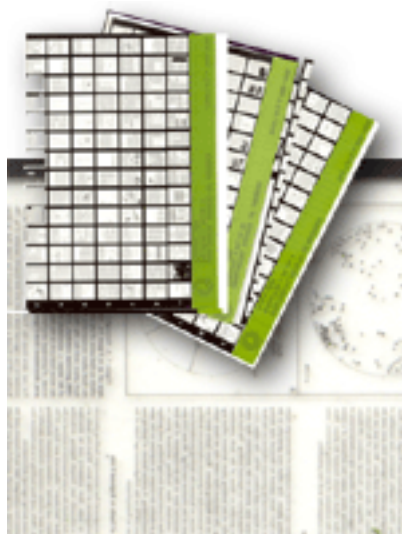
như nhà ga, sân bay, khách sạn; hệ thống giao thông như đường sắt, đường cao tốc, đường tàu điện ngầm. Từ vị trí hiện tại, theo hướng dẫn bằng các mũi tên nhấp nháy trên bản đồ, bạn có thể chọn con đường gần và thuận lợi nhất để tới bất kỳ một điểm nào trong thành phố bằng tàu điện ngầm, xe buýt công cộng hay xe riêng. Thậm chí mọi chi tiết rất nhỏ trong khu phố từ hệ thống thoát nước tới các nắp cống cũng được chỉ dẫn trên bản đồ.

### *Bảng chú dẫn.*

Hiện nay hầu hết các dịch vụ chú dẫn đã được thực hiện trên máy, thậm chí nhiều người còn cho rằng đã đến lúc kết thúc thời đại của các bảng chú dẫn in. Nguồn trực tuyến, đĩa CD-ROM và các dạng điện tử khác đã thay thế hàng nghìn bản chú dẫn in. Lí do rất đơn giản là bản chú dẫn điện tử cho phép truy nhập rất nhanh nhiều điểm cùng một lúc và dễ dàng in ra các trích dẫn. Bạn đọc không chuyên môn- đặc biệt là thanh niên- thường tránh các bảng chú dẫn in, không những vì họ không hiểu cách sử dụng nó mà còn bởi vì nó không thể in ra các kết quả tìm được. Xu hướng là đĩa CD-ROM sẽ chiếm ưu thế trong các thư viện. Song những người có thu nhập cao đủ khả năng thanh toán chi phí đắt đỏ của nguồn trực tuyến thích nguồn trực tuyến hơn vì nó tinh vi, linh hoạt hơn và cập nhật thường xuyên hơn.


### *Dạng thu nhỏ*

(Microform) được sử dụng trong thư viện để tiết kiệm diện tích kho tư liệu, để tập hợp thư mục và các nguồn nghiên cứu khác, đồng thời cung cấp cho người dùng tin những phương pháp truy nhập dễ






dàng. Vi phiếu tồn tại theo hai dạng cuộn phim tròn và phiếu phẳng. Cuộn phim tròn tương tự cuộn phim chụp ảnh 35mm. Tấm phẳng có nhiều kích thước khác nhau: Vi phiếu hoặc phiếu với kích thước tiêu chuẩn là 10x15cm chứa khoảng 98 trang/phiếu. Phiếu siêu nhỏ là một tấm nhựa trong suốt 10x15cm, có thể chứa đựng 3000-5000 trang. Vi điểm là tấm phiếu kích thước 15x23cm có sức chứa rất lớn, trung bình 10 hàng và 10 cột trên phiếu bằng 100 trang.

### III.2.2 Thư mục




No.	Records	Search
#1	27603	teaching
#2	33	ab
#3	221	apple

Education Abstracts Full Text	
1 of 221 in search #3	
	TI: Education and democrac AU: O'Cadiz,-Maria-Pilar, SO: Comparative-Education-
	TI: <u>Apple</u> face AU: Reiss,-James SO: College-English. v. 61 DE: Poems-
	TI: Review of "Dewey, Peir AU: <u>Apple.-Michael-W</u>

Thư mục đã khẳng định vai trò chủ đạo của nó nhờ sự phát triển của kỹ thuật. Tra cứu thư mục trực tuyến (Online) hiện tại có thể thực hiện không phải chỉ với một mà là hàng nghìn thư viện từ Mỹ tới Úc. Rất gần gũi với thư mục *Book in Print* về tài liệu nghe nhìn là *NICEM Media Indexs*. Mục đích



của *Index* này- thực chất là thư mục - là cung cấp thông tin hàng ngày đánh giá về các tài liệu không in ấn (trên 1 triệu tài liệu). Cơ sở dữ liệu trực tuyến của NICEM AV *Online* cung cấp dịch vụ tra cứu liên quan đến các nhan đề và được cập nhật hàng quý. Trong khi đó đĩa CD-ROM của NICEM được cập nhật hàng năm và giá khá cao (gần 1000 USD). Một tài liệu tương tự *Books in Print* dưới dạng thu nhỏ là *Guide to Microforms in Print*. Phiếu này đã tập hợp theo vần chữ cái tên tác giả hoặc tên sách trên 100.000 tài liệu từ 500 nhà xuất bản.

### III.2.3 Mục lục đọc máy (Machine Readable Cataloging - MARC)

Được phát triển từ năm 1990 do Thư viện Quốc hội Mỹ đề xuất nhằm chuyển các thông tin trên phiếu mục lục vào một mẫu ghi có thể đọc, cất giữ và xử lý trên máy vi tính. Trong mẫu ghi MARC mỗi nhan đề riêng biệt - thường tương đương với nhiều mục lục xếp giá, trở thành một mẫu ghi mục lục.

Dưới đây là một số khái niệm cơ sở của mẫu ghi MARC:

- Trường:

Mỗi vùng mô tả trên phiếu mục lục như tên tác giả, tên ấn phẩm, chi tiết xuất bản, đặc điểm số lượng, chủ đề... được ghi tại một vị trí riêng trong mẫu ghi MARC gọi là trường. Mỗi trường phải có một địa chỉ hoặc nhãn để thông báo với máy tính loại thông tin nào mà trường chứa đựng. Nếu dùng các từ như “tên tác giả”, “tên ấn phẩm”,... thì sẽ chiếm nhiều chỗ trong máy tính, vì vậy 3 chữ số được gọi là nhãn trường (tag) dùng để đại diện cho nội dung của trường. Sử dụng chữ số cũng nhằm đảm bảo rằng trường đó sẽ được áp dụng thống nhất trong mọi lúc mọi nơi. Ví dụ: Nhãn trường 245 là *Tên ấn phẩm* hoặc 260 là *Xuất bản*

- Trường con:

Một số thông tin trong phạm vi một trường cần phải được chi tiết nhỏ hơn thành các vùng con. VD trường “xuất bản”

bao gồm: nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản. Các vùng con này phải được thể hiện cùng cấp và theo một trật tự để máy tính có thể hiểu được đâu là kết thúc của một chi tiết và đâu là nơi bắt đầu chi tiết khác.

- Mã trường con:

Để giữ các khoảng cách, trước mỗi vùng con đều có một chữ cái nhỏ. Những chữ cái nhỏ này gọi là mã trường con. Trước mỗi mã trường con là một kí tự đặc biệt (=) gọi là dấu “quy định phạm vi trường con”. Bởi vì nhiều bàn phím máy tính không thể hiện được kí tự “quy định phạm vi” (=), nên có thể sử dụng các kí tự đặc biệt khác như gạch ngang (-) hoặc dấu dollar (\$) để thay thế. Mã trường con đã tiêu chuẩn hoá sao cho mọi trường con đều được đưa đúng vào vị trí đã xác định

- Vật chỉ thị:

Nhãn trường cũng có thể có sau nó một hoặc hai chữ số gọi là vật chỉ thị (indicator). Vật chỉ thị trình bày một cách tách biệt sự cần thiết cho một mục nhập nhan đề riêng trong mục lục và một số kí tự không phải tập ở đầu của trường.

**Ví dụ:**

245 14 \$a *The American heritage*

*guide to antiques/\$c Mary Durant*

Nhãn trường, mã trường con và vật chỉ thị được coi như xem là những mẫu ghi có nhãn (tagged record).

Sự phát triển của mẫu ghi mục lục đọc máy cho phép ghi các dữ liệu thư mục và chuyển nó từ thư viện này tới thư viện khác đã tăng thêm khả năng phối hợp sử dụng thông tin và giảm bớt công tác biên soạn mục lục cho tài liệu nhập vào từng thư viện riêng.

### III.2.4 Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến (Online Computer Library Center - OCLC)

Được đặt tại Dublin, Ohio (Mỹ) Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến (OCLC) là mạng máy tính hỗ trợ cho các hoạt động của thư viện, nó còn được gọi là công cụ thư mục tiện ích. Truy nhập nhiều hơn vào thế giới thông tin và giảm chi phí thông tin là mục tiêu của OCLC. Kiểu dịch vụ này được cung cấp từ những mạng máy tính hỗ trợ vận hành bao gồm các ứng dụng như: Các biểu ghi mục lục, sự truyền thông cho mượn giữa các thư viện, những dịch vụ xuất bản và in ấn... với số lượng thành viên lớn nhất trong các mạng lưới thư mục, đến năm 1991 OCLC đã có trên 17000 thư viện thành viên ở Mỹ và 51 quốc gia trên toàn thế giới.

Hệ thống hỗ trợ một CSDL khá nổi tiếng là EPIC gồm trên 23 triệu sách, báo, tạp chí, phim, báo cáo, bản thảo trên cơ sở các mục lục kết hợp của các thư viện thành viên. CSDL này phát triển rất nhanh không chỉ hàng năm, hàng tháng mà hàng ngày. Trung bình mỗi năm có trên 2 triệu mẫu ghi được nhập thêm.

Phần mềm EPIC cung cấp những thực đơn điều khiển mục nhập rất đơn giản mà bất kỳ ai chưa qua đào tạo đều có thể sử dụng dễ dàng. Ngoài những mẫu ghi của OCLC, EPIC còn cho phép tìm tài liệu trong nhiều CSDL khác. Vì vậy OCLC đã trở thành nguồn thông tin rộng lớn nhất thế giới.

Hệ thống mục lục đọc máy (MARC) là thành phần trọng yếu nhất của hệ thống OCLC. Nó cũng bao gồm các mục lục gốc quan trọng của các thư viện thành viên và nắm tất cả các thư viện nhà nước chính. Hệ thống tra cứu của OCLC có thể truy nhập tới công trình thư mục khác tên là *CSDL sách* (The Book Database). CSDL này bao gồm trên 900 thư viện ở Anh, các nước châu Âu khác và Bắc Mỹ. Hệ thông tin thư mục hiện tại chuẩn này là công cụ chủ yếu dành cho cán bộ bổ sung của thư viện. Tuy nhiên cán bộ tra cứu và bạn đọc có thể sử dụng nó để tìm sách theo tên tác giả, tên sách và chủ đề...



OCLC còn được nối tới một số CSDL của người bán sản phẩm thông tin như Easy-Net (truy nhập tới 850 CSDL), Wilsonline, DIALOG và VU/Text. Người dùng tin nối vào hệ thống OCLC và dễ dàng sử dụng các CSDL đó theo chủ đề, từ khoá, tác giả...

Có thể trực tiếp truy nhập vào OCLC hoặc thông qua hệ thống mạng lưới vùng rất phong phú như mạng thư viện OCLC của trường Đại học Tổng hợp New York hay mạng thông tin thư viện New England. Tất cả các mạng lưới này đều có nhiều dịch vụ thông tin rất đa dạng, một số phải trả tiền và một số được miễn phí.

Phí tổn cho OCLC gồm chi phí cho việc trích dẫn trực tuyến, các thiết bị, việc tổ chức quản lý hệ thống và chi phí truyền thông. Nếu thông qua mạng lưới này, lệ phí hàng năm từ 500 USD tới 2000 USD .

---


### **III.2.5 Mục lục truy nhập công cộng trực tuyến (Online Public Access Cataloging- OPAC)**

Các thư viện có thể chuyển đổi các phiếu mục lục truyền thống thành những mẫu ghi mục lục có thể đọc máy và nó sẽ trở thành một bộ phận của hệ thống mục lục tự động hoá (thường gọi là mục lục truy nhập công cộng trực tuyến- OPAC). Trên OPAC, bạn đọc thực hiện thao tác tìm theo nhiều dấu hiệu: Tên tác giả, nhan đề, kết hợp tên tác giả và nhan đề, chủ đề, từ khoá, ISBN, ISSN, số phân loại, call number ... Bạn đọc có thể giới hạn phạm vi tìm về ngôn ngữ, loại hình tài liệu, thời gian...

---

### **III.2.6 Hệ thống trợ giúp tìm tin trực tuyến (Online)**

Ngày nay, bộ máy tra cứu trực tuyến không chỉ giới hạn trong phạm vi các mạng lưới hay tổ hợp thư viện của một quốc gia hay đa quốc gia mà đã trở thành mạng toàn cầu thông qua Internet.



Internet là mạng truyền dữ liệu diện rộng bao trùm cả thế giới. Thoạt đầu đây là hệ thống mạng liên kết các trung tâm nghiên cứu của Bộ quốc phòng Mỹ. Dần dần nó mở rộng đến các cơ quan nghiên cứu và thông tin bên ngoài, trước tiên là các trường đại học. Các dịch vụ thương mại đã đẩy nhanh sự bành trướng của Internet ra khắp các giới, các ngành. Trong những năm 80, do khả năng tiềm tàng trong phục vụ nghiên cứu tổng hợp và kinh doanh, Internet đã vượt khỏi biên giới nước Mỹ sang nhiều nước công nghiệp khác. Đến năm 1993, các siêu mạng trong Internet tăng đến 25.000 mạng trên khắp thế giới với trên 40 triệu người sử dụng và hàng tháng tăng 15% số người gia nhập mạng.

Internet có cấu trúc hình “mạng nhện” để khi một đường dây bị cắt thông tin vẫn không gián đoạn vì liên lạc sẽ tiến hành theo ngõ khác. Internet được coi là một xa lộ thông tin bao gồm mạng lưới các máy tính chủ được nối thông qua mạng điện thoại hay các kênh chuyên dùng. Tất cả mọi người tham gia mạng Internet đều có thể đổ dữ liệu riêng của mình vào mạng và truy nhập, tìm kiếm thông tin của mọi thành viên cũng như liên lạc trực tiếp với nhau. Các dịch vụ của Internet rất phong phú đa dạng gồm hàng chục loại trong đó một số loại có tác dụng rất lớn cho công tác tra cứu tìm tin. Trước tiên phải kể đến dịch vụ thư điện tử (E-Mail); dịch vụ truy nhập tự do, tìm kiếm các danh mục dữ liệu (Anonymous FTP); dịch vụ các thông tin cơ bản (Gopher Menu); dịch vụ tìm kiếm các CSDL được sắp xếp theo khoá (Wais Server); dịch vụ tra cứu tìm kiếm tạp chí tin tức (Electronic Magazines)... Nhiều hội nghị, hội thảo khoa học được truyền trực tiếp trên mạng. Các chuyên gia thông tin- thư viện trên toàn thế giới có thể vào Internet để theo dõi hội thảo về OCLC của Hiệp hội thư viện Mỹ tháng 2-1994 “The Future Is Now: The Changing Face of Technical Services”. Rất nhiều công ty đã giới thiệu các CSDL và nguồn tra cứu quan trọng trên mạng. Mỗi cơ sở dữ liệu này được truy nhập theo những cú pháp riêng của từng phần mềm ứng dụng. Người sử dụng mạng không những được giải đáp những câu hỏi mang tính chất tra cứu mà còn nhận được cả bản sao tài liệu gốc

nếu cần. Đó là dịch vụ xuất bản sách trên Internet. Thông qua một khu vực thông tin được gọi là trạm điều khiển (Cyber-Station), người dùng Internet có danh sách các thư viện và danh mục các loại sách. Họ có thể truy nhập tới một vài chương liên quan trong một cuốn sách cụ thể hoặc truy tìm tài liệu cho đề tài nghiên cứu của mình.

Tại khu vực châu Á Thái Bình Dương, khách hàng chủ yếu của Internet vẫn là các trung tâm nghiên cứu khoa học, các viện và trường đại học. Nhiều quốc gia ở châu Á, một mặt rất muốn khai thác, sử dụng kho tàng tri thức khổng lồ này, mặt khác rất e ngại tính chất “mở”, “không kiểm soát được” của nó sẽ là một mối đe dọa tiềm tàng đối với các giá trị văn hoá truyền thống và an ninh quốc gia của họ.

Việt nam chưa chính thức ra nhập Internet, hiện nay chúng ta có một số mạng tin học nối với mạng Internet theo hình thức Ngoại tuyến (off-line) như Varenet, Tnet, Vestenet... dịch vụ chủ yếu là thư điện tử (Email)



## CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG III

1. Phân tích các nguồn tài liệu tra cứu truyền thống (tài liệu in)
2. Phân tích đặc điểm các loại hình thư mục (in), so sánh chức năng và đối tượng phục vụ của các loại thư mục.
3. Trình bày cấu tạo, nguyên tắc sắp xếp của mục lục chữ cái, mục lục phân loại và mục lục chủ đề.
4. Giới thiệu các nguồn tra cứu điện tử: bách khoa toàn thư, nguồn tra cứu nhanh, từ điển, nguồn địa lý, chú dẫn và dạng thu nhỏ.
5. Trình bày đặc điểm, tác dụng của Mục lục đọc máy (MARC) và Trung tâm thư viện máy tính trực tuyến (OCLC).
6. Trình bày đặc điểm của Mục lục truy nhập công cộng trực tuyến (OPAC) và Hệ thống trợ giúp tìm tin trực tuyến

# Tài liệu tham khảo

## I. TIẾNG VIỆT

### **A. Tài liệu chỉ đạo**

1. Các Mác. *Toàn tập. T.12.*-H.: Sự thật, 1962
2. V.I. Lênin .- *Toàn tập. T.10.*-H.: Sự thật, 1964
3. Hồ Chí Minh.- *Con người xã hội chủ nghĩa.*-H.: “ST”, 1961
4. Hồ Chí Minh.- *Tuyển tập.*- H.: Sự thật, 1960
5. Hồ Chí Minh.- *Vấn đề học tập.*-H.:”ST” 1971
6. Đảng CSVN.- *Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ 4.*-H.:Sự thật, 1977
7. Đảng CSVN.- *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III.*-H.: “ST”, 1960
8. Đảng CSVN.- *Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 4 khoá VII.*-H.: Sự thật, 1993, tr.51-57
9. Đảng CSVN.- *Nghị quyết số 37/NQ-TƯ ngày 20-4-1981 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học và kĩ thuật.*- H.: “ST”, 1981
10. Đảng CSVN.- *Nghị quyết số 26/NQ-TƯ ngày 30-3-1991 của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới.*-H.: “ST”, 1991
11. *Quyết định số 178/CP ngày 16-9-1970 của Thường vụ Hội đồng chính phủ về công tác thư viện.*
12. *Chỉ thị số 95/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về công tác thông tin khoa học và công nghệ ngày 4-4-1991.*


**B. Sách**

13. Cao Bạch Mai.- *Giáo trình cơ sở thư mục học đại cương*.- H.: ĐHTH HN, 1977
14. Dương Văn Khảm, Lê Văn Năng.- *Tin học hoá công tác văn thư lưu trữ và thư viện*.- H.: “ST”, 1995
15. Hoàng Sơn Cường.- *Lịch sử sách*.-H.: ĐHVH, 1981
16. La Phúc.- *Hồi ức về Mác*.-M.: Kniga, 1967
17. Lưu Quốc Quân.- *Sơ giản lịch sử sách Trung quốc*.- Bắc kinh: 1958
18. *Nghiệp vụ xuất bản sách*.-H.: Trường Tuyên huấn Trung ương, 1982
19. Nguyễn Huy Chương.- *Đề xuất mạng máy tính (Network) trong thư viện đại học Việt nam* .- Kỷ yếu Hội thảo khoa học, 1996, tr 27-33
20. Nguyễn Xuân Mạnh.- *Phân loại ấn phẩm và mục lục phân loại*.- H.: ĐHTH HN, 1979
21. Phạm Văn Rính.- *Quy tắc miêu tả ấn phẩm và xây dựng mục lục thư viện*.- H.: ĐHTH HN, 1976
22. Phan Văn.- *Công tác độc giả*.-H.:ĐH & THCN, 1978
23. Phan Văn.- *Nội dung chương trình đào tạo cử nhân khoa học Thông tin - Tư liệu - Thư viện*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học, 1996, tr.69-72
24. Phan Văn.- *Thông tin học*.-H.: ĐHTH, 1988
25. Phan Văn.- *Thư viện học đại cương*.-H.: H.: Bộ DH & THCN, 1983
26. Tạ Bá Hưng.- *Hệ thống thông tin khoa học kỹ thuật tự động hoá (Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ)*.-H.:1987
27. VESTENET.- *Hướng dẫn khai thác CSDL*. Quyển I/Cao Minh Kiểm chủ biên.-H.: 1995,
28. Xuân Thuỷ.- *Tập thơ Bác ơi*.-H.: Văn hoá, 1964

29. Mạc Văn Trọng.- “Thư viện Quân đội trong những năm đổi mới”.- *Tạp san thư viện*, số 4, 1994.- tr.5-8
30. Nguyễn Huy Chương.- “Ứng dụng tin học trong các thư viện đại học ở Mỹ”.- *Tin học và đời sống*, số 3+4, 1993.- tr.51-52
31. Nguyễn Minh Hiệp.- “Kỹ thuật mạng thư viện On-line ngày nay”.- *Tạp chí Điện tử và tin học*, số 3, 1995.- tr.3-6
32. Nguyễn Thu Thảo.- “Nghiên cứu xây dựng hệ thống tự động hoá biên soạn các mẫu tìm tin...”.- *Tạp chí Thông tin và tư liệu*, số 1, 1992.- tr.6
33. Nguyễn Tuấn Hoa.- “Các hệ thống tin học hiện đại”.- *Tạp chí Điện tử và tin học*, số 6, 1995.- tr.12-14
34. Nguyễn Tuấn Hoa.- “Internet ... “. - *Tạp chí Điện tử và tin học*, số 7, 1995.- tr.2-4
35. Popov G.A.- “Công nghệ thông tin hiện đại”.- *Tạp chí Thư viện khoa học kỹ thuật*, số 8-9, 1995.- tr.11-17
36. “Sự phát triển các mạng tin học và truyền dữ liệu ở Việt nam”.- *Tạp chí Điện tử và tin học*, số 11, 1995.- tr.47-48
37. Vũ Văn Sơn.- “Format và những mối quan hệ trong hoạt động thông tin - thư viện tự động hoá”. *Tạp chí Thông tin và tư liệu*, số 1, 1992.- tr.2-5

## II. TIẾNG NƯỚC NGOÀI

38. Cohn, John M. et al. - *Cataloging and Classification: a Workbook*.- New York: Marcel Dekker, 1980
39. Grogan, Deni - *Encyclopedias, Yearbooks, Directories and Statistical Sources*.- Chicago American library Association, 1988
40. Grogan, Denis - *Bibliographies of Books*.- Chicago: American Library Association, 1988

- 
41. Harmon, Robert .- *Elements of Bibliography* Mentuchen, NJ: Scarecrow Press, 1989
  42. Katz, William A. .- *Introduction to Reference Work. Volume I: Basic Information Sources.*- New York: Mc Graw-Hill, 1992
  43. Katz, William A. .- *Introduction to Reference Work. Volume II: Reference Services and Reference Processes.*- New York: Mc Graw-Hill, 1992
  44. Martin, Susan .- “Information Technology and Libraries: Toward the Year 2000” .- *College Research Libraries*, July 1989, pp 397-405
  45. Miller, William and Bonnie Gratch .- “Making Connections: Computerized Reference Services and People”.- *Library Trends*, Spring 1989, pp 387-401
  46. Nguyen Huy Chuong .- *Currently Status and Proposal for Information and Library Higher Training in Vietnam.*- Paper, Boston, 1995
  47. Nguyen Huy Chuong .- *The Detailed Functional Specifications of the Center of Information and Library of the Hanoi National University* .- Paper .- Boston, 1995
  48. *OCLC MARC Records: Structure of the OCLC Database Searching the Online Union Catalog.*- Newton, MA: NELINET, 1995
  49. *OCLC Reference Services: EPIC and FirstSearch.*- Newton, MA: NELINET, 1995
  50. Philip Barker.- *The Electronic library*, Vol.12, No.4, 1994
  51. *Prospectus of University College London, School of library, Archive and Information studies.* London, 1992
  52. “Reference Librarian of the Future”.- *Reference Service Review.*- Spring 1991
  53. Sabor, Josefa E. *Méthode d’Enseignement de la Bibliothéconomie.*- P.: UNESCO, 1969



54. Stabler, Karen .- “Introductory Training of Academic Reference Librarians: A Survey” .- *RQ* .- Spring 1987, pp 363-369
55. Steig, Margaret .- “Technology and the Concept of Reference”.- *Library Journal* .- April 15, 1990, pp 45-49
56. Stewart, Linda et al. .- *Public Access CD-ROMs in Libraries: Case Studies* .- Westport, CT: Meckler, 1990
57. Tenopir, Carol .- “The Impact of CD-ROM on Online”.- *Library Journal* .- February 1, 1991, pp 61-62
58. *The Vietnam Journal of Electronics and Informatics*.- No.7/1995, pp.2